

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

## MỤC LỤC

Lời mở đầu .....	3
<b>CHƯƠNG 1: Cơ sở lý luận kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán....</b>	<b>5</b>
<b>1. Kế toán vốn bằng tiền .....</b>	<b>5</b>
1.1. Khái niệm, nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền.....	5
1.2. Kế toán tiền mặt .....	6
1.2.1 Nguyên tắc chế độ lưu thông tiền mặt .....	6
1.2.2 Kế toán tiền mặt .....	7
1.2.2.1 Nội dung, kết cấu tài khoản 111 .....	8
1.2.2.2 Trình tự kế toán tiền mặt.....	9
1.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng .....	15
1.3.1 Một số quy định về hạch toán Tiền gửi ngân hàng.....	15
1.3.2 Kế toán tiền gửi .....	15
1.3.2.1 Nội dung, kết cấu tài khoản 112 .....	15
1.4 Kế toán tiền đang chuyển.....	18
1.4.1 Nội dung, kết cấu của tài khoản 113 .....	18
1.4.2 Phương pháp hạch toán một số các nghiệp vụ chủ yếu .....	19
<b>2. Kế toán các khoản phải thanh toán.....</b>	<b>21</b>
2.1 Kế toán các khoản phải thu khách hàng.....	21
2.1.1 Nội dung kết cấu của TK 131 .....	21
2.1.2 Trình tự hạch toán .....	22
2.2. Kế toán các khoản phải thu nội bộ .....	25
2.2.1 Nội dung và kết cấu của TK 136.....	25
2.2.2 Trình tự hạch toán .....	25
2.3. Kế toán các khoản phải thu khác.....	31
2.3.1 Nội dung và kết cấu TK 138 như sau .....	31
2.3.2 Trình tự hạch toán .....	32
2.4 Kế toán dự phòng phải thu khó đòi.....	34
2.4.1 Nội dung và kết cấu TK 139 .....	34

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

2.4.2	Trình tự hạch toán .....	34	
2.5.	Kế toán các khoản ứng trước .....	36	
<b>CHƯƠNG 2 Thực trạng công tác kế toán “vốn bằng tiền và các khoản thanh toán” tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Thùy Dương</b> ..... 49			
<b>1. Giới thiệu chung</b> .....			49
1.1.	Giới thiệu về công ty .....	49	
1.2.	Quá trình hình thành và phát triển của công ty .....	49	
1.3.	Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh .....	55	
1.4.	Những thuận lợi, khó khăn của công ty .....	56	
1.5.	Cơ cấu tổ chức quản lý.....	57	
1.6.	Tổ chức công tác hành chính- kế toán .....	59	
1.6.1	Tổ chức bộ máy kế toán .....	59	
1.6.2.	Đặc điểm hình thức hạch toán kế toán .....	61	
<b>2. Nội dung đề tài khóa luận “Kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán” tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Thùy Dương</b> .....			67
2.1	Nguyên tắc về hạch toán kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán.....	67	
2.2	Thực trạng công tác “Kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán” tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Thùy Dương .....	68	
<b>CHƯƠNG 3 Một vài nhận xét và kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Thùy Dương</b> .....			101
<b>KẾT LUẬN</b> .....			112
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....			113

## Lời mở đầu

Nền kinh tế thị trường mở ra rất nhiều cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp, đặc biệt là ngành dịch vụ. Khi nền kinh tế phát triển thì nhu cầu sử dụng các dịch vụ ngày càng phát triển và ngày càng có những đóng góp quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, góp phần tăng trưởng kinh tế, tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động. Để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh thì bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng cần có vốn để duy trì hoạt động và phát triển. Vì vậy muốn đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh ngày càng phát triển thì cần có các yêu cầu quản lý các khoản vốn bằng tiền hiệu quả nhất, vừa đem lại lợi ích cho doanh nghiệp vừa tiết kiệm, tránh lãng phí, thất thoát. Đồng thời để có thể cạnh tranh được và đứng vững trên thị trường, một biện pháp vô cùng cần thiết là các doanh nghiệp phải quản lý và thực hiện tốt vốn bằng tiền và các nghiệp vụ thanh toán của mình nhằm đảm bảo tốt các mối quan hệ tác động qua lại giao dịch giữa các thành phần kinh tế, nó sẽ kích thích nền kinh tế phát triển nhanh hơn.

Mặt khác vốn bằng tiền và các nghiệp vụ thanh toán là cơ sở để đánh giá thực lực của công ty trong quá trình sản xuất và kinh doanh, khả năng tài chính khả năng thanh toán của doanh nghiệp từ đó nhằm tạo niềm tin cho các đối tác có quan hệ trực tiếp hay gián tiếp đối doanh nghiệp, ngoài ra nó còn thể hiện vòng lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp có nhanh chóng hiệu quả hay không, để từ đó có thể đánh giá kết quả hoạt động của doanh nghiệp.

Kế toán vốn bằng tiền và các nghiệp vụ thanh toán có vai trò quan trọng của công tác kế toán, nó đóng vai trò trung gian. Vì vậy, trong quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Thùy Dương em đã đi sâu tìm hiểu thực tế phần hành kế toán này. Trên cơ sở đó cùng với sự hướng dẫn và chỉ bảo tận tình của Tiến sĩ Lê Văn Liên, em đã mạnh dạn chọn đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Thùy Dương” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình. Nội dung đề tài gồm 3 chương chính:

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

**Chương 1: Cơ sở lý luận kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán**

**Chương 2: Thực trạng công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Thùy Dương**

**Chương 3: Một vài nhận xét và kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Thùy Dương**

Trong bài khóa luận tốt nghiệp này em đã cố gắng tìm hiểu những thông tin sát với thực tế tại Công ty. Tuy nhiên do trình độ bản thân còn hạn chế, em sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, kính mong thầy cô và nhà trường xem xét và góp ý để em có thể hoàn thành tốt hơn nữa bài báo cáo trên. Em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới các thầy giáo, cô giáo đã tận tình chỉ dạy em trong suốt thời gian học tập tại nhà trường. Đặc biệt, em xin cảm ơn **Tiến sĩ Lê Văn Liên** – người đã nhiệt tình hướng dẫn, giúp đỡ em trong suốt quá trình hoàn thành bài khóa luận sau.

**Em xin chân thành cảm ơn!**

Sinh viên

Nguyễn Thị Mai Hương

## CHƯƠNG 1: Cơ sở lý luận kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán

### 1. Kế toán vốn bằng tiền

#### 1.1. Khái niệm, nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền

##### \* Khái niệm

Vốn bằng tiền là một bộ phận quan trọng của vốn kinh doanh trong doanh nghiệp được biểu hiện dưới hình thức tiền tệ bao gồm : Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng, Tiền đang chuyển. Cả ba loại trên đều có tiền Việt Nam, ngoại tệ, vàng bạc, đá quý, kim khí quý. Mỗi loại vốn bằng tiền đều sử dụng vào những mục đích khác nhau và có yêu cầu quản lý từng loại nhằm quản lý chặt chẽ tình hình thu, chi và đảm bảo an toàn cho từng loại sử dụng có hiệu quả tiết kiệm và đúng mục đích.

##### \* Nhiệm vụ

Kế toán vốn bằng tiền phải thực hiện những nhiệm vụ sau :

- Phản ánh chính xác kịp thời những khoản thu chi và tình hình còn lại của từng loại vốn bằng tiền, kiểm tra và quản lý nghiêm ngặt việc quản lý các loại vốn bằng tiền nhằm đảm bảo an toàn cho tiền tệ, phát hiện và ngăn ngừa các hiện tượng tham ô và lợi dụng tiền mặt trong kinh doanh.

- Giám sát tình hình thực hiện kế toán thu chi các loại vốn bằng tiền, kiểm tra việc chấp hành nghiêm chỉnh chế độ quản lý vốn bằng tiền, đảm bảo chi tiêu tiết kiệm và có hiệu quả cao.

Kế toán vốn bằng tiền phải tuân thủ những nguyên tắc sau :

- Kế toán vốn bằng tiền chỉ sử dụng một đơn vị tiền tệ thống nhất là đồng Việt Nam ( VNĐ).

- Các loại ngoại tệ phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ để ghi sổ kế toán.

Để phản ánh và giám sát chặt chẽ vốn bằng tiền, kế toán phải thực hiện các nhiệm vụ sau :

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

- Ghi nhận các nghiệp vụ thực tế phát sinh liên quan đến việc xuất quỹ, nhập quỹ một cách chính xác.
- Đảm bảo việc xuất, nhập quỹ được quản lý một cách chặt chẽ, công khai. Kế toán vốn bằng tiền phải thường xuyên đối chiếu số liệu với thủ quỹ.
- Đối với vàng, bạc, kim khí quý, đá quý được giá trị bằng tiền tại thời điểm mua vào (hoặc được thanh toán) theo giá mua thực tế hoặc theo giá niêm yết của Ngân hàng địa phương nơi đơn vị có trụ sở hoạt động.
- Phải theo dõi chi tiết số lượng, trọng lượng, quy cách, phẩm chất và giá trị của từng loại vàng, bạc, đá quý, kim loại quý. Đối với ngoại tệ phải theo dõi cả nguyên tệ gốc.
- Cuối mỗi kỳ, kế toán phải điều chỉnh lại các loại ngoại tệ, vàng, bạc ... theo tỷ giá thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### **1.2. Kế toán tiền mặt**

#### **1.2.1 Nguyên tắc chế độ lưu thông tiền mặt**

Việc quản lý tiền mặt phải dựa trên nguyên tắc chế độ và thể lệ của Nhà nước đã ban hành, phải quản lý chặt chẽ cả hai mặt thu và chi và tập trung nguồn tiền vào Ngân hàng Nhà nước nhằm điều hòa tiền tệ trong lưu thông, tránh lạm phát và bội chi ngân sách, kế toán đơn vị phải thực hiện các nguyên tắc sau:

- Nhà nước quy định ngân hàng là cơ quan duy nhất để phụ trách quản lý tiền mặt. Các xí nghiệp cơ quan phải chấp hành nghiêm chỉnh các chế độ thể lệ quản lý tiền mặt của Nhà nước.
- Các xí nghiệp, các tổ chức kế toán và các cơ quan đều phải mở tài khoản tại ngân hàng để gửi tiền nhàn rỗi vào ngân hàng để hoạt động.
- Mọi khoản thu bằng tiền mặt bất cứ từ nguồn thu nào đều phải nộp hết vào ngân hàng trừ trường hợp ngân hàng cho phép tọa chi như các đơn vị ở xa ngân hàng nhất thiết phải thông qua thanh toán ngân hàng. Nghiêm cấm các đơn vị cho thuê, cho mượn tài khoản để các công ty khác sử dụng ( Cho mượn tài khoản để

rửa tiền là hành vi vi phạm pháp luật. Nếu việc cho mượn tài khoản dẫn đến trốn thuế thì có thể sẽ bị truy cứu trách nhiệm Hình sự về tội trốn thuế )

### **1.2.2 Kế toán tiền mặt**

Mỗi doanh nghiệp đều có một số tiền mặt nhất định tại quỹ. Số tiền thường xuyên có tại quỹ được ấn định tùy thuộc vào quy mô tính chất hoạt động của doanh nghiệp và được ngân hàng thỏa thuận.

Để quản lý và hạch toán chính xác, tiền mặt của doanh nghiệp được tập trung bảo quản tại quỹ. Mọi nghiệp vụ có liên quan đến thu, chi tiền mặt, quản lý và bảo quản tiền mặt đều do thủ quỹ chịu trách nhiệm thực hiện.

Thủ quỹ do giám đốc doanh nghiệp chỉ định và chịu trách nhiệm gửi quỹ. Thủ quỹ không được nhờ người khác làm giúp nhiệm vụ của mình, không được kiêm nhiệm công tác kế toán và không được làm công tác tiếp liệu, mua bán vật tư hàng hóa.

Tất cả các khoản thu chi tiền mặt đều phải có các chứng từ thu chi hợp lệ, chứng từ phải có chữ ký của giám đốc doanh nghiệp và kế toán trưởng. Sau khi đã kiểm tra chứng từ hợp lệ, thủ quỹ tiến hành thu vào hoặc chi ra các khoản tiền và gửi lại chứng từ đã có chữ ký của người nhận tiền hoặc nộp tiền. Cuối mỗi ngày căn cứ vào các chứng từ thu chi để ghi sổ quỹ và lập báo cáo quỹ kèm theo các chứng từ thu chi để ghi sổ kế toán. Thủ quỹ là người chịu trách nhiệm quản lý và nhập quỹ tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, đá quý tại quỹ. Hàng ngày thủ quỹ phải thường xuyên kiểm kê số tiền quỹ thực tế, tiến hành đối chiếu với số liệu của sổ quỹ, sổ kế toán. Nếu có chênh lệch, thủ quỹ và kế toán phải tự kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý. Đối với vàng bạc, đá quý nhận ký cược, ký quỹ trước khi nhập quỹ phải làm đầy đủ các thủ tục về cân, đo, đếm số lượng, trọng lượng, giám định chất lượng và tiến hành niêm phong cá xác nhận của người ký cược, ký quỹ trên dấu niêm phong.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Có thể sử dụng mẫu sổ quỹ kiêm báo cáo quỹ sau:

## Sổ quỹ tiền mặt ( kiêm báo cáo quỹ)

Ngày ... tháng ... năm

Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
Thu	Chi			Thu	Chi
		Số dư đầu ngày			
		Phát sinh trong ngày			
.....	.....	.....	.....	.....	.....
		Cộng phát sinh			
		Số dư cuối ngày			

Kèm theo ... chứng từ thu.  
... chứng từ chi.

Ngày ... tháng ... năm 20...  
Thủ quỹ ký

Để phản ánh tình hình thu, chi tiền mặt kế toán sử dụng TK 111 “ Tiền mặt”.

### 1.2.2.1 Nội dung, kết cấu tài khoản 111

#### - Bên nợ :

+ Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý nhập quỹ.

+ Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý thừa ở quỹ phát hiện khi kiểm kê.

+ Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ.

#### - Bên có :

+ Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý xuất quỹ.

+ Số tiền mặt, ngoại tệ, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý thiếu hụt ở quỹ khi kiểm kê.

+ Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ.

- **Số dư bên nợ :** Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn tồn ở quỹ tiền mặt.



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Tài khoản 111 gồm có 3 tài khoản cấp 2 :

TK 1111 : Tiền Việt Nam – phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tiền Việt Nam tại quỹ tiền mặt.

TK 1112 : Ngoại tệ - phản ánh tình hình thu, chi, tăng, giảm tỷ giá và tồn quỹ ngoại tệ tại quỹ tiền mặt theo giá trị quy đổi ra Đồng Việt Nam.

TK 1113 : Vàng bạc, kim khí quý, đá quý – phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý nhập, xuất, tồn quỹ.

### 1.2.2.2 Trình tự kế toán tiền mặt

- Kế toán các khoản phải thu, chi bằng tiền Việt Nam
- Các nghiệp vụ tăng tiền mặt

Nợ TK 111 (1111) : Số tiền nhập quỹ.

Có TK 511 : Thu tiền bán sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ.

Có TK 711 : Thu tiền từ hoạt động tài chính

Có TK 721 : Thu tiền từ hoạt động bất thường

Có TK 112 : Rút tiền từ ngân hàng

Có TK 131, 136 : Thu hồi các khoản nợ phải thu

Có TK 121, 128, 138, 144, 244 : Thu hồi các khoản vốn ĐTNH

Có TK 338 (3381) : Tiền thừa tại quỹ chưa xác định rõ nguyên nhân

- Các nghiệp vụ giảm tiền mặt:

Nợ TK 112 : Gửi tiền vào TK tại NH

Nợ TK 121,221 : Xuất quỹ mua chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Nợ TK 144,244 : Xuất tiền để thế chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn, dài hạn

Nợ TK 211, 213: Xuất tiền mua TSCĐ để đưa vào sử dụng

Nợ TK 241 : Xuất tiền dùng cho công tác ĐTXDCB tự làm

Nợ TK 152, 153, 156: Xuất tiền mua vật tư hàng hóa để nhập kho (theo phương pháp kê khai thường xuyên).

Nợ TK 611 : Xuất tiền mua vật tư, hàng hóa về nhập kho (theo phương pháp kiểm tra định kỳ)

Nợ TK 311, 315 : Thanh toán nợ ngắn hạn đến hạn

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Nợ TK 331 : Thanh toán cho người bán

Nợ TK 333 : Nộp thuế và các khoản khác cho ngân sách

Nợ TK 334 : Thanh toán lương và các khoản cho người lao động

Có TK 111(1111) : Số tiền mặt thực xuất quỹ

- Kế toán các khoản thu, chi ngoại tệ

Đối với ngoại tệ, ngoài việc quy đổi ra đồng Việt Nam, kế toán còn phải theo dõi nguyên tệ trên TK 007-Nguyên tệ các loại.

Việc quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam phải tuân theo các quy định sau đây:

- Đối với các loại TK thuộc chi phí, thu nhập, vật tư, hàng hoá, TSCĐ... dù doanh nghiệp có hay không sử dụng tỷ giá hạch toán. Khi có phát sinh các nghiệp vụ bằng ngoại tệ đều phải luôn luôn ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Các doanh nghiệp có ít nghiệp vụ bằng ngoại tệ thì các tài khoản tiền, các tài khoản phải thu, phải trả được ghi sổ bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá mua vào của ngân hàng Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế. Các khoản chênh lệch tỷ giá (nếu có) của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào TK 1113-Chênh lệch tỷ giá.

- Các doanh nghiệp có nhiều nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ có thể dùng tỷ giá hạch toán để ghi sổ các tài khoản tiền, phải thu, phải trả. Số chênh lệch giữa tỷ giá hạch toán và tỷ giá mua của ngân hàng tại thời điểm nghiệp vụ kinh tế phát sinh được hạch toán vào tài khoản 413-Chênh lệch tỷ giá.

Tỷ giá hạch toán có thể là tỷ giá mua hoặc tỷ giá thống kê của ngân hàng và được sử dụng ổn định ít nhất trong một kỳ kế toán.

Cuối kỳ hạch toán, kế toán phải đánh giá lại số dư ngoại tệ của các tài khoản tiền, cả khoản phải thu, các khoản nợ phải trả theo tỷ giá mua của ngân hàng Việt Nam công bố tại thời điểm cuối kỳ để ghi sổ kế toán.

TK 413-Chênh lệch tỷ giá có kết cấu như sau :

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

- Bên nợ :

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hóa và nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

+ Xử lý chênh lệch tỷ giá.

- Bên có :

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh tăng của vốn bằng tiền, vật tư, hàng hoá và nợ phải thu có gốc ngoại tệ.

+ Xử lý chênh lệch tỷ giá.

+ Chênh lệch tỷ giá phát sinh giảm các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ.

Tài khoản này cuối kỳ có thể có số dư bên Có hoặc bên Nợ

Số dư bên Nợ : Chênh lệch tỷ giá cần phải được xử lý.

Số dư bên Có : Chênh lệch tỷ giá còn lại.

Số chênh lệch tỷ giá trên TK 413- Chênh lệch tỷ giá chỉ được xử lý (ghi tăng hoặc giảm vốn kinh doanh, hạch toán vào lãi hoặc lỗ). Khi có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

(Trường hợp tỷ giá hạch toán nhỏ hơn tỷ giá thực tế thì số chênh lệch tỷ giá được ghi bên Nợ TK 413).

- Khi xuất quỹ bằng ngoại tệ :

+ Mua vật tư, hàng hoá, tài sản cố định:

Nợ TK 152-Nguyên liệu, vật liệu (tỷ giá thực tế)

Nợ TK 153-Công cụ dụng cụ (tỷ giá thực tế)

Nợ TK 156-Hàng hoá (tỷ giá thực tế)

Nợ TK 211-Tài sản cố định hữu hình (tỷ giá thực tế)

Có TK 111-Tiền mặt (1112) (tỷ giá hạch toán)

Có TK 413-Chênh lệch tỷ giá (số chênh lệch tỷ giá thực tế lớn hơn tỷ giá hạch toán).

(Nếu tỷ giá thực tế nhỏ hơn tỷ giá hạch toán thì số chênh lệch được ghi bên Nợ TK 413).

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

+ Chi phí sản xuất, chi phí bán hàng, chi phí quản lý phát sinh bằng ngoại tệ:  
cũng ghi sổ theo dõi nguyên tắc trên.

+ Xuất quỹ ngoại tệ trả nợ cho người bán ;

Nợ TK 331-PTCNB (tỷ giá hạch toán)

Có TK 111-Tiền mặt (1112) (tỷ giá hạch toán)

\* Trường hợp doanh nghiệp không áp dụng tỷ giá hạch toán :

- Khi nhập quỹ ngoại tệ :

+ Thu tiền bán hàng bằng ngoại tệ :

Nợ TK 111-Tiền mặt (1112) (theo tỷ giá thực tế)

Nợ TK 131-PTCKH (theo tỷ giá thực tế)

Có TK 511-Doanh thu bán hàng (theo tỷ giá thực tế)

+ Thu các khoản nợ phải thu bằng ngoại tệ nhập quỹ :

Nợ TK 111-Tiền mặt (1112) (theo tỷ giá thực tế)

Có TK 131-PTCKH (tỷ giá bình quân thực tế nợ)

**Có TK 413-Chênh lệch tỷ giá (số chênh lệch tỷ giá thực tế lớn hơn giá thực tế lớn hơn giá bình quân thực tế bên nợ).**

(Trường hợp tỷ giá thực tế nhỏ hơn tỷ giá bình quân thực tế nợ thì số chênh lệch được ghi vào TK 413).

- Khi xuất quỹ ngoại tệ :

+ Xuất ngoại tệ mua vật tư, hàng hoá, TSCĐ, chi trả các khoản chi phí:

Nợ TK 152-Nguyên liệu, vật liệu (theo tỷ giá thực tế)

Nợ TK 153-Công cụ dụng cụ (theo tỷ giá thực tế)

Nợ TK 156-Hàng hoá (theo tỷ giá thực tế)

Nợ TK 211-TSCĐHH (theo tỷ giá thực tế)

Nợ TK 611-Mua hàng (đối với phương pháp kiểm kê định kỳ)

Nợ TK 627-Chi phí sản xuất chính (theo tỷ giá thực tế)

Nợ TK 641-Chi phí mua hàng (theo tỷ giá thực tế)

Nợ TK 642-Chi phí quản lý doanh nghiệp (theo tỷ giá thực tế)

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

Có TK 111-Tiền mặt (1112) (tỷ giá thực tế bình quân)

(Nếu tỷ giá thực tế nhỏ hơn tỷ giá thực tế bình quân thì số chênh lệch được ghi vào bên Nợ TK 413).

+Xuất ngoại tệ trả nợ cho người bán :

Nợ TK 331-PTCNB (tỷ giá nhận nợ)

Có TK 111-Tiền mặt (1112) (theo tỷ giá thực tế)

Có TK 413-Chênh lệch tỷ giá (nhận nợ lớn hơn tỷ giá thực tế)

(Nếu tỷ giá nhận nợ nhỏ hơn theo tỷ giá thực tế thì số chênh lệch được ghi vào bên Nợ TK413)

Đến cuối năm, cuối quý nếu có biến động lớn về tỷ giá thì phải đánh giá lại số ngoại tệ hiện có tại quỹ theo tỷ giá thực tế tại thời điểm cuối năm, cuối quý ;

+Nếu chênh lệch giảm :

### **Nợ TK 413-Chênh lệch tỷ giá**

Có TK 111-Tiền mặt (1112)

+Nếu chênh lệch tăng :

Nợ TK 111-Tiền mặt (1112)

Có TK 413-Chênh lệch tỷ giá.

- Kế toán nhập xuất vàng bạc, kim loại quý, đá quý

Đối với các doanh nghiệp kinh doanh, các nghiệp vụ liên quan đến vàng, bạc, kim loại quý được hạch toán ở TK 111-

Các nghiệp vụ tăng vàng, bạc, kim loại quý, đá quý ghi :

Nợ TK 111- : Giá thực tế tăng

Có TK 111 (1111), Có TK 112 (1121) : số tiền chi mua thực tế

Có TK 511-Doanh thu bán hàng (bán hàng thu bằng vàng, bạc...)

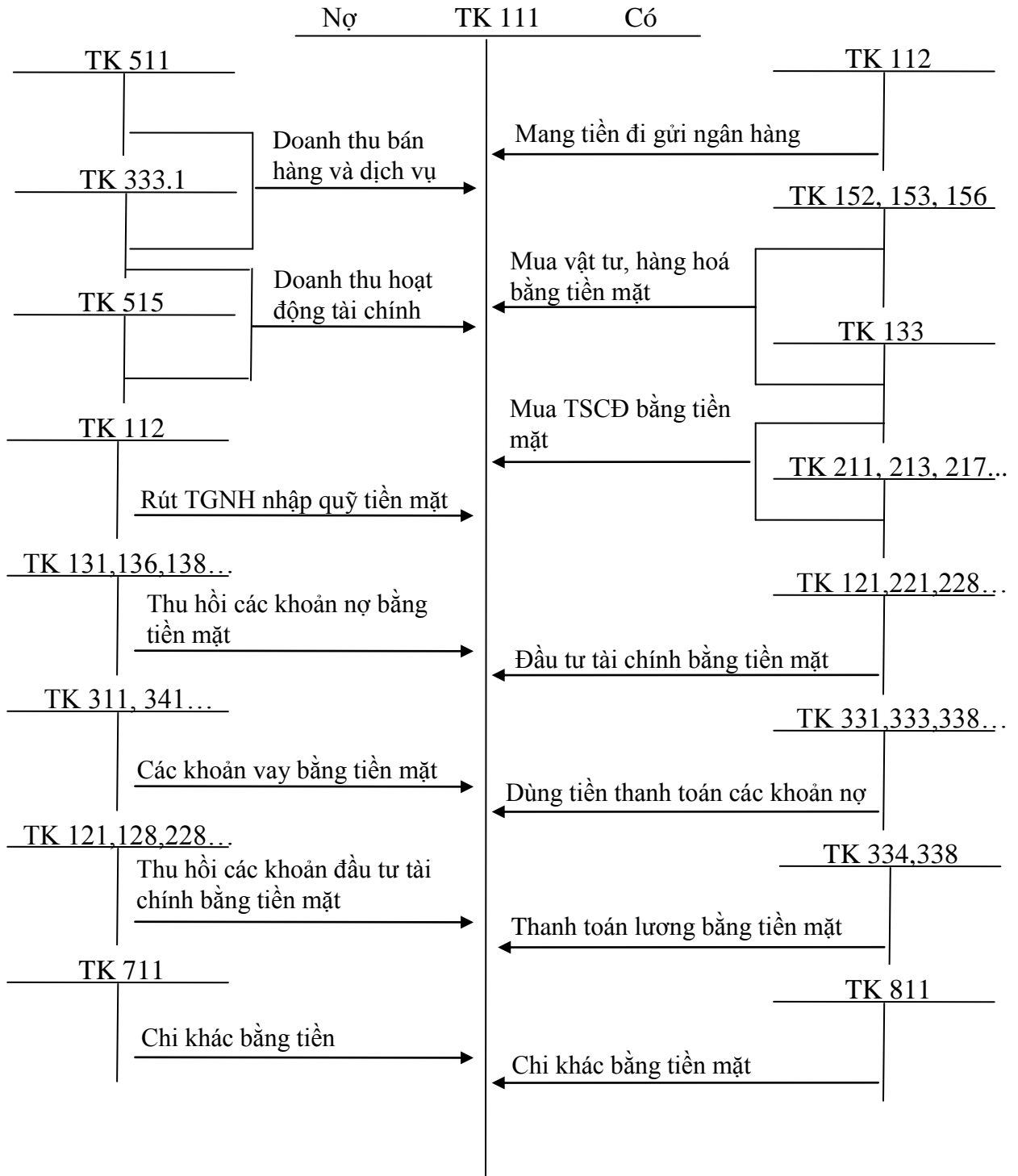
Có TK 138, 144-Thu hồi các khoản cho vay, các khoản thế chấp, ký cược, ký quỹ.

Có TK 411-NVKD: Nhận liên doanh, cấp phát bằng vàng, bạc, đá quý.

Các nghiệp vụ ghi giảm theo bút toán ngược lại

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Sơ đồ tổng quát trình tự kế toán tiền mặt



## 1.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng

### 1.3.1 Một số quy định về hạch toán Tiền gửi ngân hàng

Căn cứ để hạch toán trên tài khoản 112 “ Tiền gửi Ngân hàng” là các giấy báo Có, báo Nợ, hoặc bản sao kê của Ngân hàng kèm theo các chứng từ gốc ( Ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu, séc chuyên khoản, séc bảo chi..)

Khi nhận được chứng từ của Ngân hàng gửi đến, kế toán phải kiểm tra, đối chiếu với chứng từ gốc kèm theo. Nếu có sự chênh lệch thì phải thông báo cho Ngân hàng để cùng đối chiếu, xác minh và xử lý kịp thời.

Ở những đơn vị có các tổ chức, bộ phận phụ thuộc không tổ chức kế toán riêng, có thể mở tài khoản chuyên thu, chuyên chi hoặc mở tài khoản thanh toán phù hợp để thuận tiện cho việc giao dịch, thanh toán. Kế toán phải mở tài khoản chi tiết theo từng loại tiền gửi.

Phải tổ chức hạch toán chi tiết số tiền gửi theo từng tài khoản ở Ngân hàng để tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu.

### 1.3.2 Kế toán tiền gửi

#### 1.3.2.1 Nội dung, kết cấu tài khoản 112

##### - Bên nợ :

+ Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào Ngân hàng.

+ Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ.

##### - Bên có :

+ Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý rút ra từ Ngân hàng.

+ Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ.

- **Số dư bên nợ** : Các khoản tiền mặt, ngân phiếu, ngoại tệ, vàng bạc, kim khí quý, đá quý hiện còn gửi ở Ngân hàng.

Tài khoản 112 gồm có 3 tài khoản cấp 2 :

TK 1121 : Tiền Việt Nam - phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng Đồng Việt Nam.

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

TK 1122 : Ngoại tệ - phản ánh số tiền gửi vào, rút ra và hiện đang gửi tại Ngân hàng bằng ngoại tệ đã quy đổi ra Đồng Việt Nam.

TK 1123 : Vàng bạc, kim khí quý, đá quý – phản ánh giá trị vàng, bạc, kim khí quý, đá quý gửi vào, rút ra, và hiện đang gửi tại Ngân hàng.

### 1.3.2.2 Trình tự kế toán tiền gửi

Phương pháp hạch toán kế toán đối với tài khoản 112 cũng tương tự như đối với tài khoản 111. Tuy nhiên cần lưu ý một số nghiệp vụ chủ yếu sau :

- Số lợi tức gửi được hưởng :

Nợ TK 111, 112 : Nếu thu tiền

Nợ TK 138 : Phải thu khác-nếu chưa thu được

Có TK 711 : Thu nhập hoạt động tài chính

- Số chênh lệch số liệu trên sổ của doanh nghiệp so với số liệu của ngân hàng vào cuối tháng chưa rõ nguyên nhân :

+ Trường hợp số liệu của ngân hàng lớn hơn số liệu trên sổ của doanh nghiệp:

Nợ TK 112-TGNH

Có TK 338-Phải trả, phải nộp khác (3388)

Sang tháng sau, khi xác định được nguyên nhân sẽ ghi sổ theo từng trường hợp:

Nợ TK 338 : Phải trả, phải nộp khác (3388)

Có TK 112-TGNH (nếu ngân hàng ghi sổ nhầm lẫn)

Hoặc Có TK 511-Doanh thu bán hàng ( nếu doanh nghiệp ghi thiếu

### ***Có TK 711-Thu nhập hoạt động tài chính***

Có TK 721-Thu nhập bất thường

+ Trường hợp số liệu của ngân hàng nhỏ hơn số liệu trên sổ kế toán của đơn vị:

Nợ TK 138-Phải thu khác (1388)

Có TK 112-TGNH

Sang tháng sau khi xác định được nguyên nhân ghi :

Nợ TK 112 (nếu ngân hàng ghi thiếu )

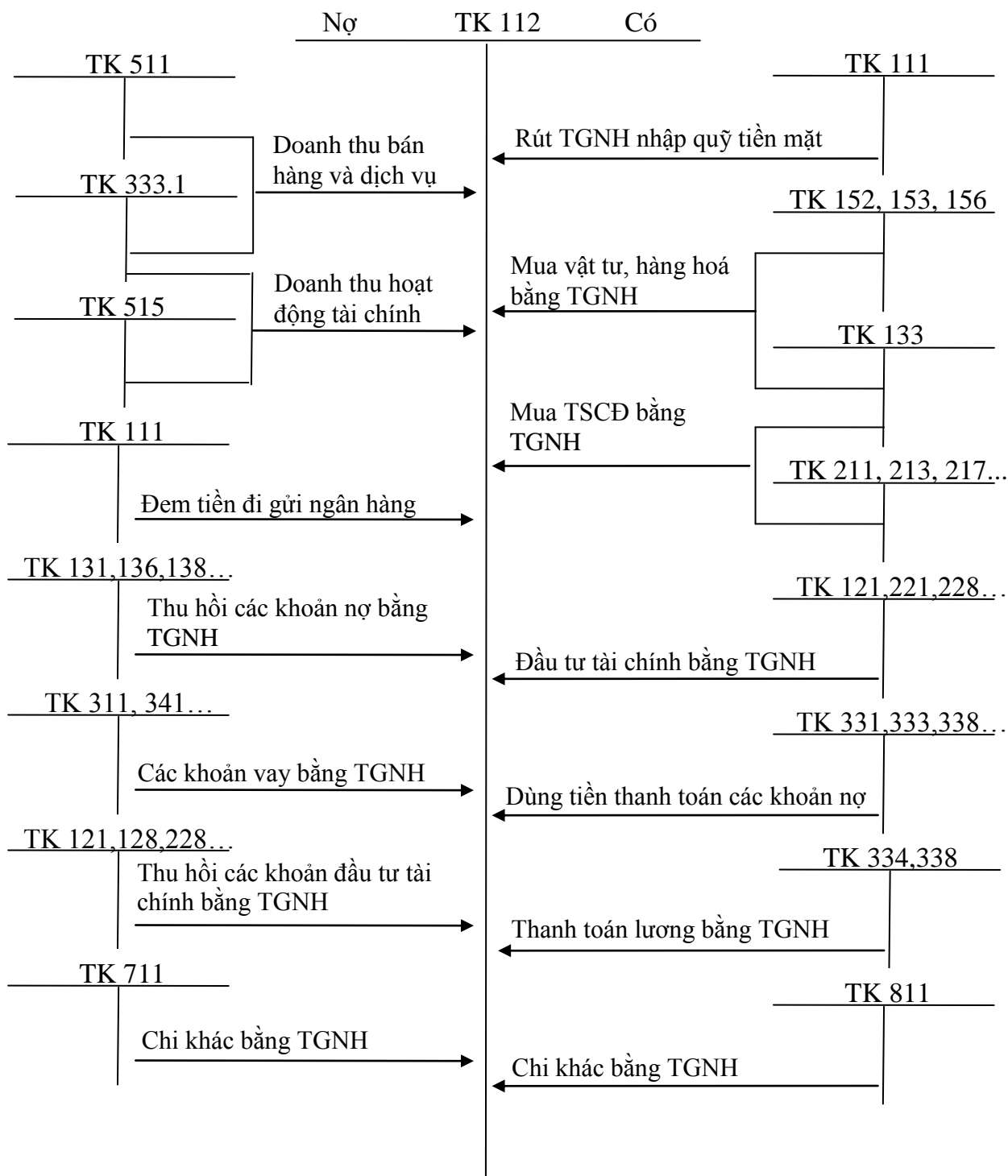
Nợ TK 511, 811, 812...(nếu do doanh nghiệp ghi thừa)

Có TK138 (1388) : Số thừa đã xử lý



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Sơ đồ trình tự hạch toán tiền gửi Ngân hàng



### 1.4 Kế toán tiền đang chuyển

Tiền đang chuyển là các khoản tiền của doanh nghiệp đã nộp vào ngân hàng kho bạc Nhà nước hoặc đã gửi vào bưu điện để chuyển cho ngân hàng hoặc đã làm thủ tục chuyển từ TK tại ngân hàng để trả cho các đơn vị khác nhưng chưa nhận được giấy báo Nợ hay bản sao kê của ngân hàng.

Tiền đang chuyển gồm tiền VN và ngoại tệ đang chuyển trong các trường hợp sau:

- Thu tiền mặt hoặc séc nộp thẳng cho ngân hàng
- Chuyển tiền qua bưu điện trả cho đơn vị khác
- Thu tiền bán hàng nộp thuế ngay vào kho bạc giao tiền tay ba giữa doanh nghiệp, khách hàng và kho bạc Nhà nước

Kế toán tiền đang chuyển được thực hiện trên TK 113-Tiền đang chuyển.

#### 1.4.1 Nội dung, kết cấu của tài khoản 113

##### **Bên Nợ:**

- Các khoản tiền mặt hoặc séc bằng tiền mặt Việt Nam, ngoại tệ đã nộp vào Ngân hàng hoặc đã gửi bưu điện để chuyển vào Ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có
- Chênh lệch tăng tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

##### **Bên Có:**

- Số kết chuyển vào Tài khoản 112 – Tiền gửi Ngân hàng, hoặc tài khoản có liên quan
- Chênh lệch giảm tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư ngoại tệ tiền đang chuyển cuối kỳ.

##### **Số dư bên Nợ :**

Các khoản còn đang chuyển cuối kỳ

Tài khoản 113 – tiền đang chuyển, có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 1131 – Tiền Việt Nam
- Tài khoản 1132 – Ngoại tệ

### 1.4.2 Phương pháp hạch toán một số các nghiệp vụ chủ yếu

- Thu tiền bán hàng, thu nợ khách hàng bằng tiền mặt hoặc séc nộp thẳng vào ngân hàng (không qua quỹ) ghi :

Nợ TK 113-Tiền đang chuyển

Có 511-Doanh thu bán hàng

Có 131-Phải thu khách hàng

- Xuất quỹ tiền mặt gửi vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có của ngân hàng (đến cuối tháng) :

Nợ TK 113-Tiền đang chuyển

Có TK 111 (1111, 1112)-Tiền mặt

- Làm thủ tục chuyển tiền từ TK ở ngân hàng để trả cho chủ nợ, cuối tháng chưa nhận được giấy báo Có của ngân hàng.

Nợ TK 113-Tiền đang chuyển

Có TK 112-TGNH

-Khách hàng ứng trước tiền mua hàng bằng séc, doanh nghiệp đã nộp séc vào ngân hàng nhưng chưa nhận được giấy báo Có :

Nợ TK 113- Tiền đang chuyển

Có 131-Phải thu khách hàng

- Ngân hàng báo trước các khoản tiền đang chuyển đã vào tài khoản của đơn vị:

Nợ TK 112-TGNH

Có TK 113-Tiền đang chuyển

- Ngân hàng báo về số tiền đã chuyển cho người bán, người cung cấp dịch vụ, người cho vay.

Nợ TK 331-Phải trả cho người bán

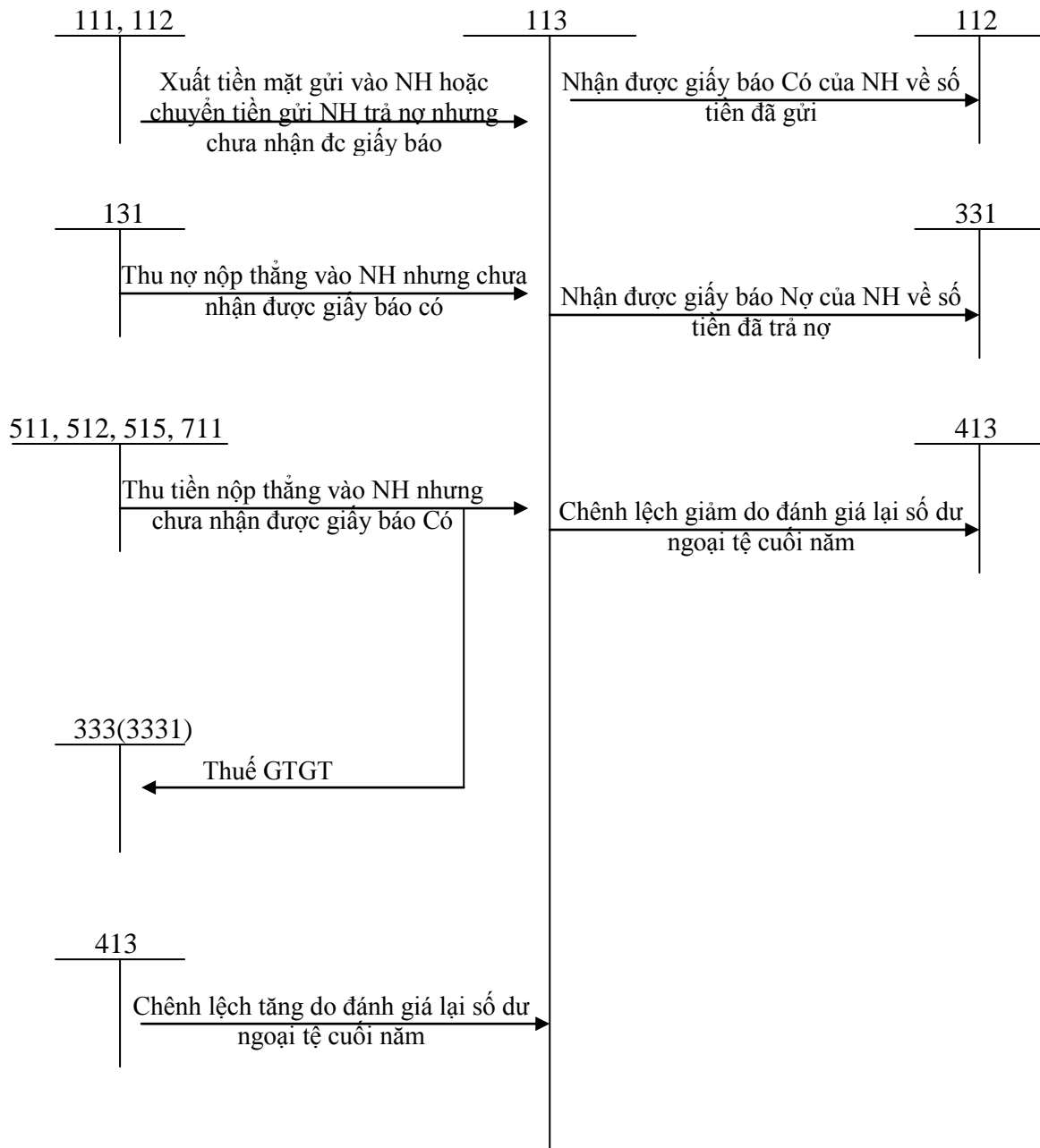
Nợ TK 311-Vay ngắn hạn

Nợ TK 315-Vay dài hạn đến hạn

Có TK 113-Tiền đang chuyển

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Sơ đồ trình tự hạch toán tiền đang chuyển



## 2. Kế toán các khoản phải thanh toán.

Các khoản phải thu trong doanh nghiệp bao gồm số phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác.

### 2.1 Kế toán các khoản phải thu khách hàng

Phải thu của khách hàng là các khoản doanh nghiệp phải thu khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hoá cung cấp lao vụ và dịch vụ, hoặc phải thu của người nhận thầu xây dựng cơ bản về khối lượng công tác xây dựng cơ bản đã hoàn thành.

Kế toán các khoản phải thu cần tôn trọng các quy định có tính nguyên tắc sau:

- Phải hạch định chi tiết nợ phải thu cho từng đối tượng phải thu và ghi chép theo từng lần thanh toán.

- Các khách hàng thanh toán bù trừ giữa nợ phải thu và nợ phải trả có sự thoả thuận giữa hai bên và lập chứng từ bù trừ cộng nợ phải thu khó đòi theo các quy định tài chính hiện hành.

Kế toán các khoản phải thu của khách hàng và thanh toán các khoản phải thu được theo dõi trên TK 131-Phải trả cho khách hàng.

#### 2.1.1 Nội dung kết cấu của TK 131

- Bên Nợ :

- + Số tiền phải thu của khách hàng về sản phẩm, hàng hóa đã giao, lao vụ dịch vụ đã cung cấp và đã được xác định là tiêu thụ.

- + Số tiền thừa đã trả lại cho khách hàng

- Bên Có :

- + Số tiền khách hàng đã trả

- + Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng

- + Các khoản chiết khấu giảm giá và doanh thu của hàng bán chưa thu tiền bị khách hàng trả lại

- Số dư bên Nợ : Số tiền còn lại phải thu của khách hàng

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

TK 131 có thể có số dư bên Có, phản ánh số tiền đã nhận trước hoặc số đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng.

### **2.1.2 Trình tự hạch toán**

- Doanh thu bán hàng đã trả chậm, đã được xác định là tiêu thụ :

Nợ TK 131- Phải thu của khách hàng

Có TK 511- Doanh thu bán hàng

- Các khoản chiết khấu bán hàng (doanh nghiệp cho khách hàng được hưởng nếu có)

Nợ TK 521- Chiết khấu bán hàng

Có TK 131- Phải trả cho khách hàng

- Số tiền giảm giá cho khách hàng do hàng kém phẩm chất, không đúng quy cách hoặc giao hàng không đúng thời hạn trong hợp đồng :

Nợ TK 532- Giảm giá hàng bán

Có TK 131- Phải thu của khách hàng

- Doanh thu của khối lượng hàng đã bán chưa thu tiền bị khách hàng trả lại.

Nợ TK 531- Hàng bán bị trả lại

Có TK 131- Phải trả cho khách hàng

- Số tiền nhận ứng trước hoặc trả trước của khách hàng

Nợ TK 111, 112

Có TK 131- Phải trả cho khách hàng

- Nhận tiền do khách hàng trả lại (kể cả số lãi do trả chậm-nếu có)

Nợ TK 111, 112

Có TK 131- Phải trả cho khách hàng (phần nợ gốc)

Có TK 711- Thu nhập hoạt động tài chính (phần lãi)

- Nếu khách hàng thanh toán theo phương thức đổi hàng, căn cứ giá trị vật tư, hàng hóa nhập kho tính theo giá trao đổi ghi trong hợp đồng kinh tế trừ vào số nợ phải thu, kế toán ghi :

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Nợ TK 152, 153, 156 (theo phương pháp kê khai thường xuyên)

Nợ TK 611-Mua bán (theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

Có TK 131-Phải thu của khách hàng

- Trường hợp thanh toán bù trừ (do khách hàng vừa là người mua , vừa là người bán)

Nợ TK 331-Phải trả người bán

Có TK 131-Phải trả cho khách hàng

-Xoá sổ các khoản nợ phải thu khó đòi được :

Nợ TK 139-Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 131- Phải trả cho khách hàng

Đồng thời ghi đơn bên Nợ TK 004-Nợ khó đòi đã xử lý (để có thể tiếp tục truy thu số nợ đó).

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Sơ đồ trình tự kế toán phải thu khách hàng





## 2.2. Kế toán các khoản phải thu nội bộ

Phải thu của nội bộ là các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên, cấp dưới, giữa các đơn vị cấp dưới với nhau trong đó đơn vị cấp trên là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, đơn vị cấp dưới là các đơn vị thành viên phụ thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng.

Hạch toán phải thu nội bộ thực hiện trên TK 136

### 2.2.1 Nội dung và kết cấu của TK 136

- Bên nợ :

- + Các khoản đã chi hộ, trả hộ đơn vị khác
- + Số tiền cấp trên phải thu về các khoản đơn vị cấp dưới phải nộp
- + Số tiền đơn vị cấp dưới phải thu về, các khoản cấp trên phải cấp xuống
- + Số vốn kinh doanh đã cấp cho đơn vị cấp dưới

- Bên Có :

- + Số tiền đã thu về các khoản phải thu trong nội bộ
- + Bù trừ phải thu với phải trả trong nội bộ của cùng một đối tượng
- + Thu hồi vốn cũ ở các đơn vị thành viên quyết toán với các đơn vị thành viên về kinh phí sự nghiệp đã cấp đã sử dụng

- Số dư bên nợ : Số còn phải thu ở các đơn vị nội bộ doanh nghiệp.

TK 136 -Phải trả nội bộ có 2 TK cấp 2 :

TK 1361-Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc (chỉ mở cho đơn vị cấp trên)

TK 1368-Phải thu nội bộ khác

### 2.2.2 Trình tự hạch toán

#### ▪ Hạch toán ở đơn vị cấp trên:

- Cấp trên cấp hoặc giao vốn kinh doanh kinh phí sự nghiệp cho đơn vị cấp dưới

Nợ TK 136-Phải thu nội bộ (1361)

Có TK 111, 112

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

- Cấp cho đơn vị cấp dưới bằng TSCĐ :

Nợ TK 136-Phải trả nội bộ (1361)(theo giá trị còn lại)

Có TK 214-HMTSCĐ (giá trị hao mòn)

Có TK 211-TSCĐHH (nguyên giá)

- Nếu đơn vị cấp dưới nhận vốn hoặc kinh phí trực tiếp từ ngân sách (theo uỷ quyền của đơn vị cấp trên)

Nợ TK 136-Phải trả nội bộ (1361)

Có TK 411-Nhận vốn kinh doanh

- Trường hợp đơn vị cấp dưới nhận hàng viện trợ không hoàn lại hoặc mua sắm TSCĐ bằng nhận vốn đầu tư xây dựng cơ bản và quỹ đầu tư phát triển, khi nhận được báo cáo của đơn vị cấp dưới gửi lên.

Nợ TK 136-Phải trả nội bộ (1361)

Có TK 411-Nhận vốn kinh doanh

-Vốn kinh doanh của đơn vị cấp dưới được bổ sung từ kết quả sản xuất kinh doanh theo sự phê duyệt của báo cáo tài chính của đơn vị cấp dưới.

Nợ TK 136 (1361)

Có TK 411

-Khi đơn vị cấp dưới hoàn lại vốn kinh doanh cho đơn vị cấp trên

Nợ TK 111, 112

Có TK 136 (1361)

- Khi đơn vị cấp dưới hoàn lại vốn kinh doanh cho ngân sách theo uỷ quyền của đơn vị cấp trên

Nợ TK 411-Nhận vốn kinh doanh

Có TK 136-Phải trả nội bộ (1361)

- Khoản phải thu ở các đơn vị phụ thuộc để lập quỹ quản lý cấp trên

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

Nợ TK 136- Phải trả nội bộ (1368)

Có TK 451-Quỹ quản lý cấp trên

- Khoản phải thu về lãi kinh doanh của các đơn vị cấp dưới

Nợ TK 136

Có TK 421-Lãi chưa phân phối

- Khoản phải thu theo ở đơn vị cấp dưới về quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi:

Nợ TK 136-Phải trả nội bộ (1368)

Có TK 414-Quỹ đầu tư phát triển

Có TK 415-Quỹ dự phòng tài chính

Có TK 431-Quỹ khen thưởng, phúc lợi

- Các khoản chi hỗ trợ các khoản cho đơn vị cấp dưới :

Nợ TK 136-Phải trả nội bộ (1368)

Có TK 111

Có TK 112

- Tổng hợp duyệt quyết toán cho cấp dưới về các khoản kinh phí sự nghiệp.

Nợ TK 161-Chi phí sự nghiệp

Có TK 136-Phải thu nội bộ

- Khi nhận được các khoản phải nộp theo nghĩa vụ của các đơn vị cấp dưới hoặc thanh toán bù trừ.

Nợ TK 111, 112

Nợ TK 136-Phải thu nội bộ (1368)

Có TK 136-Phải thu nội bộ (1368)

- Khi nhận các khoản cấp dưới chuyển trả về các khoản đã chi trả hộ

Nợ TK 161-Chi phí sự nghiệp.

Có TK 136 (1368)

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

- **Hạch toán ở các đơn vị cấp dưới:**

- Khi chi phí hộ, trả hộ các khoản chi phí cho đơn vị cấp trên và các đơn vị khác trong nội bộ :

Nợ TK 136-Phải trả nội bộ (1368)

Có TK 111, 112

- Phản ánh số quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi sẽ được cấp trong kỳ

Nợ TK 136-Phải trả nội bộ (1368)

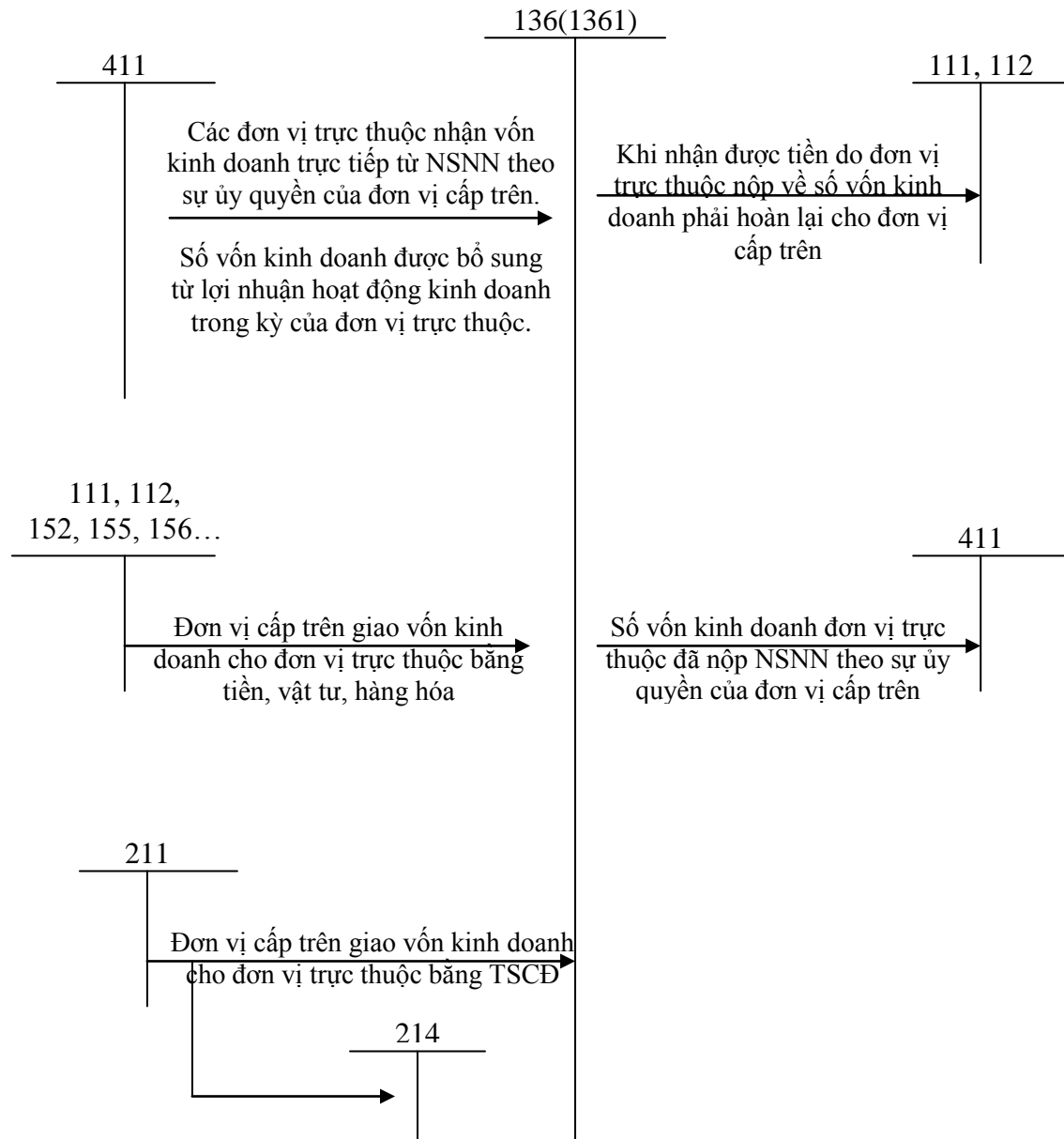
Có TK 414-Quỹ đầu tư phát triển

Có TK 415-Quỹ dự phòng tài chính

Có TK 431-Quỹ khen thưởng, phúc lợi

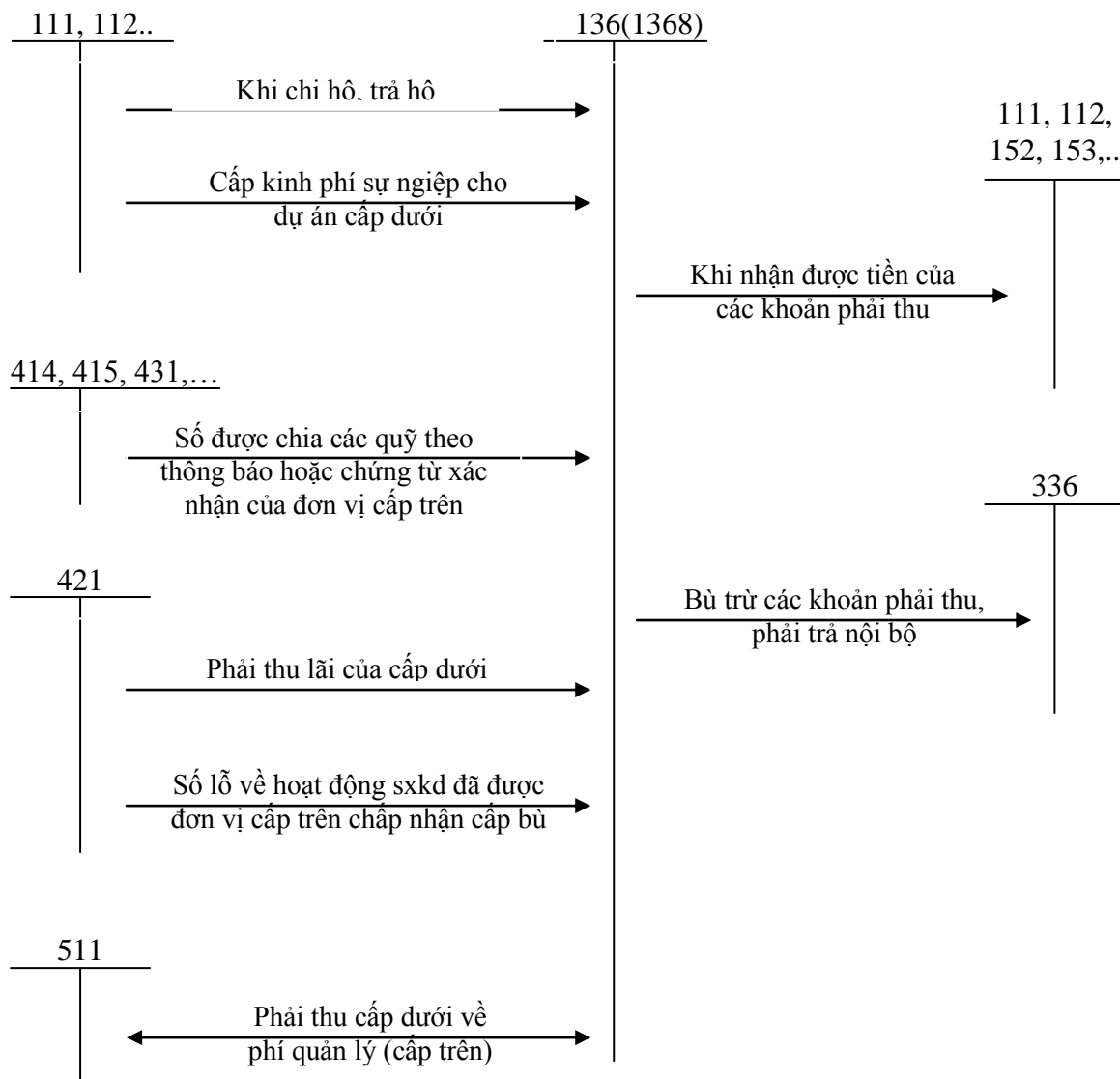
# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Sơ đồ trình tự kế toán phải thu nội bộ về vốn kinh doanh của đơn vị trực thuộc



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Sơ đồ trình tự kế toán phải thu nội bộ khác



### 2.3. Kế toán các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác bao gồm :

- Giá trị tài sản thiếu chưa rõ nguyên nhân đang chờ xử lý
- Các khoản phải thu về bồi thường vật chất do cá nhân hoặc tập thể trong và ngoài đơn vị gây ra.
- Các khoản cho vay, cho mượn vật tư, tiền vốn, TSCĐ có tính chất tạm thời không tính lãi
- Các khoản thu nhập phải thu của hoạt động tài chính và hoạt động bất thường.
- Các khoản đã chi trả cho hoạt động sự nghiệp, chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi phí sản xuất kinh doanh nhưng không được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phải thu hồi hoặc xử lý.
- Các tài khoản tiền gửi vào tài khoản chuyên thu, chuyên chi để nhờ đơn vị uỷ thác xuất, nhập khẩu hoặc nhận đại lý bán hàng nộp hộ các loại thuế của đơn vị có hàng đại lý hoặc đơn vị uỷ thác.
- Các khoản phải thu ở công nhân viên, phải thu về tiền nhà, điện nước, bảo hiểm y tế mà người lao động phải đóng góp, các khoản phải thu hộ ở người lao động cho toà án về các án quân sự...

Kế toán các khoản phải thu khác được phản ánh trên TK 138

#### 2.3.1 Nội dung và kết cấu TK 138 như sau :

- Bên Có :
  - + Giá trị tài sản thiếu cần được xử lý
  - + Số tiền đã thu được thuộc nợ phải thu khác
- Bên Nợ :
  - + Giá trị tài sản thiếu chờ giải quyết
  - + Các khoản phải thu khác
- Số dư bên Nợ : Các khoản nợ khác còn phải thu

TK 138 có 2 tài khoản cấp II :

TK 1381 : Tài sản thiếu chờ xử lý

TK 1388 : Phải thu khác

### 2.3.2 Trình tự hạch toán

#### ▪ **Kế toán Tài sản thiếu chờ xử lý :**

Chỉ hạch toán vào TK 1381- Tài sản thiếu chờ xử lý, các tài sản thiếu mất hoặc hư hỏng chưa xác định được nguyên nhân. Trường hợp đã xác định được nguyên nhân và có biên bản xử lý thì hạch toán ngay vào các TK liên quan. Không hạch toán qua TK1381

- Nếu TSCĐHH thiếu, mất chưa rõ nguyên nhân :

Nợ TK 138-Phải thu khác (1381) (giá trị còn lại)

Nợ TK 214- Hao mòn TSCĐ (giá trị hao mòn)

Có TK 211-TSCĐHH (nguyên giá)

- Nếu vật tư hàng hoá và tiền mặt tồn quỹ ...thiếu, mất chưa rõ nguyên nhân

Nợ TK 138-Phải thu khác (1381)

Có TK 111, 152, 153, 155, 156

- Khi có quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền :

Nợ TK 411, 334, 441, 821, 627, 642, 641...

Có TK 138 (1381)

#### ▪ **Kế toán các khoản phải thu khác:**

- Tài sản thiếu mất đã xác định được nguyên nhân và người chịu trách nhiệm bồi thường :

Nợ TK 138

Có TK 152, 153, 155, 156, 111

- Các khoản cho vay mượn vật tư, tiền vốn tạm thời không trả lãi và các khoản phải thu khác

Nợ TK 138 (1388)

Có TK 152, 153

- Các khoản thu nhập hoạt động tài chính, thu nhập bất thường phải thu (thu về cho thuê TSCĐ, lãi đầu tư tài chính, tiền được phạt, tiền được bồi thường...)

Nợ TK 138-Phải thu khác (1388)

Có TK 711-Thu nhập hoạt động tài chính

Có TK 721- Thu nhập bất thường

- Khi thu hồi các khoản nợ phải thu khác

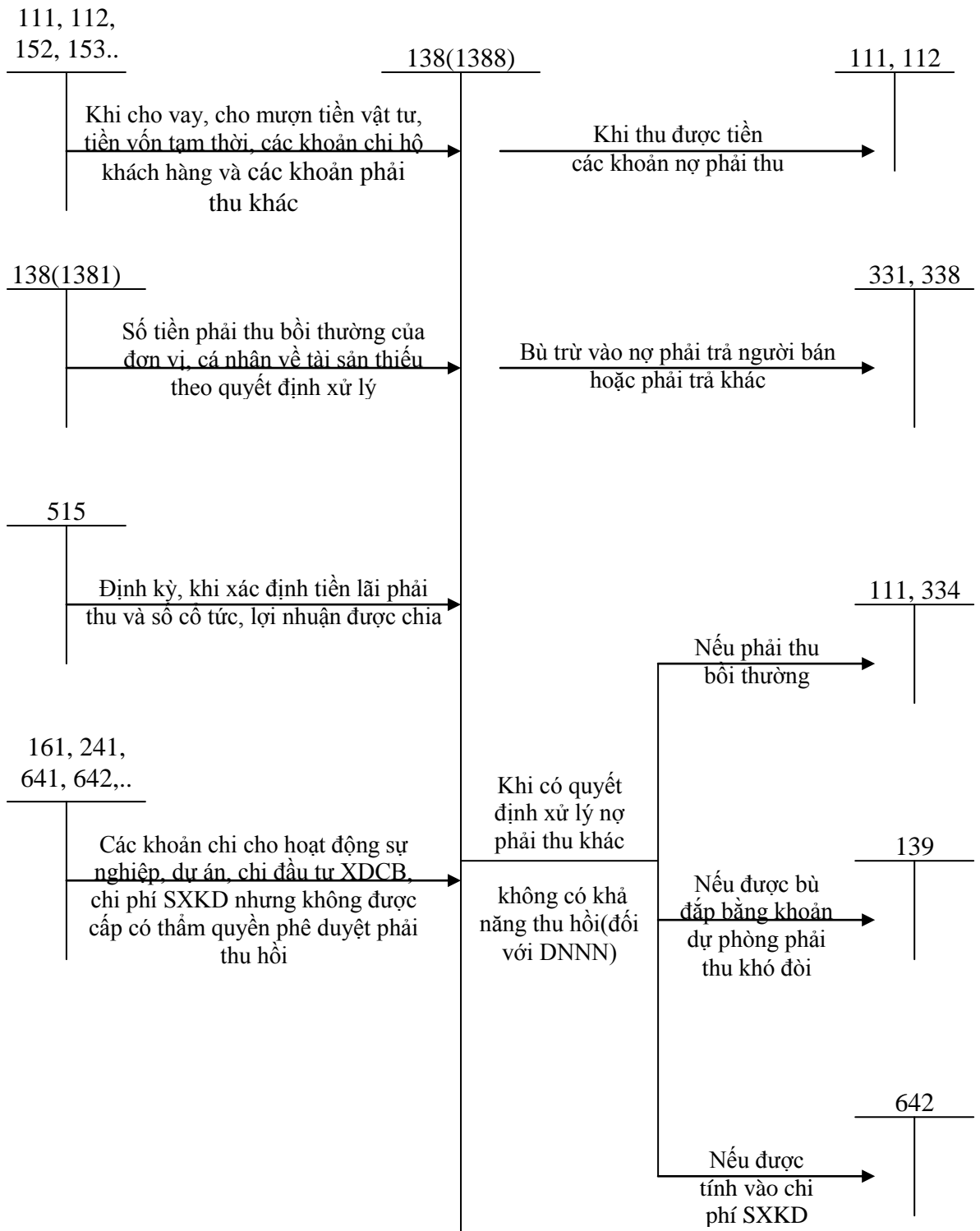
Nợ TK 111, 112

Có TK138 (1388)



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Sơ đồ trình tự kế toán các khoản phải thu khác



### 2.4 Kế toán dự phòng phải thu khó đòi

Lập dự phòng cho các khoản phải thu khi có những bằng chứng tin cậy về các khoản phải thu khó đòi khi khách hàng bị phá sản mất khả năng thanh toán...Việc lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được thực hiện vào cuối niên độ kế toán, mức lập dự phòng và xử lý xóa nợ phải theo quy định của chế độ tài chính của doanh nghiệp.

Kế toán dự phòng phải thu khó đòi thực hiện trên TK 139:

#### 2.4.1 Nội dung và kết cấu TK 139

- Bên nợ :

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi phải xử lý xóa nợ

+ Hoà nhập dự phòng vào cuối niên độ

-Bên có :

+ Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tính vào chi chí phí

- Số dư bên có : Số dự phòng các khoản phải thu khó đòi còn lại cuối kỳ.

#### 2.4.2 Trình tự hạch toán

- Khi xác định mức dự phòng phải thu khó đòi tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp (ghi vào cuối niên độ kế toán)

Nợ TK 642-Chi phí quản lý doanh nghiệp (6426)

Có TK 139-Dự phòng phải thu khó đòi

- Trong niên độ tiếp theo hoàn nhập dự phòng cho các khoản nợ khó đòi đã đòi được (theo số đã lập dự phòng cho các khoản này)

Nợ TK 139- Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 721-Các khoản thu nhập bất thường

- Trong niên độ tiếp theo xóa sổ các khoản nợ khó đòi được :

Nợ TK 139- Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 131, 138

Đồng thời ghi đơn Nợ TK 004-Nợ khó đòi đã xử lý để tiếp tục theo dõi các khoản nợ này.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

- Nếu sau đó thu hồi được khoản nợ này (trong niên độ hoặc những kỳ sau) thì được xử lý như một khoản thu nhập bất thường của thời kỳ thu được tiền, kế toán ghi :

Nợ TK 111, 112

Có TK 721-Thu nhập bất thường

Đồng thời ghi đơn Có TK 004-Nợ khó đòi đã xử lý

- Cuối niên độ tiếp theo, căn cứ vào số dư TK 139 kỳ trước chuyển sang và số dự phòng cần lập niên độ sau để ghi :

+ Nếu số cần lập dự phòng nhỏ hơn số dự phòng còn lại ở TK 139 thì khoản chênh lệch được ghi :

Nợ TK 139-Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Có TK 721-Thu nhập bất thường

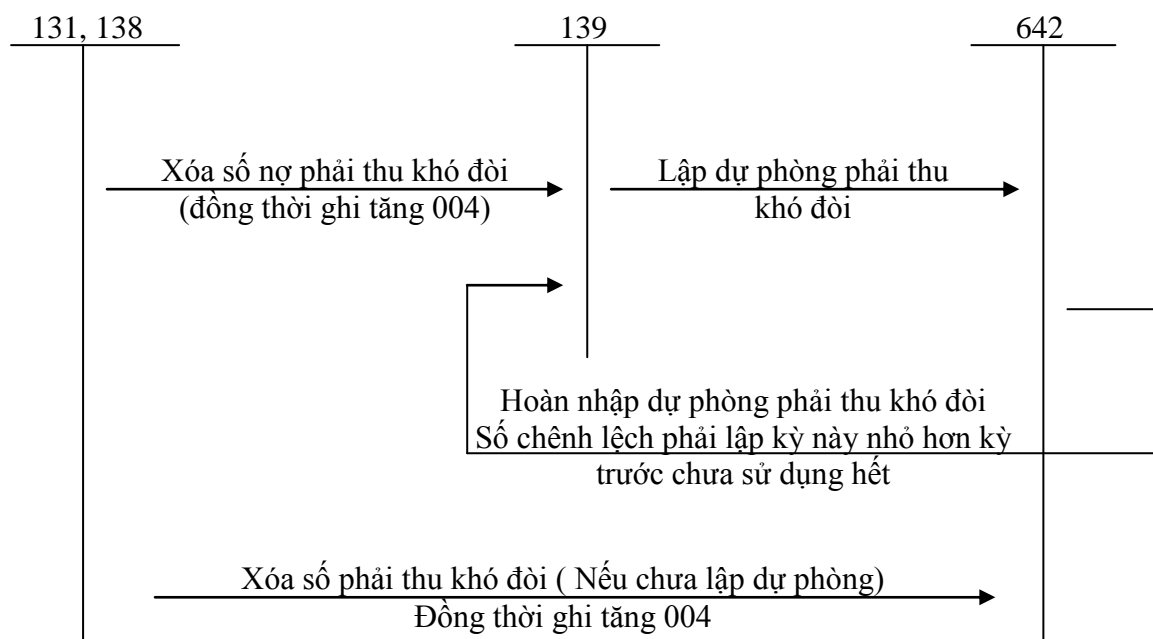
+ Nếu như số dự phòng cần lập lớn hơn số dự phòng còn lại :

Nợ TK 642-Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139-Dự phòng phải thu khó đòi (phần chênh lệch)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Sơ đồ trình tự kế toán dự phòng phải thu khó đòi



### 5. Kế toán các khoản ứng trước

#### ▪ Kế toán các khoản tạm ứng : (TK 141)

Kế toán tạm ứng và thanh toán tạm ứng được là khoản tiền hoặc vật tư do doanh nghiệp giao cho người nặn tạm ứng để được thực hiện một công việc đã được phê duyệt. Người nhận tạm ứng phải là người công nhân viên chức hoặc người lao động tại doanh nghiệp. Đối với người nhận tạm ứng thường xuyên (nhân viên cung ứng vật tư, hành chính quản trị...(phải được giám đốc doanh nghiệp chỉ định bằng văn bản)

Muốn được tạm ứng tiền, người nhận tạm ứng phải lập “Giấy đề nghị tạm ứng” (mẫu số 03-TT) theo mẫu quy định. Giấy đề nghị tạm ứng sau khi được giám đốc phê duyệt là căn cứ để lập phiếu chi và thủ quỹ xuất tiền. Người nhận tạm ứng chỉ được sử dụng tạm ứng theo đúng mục đích và nội dung công việc đã được phê duyệt và không chuyển giao cho người khác.

Khi kết thúc công việc người nhận tạm ứng phải lập “Giấy thanh toán tạm ứng (mẫu số 04-TT) kèm theo các chứng từ gốc để thanh quyết toán số đã nhận tạm ứng.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Kế toán tạm ứng và thanh toán tạm ứng được theo dõi trên TK 141-Tạm ứng

\* Nội dung và kết cấu TK 141 như sau :

- Bên Nợ :

+ Các khoản tạm ứng cho người nhận tạm ứng

- Bên Có :

+ Các khoản tạm ứng đã thanh toán

+ Số tạm ứng chi không hết nhập lại quỹ hoặc khấu trừ vào lương

- Số dư bên Nợ : Số tiền tạm ứng chưa thanh toán

Tài khoản này được mở chi tiết cho từng đối tượng nhận tạm ứng, từng lần và khoản nhận tạm ứng, thanh toán tạm ứng.

\* Trình tự hạch toán

- Khi giao tạm ứng cho người nhận tạm ứng :

Nợ TK 141-Tạm ứng

Có TK 111, 112

- Khi thanh toán tạm ứng :

+ Trường hợp số thực chi theo chứng từ gốc nhỏ hơn số đã tạm ứng, căn cứ số thực chi để ghi các TK liên quan :

Nợ TK 142-Chi phí trả trước

Nợ TK 151-Hàng mua đang đi đường

Nợ TK 152, 153

Nợ TK 156-Hàng hóa

Nợ TK 211-TSCĐH

Nợ TK 213-TSCĐVH

Nợ TK 331-PTNB

Nợ TK 611-Mua hàng (nếu áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ)

Nợ TK 627-Chi phí sản xuất chính

Nợ TK 641-Chi phí bán hàng

Nợ TK 642-Chi phí quản lý doanh nghiệp

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Có TK141-Tạm ứng

+ Xử lý các khoản, tạm ứng chi tiết hết :

Nợ TK 111, 112

Nợ TK 334-PTCNV (khấu trừ vào lương)

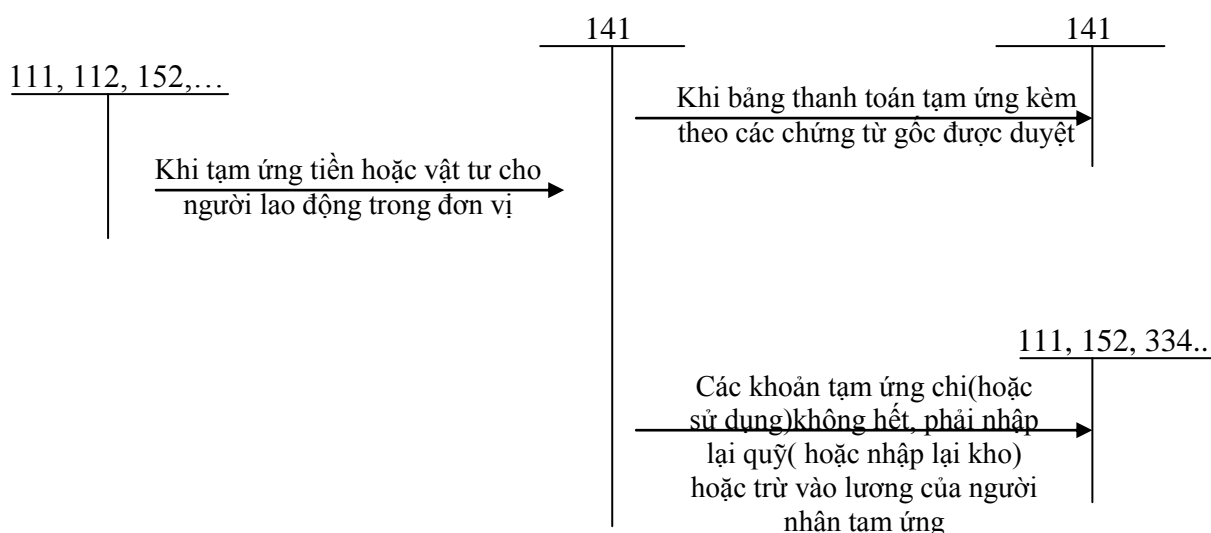
Có TK 141-Tạm ứng

+ Nếu số thực chi theo chứng từ gốc đã được duyệt lớn hơn số đã tạm ứng ngoài các bút toán, phản ánh chi phí tạm ứng, kế toán lập phiếu chi thanh toán bổ sung cho người nhận tạm ứng :

Nợ TK 141-Tạm ứng

Có TK 111-Tiền mặt

Sơ đồ trình tự kế toán tạm ứng



### ▪ Kế toán chi phí trả trước dài hạn (TK 242)

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều niên độ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các niên độ kế toán sau.

1. Thuộc loại chi phí trả trước dài hạn, gồm:

- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ (Quyền sử dụng đất, nhà xưởng, kho tàng, văn phòng làm việc, cửa hàng và TSCĐ khác) phục vụ cho sản xuất kinh

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

doanh nhiều năm tài chính. Trường hợp trả trước tiền thuê đất có thời hạn nhiều năm và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì số tiền trả trước về thuê đất có thời hạn không được hạch toán vào Tài khoản 242 mà hạch toán vào Tài khoản 213;

- Tiền thuê cơ sở hạ tầng đã trả trước cho nhiều năm và phục vụ cho kinh doanh nhiều kỳ nhưng không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng;

- Chi phí trả trước phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính;

- Chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo, quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động được phân bổ tối đa không quá 3 năm;

- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn được phép phân bổ cho nhiều năm;

- Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình;

- Chi phí đào tạo cán bộ quản lý và công nhân kỹ thuật;

- Chi phí di chuyển địa điểm kinh doanh, hoặc tổ chức lại doanh nghiệp phát sinh lớn được phân bổ cho nhiều năm - Nếu chưa lập dự phòng cơ cấu doanh nghiệp;

- Chi phí mua các loại bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ Phương tiện vận tải, bảo hiểm thân xe, bảo hiểm tài sản, . . .) và các loại lệ phí mà doanh nghiệp mua và trả một lần cho nhiều năm tài chính;

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần với giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia vào hoạt động kinh doanh trên một năm tài chính phải phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí trong nhiều năm;

- Chi phí đi vay trả trước dài hạn như lãi tiền vay trả trước, hoặc trả trước lãi trái phiếu ngay khi phát hành;

- Lãi mua hàng trả chậm, trả góp;

- Chi phí phát hành trái phiếu có giá trị lớn phải phân bổ dần;

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, phải phân bổ nhiều năm;

- Số kết chuyển chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (Trường hợp lỗ tỷ giá) của hoạt động đầu tư XDCB (Giai đoạn trước hoạt động) khi hoàn thành đầu tư;

- Số chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại và thuê tài chính;

- Số chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại là thuê hoạt động;

- Chi phí liên quan đến BĐS đầu tư sau khi ghi nhận ban đầu không thỏa mãn điều kiện ghi tăng nguyên giá BĐS đầu tư nhưng có giá trị lớn phải phân bổ dần;

- Trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn đến quan hệ công ty mẹ - công ty con có phát sinh lợi thế thương mại hoặc khi cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước có phát sinh lợi thế kinh doanh;

- Các khoản khác.

2. Chi hạch toán vào Tài khoản 242 những khoản chi phí phát sinh có liên quan đến sản xuất, kinh doanh trên một năm tài chính;

3. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí SXKD từng niên độ kế toán phải căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí mà lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý;

4. Kế toán phải theo dõi chi tiết từng khoản chi phí trả trước dài hạn đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ hạch toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí;

5. Doanh nghiệp phải mở sổ chi tiết theo dõi riêng biệt chênh lệch tỷ giá hối đoái (lỗ tỷ giá) của hoạt động đầu tư XDCB phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động chưa phân bổ vào chi phí.



## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

\*Nội dung và kết cấu tài khoản 242

### **Bên Nợ:**

- Các khoản chi phí trả trước dài hạn phát sinh trong kỳ;
- Phản ánh số kết chuyển chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (Trường hợp lỗ tỷ giá) của hoạt động đầu tư XDCB (Giai đoạn trước hoạt động) khi hoàn thành đầu tư để phân bổ dần vào chi phí tài chính.

### **Bên Có:**

- Các khoản chi phí trả trước dài hạn đã tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ;
- Phản ánh số phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (Lỗ tỷ giá) của hoạt động đầu tư XDCB (Giai đoạn trước hoạt động, khi hoàn thành đầu tư) vào chi phí tài chính trong kỳ.

### **Số dư bên Nợ:**

- Các khoản chi phí trả trước dài hạn chưa tính vào chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh trong kỳ;
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (Lỗ tỷ giá) của hoạt động đầu tư XDCB (Giai đoạn trước hoạt động) khi hoàn thành đầu tư chưa xử lý tại thời điểm cuối năm tài chính.

\* Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu

1. Khi phát sinh các khoản chi phí trả trước dài hạn lớn phải phân bổ dần vào vào chi phí SXKD của nhiều năm tài chính như: Chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo nhân viên, chi phí quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của doanh nghiệp mới thành lập, chi phí cho giai đoạn nghiên cứu, chi phí di chuyển địa điểm kinh doanh,.. ., ghi:

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (Nếu có)

Có các TK 111, 112, 152, 331, 334, 338,.. .

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Định kỳ tiến hành phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí SXKD, ghi:

Nợ các TK 623, 627, 635, 641, 642

Có TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn.

2. Khi trả trước tiền thuê TSCĐ, thuê cơ sở hạ tầng theo phương thức thuê hoạt động và phục vụ hoạt động kinh doanh cho nhiều năm, ghi:

- Nếu TSCĐ thuê sử dụng vào sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, ghi:

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ

Có các TK 111, 112,.. .

- Nếu TSCĐ thuê sử dụng vào sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp hoặc không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, ghi:

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn

Có các TK 111, 112,.. .

3. Đối với công cụ, dụng cụ xuất dùng một lần có giá trị lớn và bản thân công cụ, dụng cụ tham gia sản xuất, kinh doanh trên một năm tài chính phải phân bổ nhiều năm:

- Khi xuất công cụ, dụng cụ, căn cứ vào phiếu xuất kho, ghi:

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn

Có TK 153 - Công cụ, dụng cụ.

- Định kỳ tiến hành phân bổ giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng theo tiêu thức hợp lý. Căn cứ để xác định mức chi phí phải phân bổ mỗi năm có thể là thời gian sử dụng hoặc khối lượng sản phẩm, dịch vụ mà công cụ tham gia kinh doanh trong từng kỳ hạch toán. Khi phân bổ, ghi:

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Nợ các TK 623, 627, 641, 642, . . .

Có TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn.

4. Trường hợp mua TSCĐ và bất động sản đầu tư theo phương thức trả chậm, trả góp:

- Khi mua TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình hoặc mua bất động sản đầu tư theo phương thức trả chậm, trả góp và đưa về sử dụng ngay cho hoạt động SXKD, hoặc để nắm giữ chờ tăng giá hoặc cho thuê hoạt động, ghi:

Nợ TK 211, 213, 217 (Nguyên giá - ghi theo giá mua trả tiền ngay)

Nợ TK 133 - Thuế GTGT được khấu trừ (Nếu có)

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn (Phần lãi trả chậm là số chênh lệch giữa Tổng số tiền phải thanh toán trừ (-) Giá mua trả tiền ngay trừ (-) Thuế GTGT (nếu có)

Có TK 331 - Phải trả cho người bán (Tổng giá thanh toán).

- Định kỳ, thanh toán tiền cho người bán, kế toán ghi:

Nợ TK 331 - Phải trả cho người bán

Có các TK 111, 112 (Số phải trả định kỳ bao gồm cả giá gốc và lãi trả chậm, trả góp phải trả định kỳ).

- Định kỳ, tính vào chi phí theo số lãi trả chậm, trả góp phải trả, ghi:

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính

Có TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn.

5. Trường hợp chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh lớn, doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, phải phân bổ chi phí vào nhiều năm tài chính khi công việc sửa chữa lớn hoàn thành:

5.1. Kết chuyển chi phí sửa chữa lớn vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn, ghi:

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Có TK 241 - XDCB dở dang (2413).

5.2. Định kỳ, tính phân bổ số chi phí sửa chữa lớn TSCĐ vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, ghi:

Nợ các TK 623, 627, 641, 642, . . .

Có TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn.

6. Khi phát sinh các chi phí trực tiếp ban đầu liên quan đến cho thuê hoạt động TSCĐ, nếu phát sinh lớn phải phân bổ dần nhiều năm, ghi:

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn

Có các TK 111, 112, 331, . . .

Định kỳ, phân bổ số chi phí trực tiếp ban đầu liên quan đến cho thuê hoạt động TSCĐ phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động, ghi:

Nợ TK 627 - Chi phí sản xuất chung

Có TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn.

7. Khi kết chuyển chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (Trường hợp lỗ tỷ giá phát sinh lớn) của hoạt động đầu tư XDCB (Giai đoạn trước hoạt động) khi hoàn thành đầu tư, bàn giao TSCĐ đưa vào sử dụng để phân bổ dần vào chi phí tài chính, ghi:

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn

Có TK 413 - Chênh lệch tỷ giá hối đoái (4132).

8. Định kỳ, khi phân bổ dần số chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư XDCB (Giai đoạn trước hoạt động, khi hoàn thành đầu tư) vào chi phí tài chính, ghi:

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (Lỗ tỷ giá hối đoái)

Có TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn.

9. Trường hợp doanh nghiệp trả trước dài hạn lãi tiền vay cho bên cho vay, ghi:

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn

Có các TK 111, 112,.. .

- Định kỳ, khi phân bổ lãi tiền vay theo số phải trả từng kỳ vào chi phí tài chính hoặc vốn hoá tính vào giá trị tài sản dở dang, ghi:

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (Nếu chi phí đi vay ghi vào chi phí SXKD trong kỳ)

Nợ TK 241 - XD/CB dở dang (Nếu chi phí đi vay ghi được vốn hoá vào giá trị tài sản đầu tư xây dựng dở dang)

Nợ TK 627 - Chi phí sản xuất chung (Nếu chi phí đi vay được vốn hoá vào giá trị tài sản sản xuất dở dang)

Có TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn.

10. Khi doanh nghiệp phát hành trái phiếu theo mệnh giá để huy động vốn vay, nếu doanh nghiệp trả trước lãi trái phiếu ngay khi phát hành, chi phí lãi vay được phản ánh vào bên Nợ TK 242 (Chi tiết lãi trái phiếu trả trước), sau đó phân bổ dần vào các đối tượng chịu chi phí:

- Tại thời điểm phát hành trái phiếu, ghi:

Nợ các TK 111, 112 (Tổng số tiền thực thu)

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn (Chi tiết lãi trái phiếu trả trước)

Có TK 3431 - Mệnh giá trái phiếu.

- Định kỳ, phân bổ lãi trái phiếu trả trước vào chi phí đi vay từng kỳ, ghi:

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính (Nếu tính vào chi phí tài chính trong kỳ)

Nợ TK 241 - Xây dựng cơ bản dở dang (Nếu được vốn hoá vào giá trị tài sản đầu tư xây dựng dở dang)

Nợ TK 627 - Chi phí sản xuất chung (Nếu được vốn hoá vào giá trị tài sản sản xuất dở dang)

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Có TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn (Chi tiết lãi trái phiếu trả trước)  
(Số lãi trái phiếu phân bổ trong kỳ).

11. Chi phí phát sinh khi doanh nghiệp phát hành trái phiếu:

- Nếu chi phí phát hành trái phiếu có giá trị nhỏ, tính ngay vào chi phí trong kỳ, ghi:

Nợ TK 635 - Chi phí tài chính

Có các TK 111, 112,.. . .

- Nếu chi phí phát hành trái phiếu có giá trị lớn, phải phân bổ dần, ghi:

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn (Chi tiết chi phí phát hành trái phiếu)

Có các TK 111, 112,.. . .

- Định kỳ, phân bổ chi phí phát hành trái phiếu, ghi:

Nợ TK 635, 241, 627 (Phần phân bổ chi phí phát hành trái phiếu trong kỳ)

Có TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn (Chi tiết chi phí phát hành trái phiếu).

12. Kế toán các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư ghi nhận ban đầu:

- Khi phát sinh chi phí liên quan đến BĐS đầu tư sau khi nhận ban đầu nếu khôngnng thoả mãn điều kiện vốn hoá ghi tăng nguyên giá BĐS đầu tư và phát sinh lớn phải phân bổ dần, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán (Chi tiết chi phí kinh doanh BĐS đầu tư)

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn (Nếu chi phí có giá trị lớn)

Có các TK 111, 112, 152, 153, 334,.. . .

- Định kỳ, phân bổ chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư sau ghi nhận ban đầu vào chi phí kinh doanh trong kỳ, ghi:

Nợ các TK 632 (Phần phân bổ chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư sau ghi nhận ban đầu vào trong kỳ)

Có TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

13. Trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn đến quan hệ công ty mẹ - công ty con (mua tài sản thuần), tại ngày mua nếu phát sinh lợi thế thương mại:

+ Nếu việc mua, bán khi hợp nhất kinh doanh được bên mua thanh toán bằng tiền, hoặc các khoản tương đương tiền, ghi:

Nợ các TK 131, 138, 152, 153, 155, 156, 211, 213, 217. . . (Theo giá trị hợp lý của các tài sản đã mua)

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn (Chi tiết lợi thế thương mại)

Có các TK 311, 331, 341, 342,. . . (Theo giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả và nợ tiềm tàng phải gánh chịu)

Có các TK 111, 112, 121 (Số tiền hoặc các khoản tương đương tiền bên mua đã thanh toán).

+ Nếu việc mua, bán khi hợp nhất kinh doanh được thực hiện bằng việc bên mua phát hành cổ phiếu, ghi:

Nợ các TK 131, 138, 152, 153, 155, 156, 211, 213, 217. . . (Theo giá trị hợp lý của các tài sản đã mua)

Nợ TK 242 - Chi phí trả trước dài hạn (Chi tiết lợi thế thương mại)

Nợ TK 4112 - Thặng dư vốn cổ phần (Số chênh lệch giữa giá trị hợp lý nhỏ hơn mệnh giá cổ phiếu - nếu giá phát hành cổ phiếu theo giá trị hợp lý nhỏ hơn mệnh giá cổ phiếu)

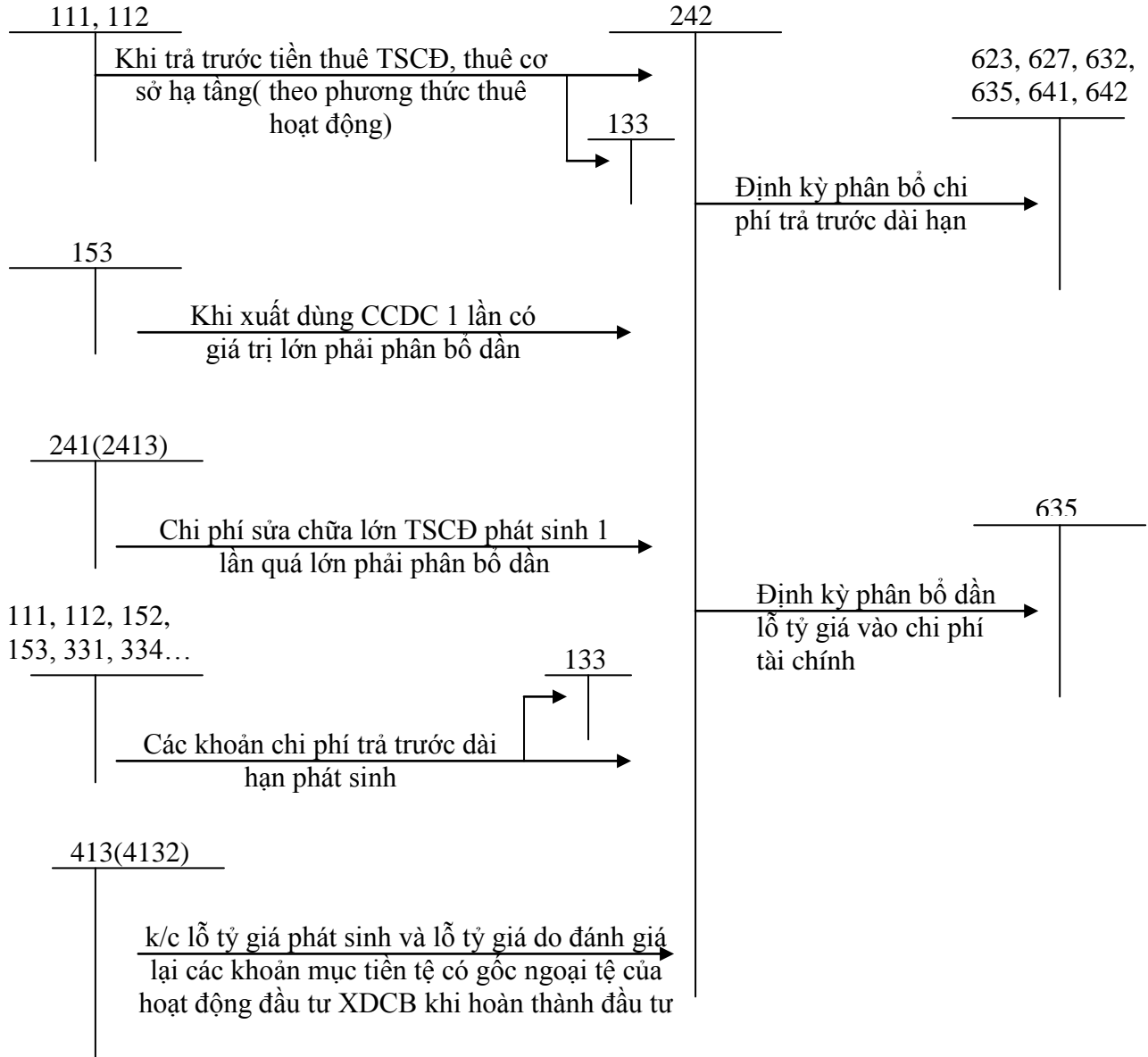
Có TK 4111 - Vốn đầu tư chủ sở hữu (theo mệnh giá)

Có các TK 311, 315, 331, 341, 342,. . . (Theo giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả và nợ tiềm tàng phải gánh chịu)

Có TK 4112 - Thặng dư vốn cổ phần (Số chênh lệch giữa giá trị hợp lý lớn hơn mệnh giá cổ phiếu - nếu giá phát hành cổ phiếu theo giá trị hợp lý lớn hơn mệnh giá cổ phiếu).

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Sơ đồ trình tự hạch toán kế toán chi phí trả trước dài hạn





## **CHƯƠNG 2 Thực trạng công tác kế toán “vốn bằng tiền và các khoản thanh toán” tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Thùy Dương**

### **1. Giới thiệu chung**

#### **1.1. Giới thiệu về công ty**

- Tên giao dịch bằng tiếng Việt :

**Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Thùy Dương**

- Tên giao dịch bằng tiếng nước ngoài :

**Thuy Duong construction and trading joint stock company**

- Tên viết tắt : **TDC**

- Trụ sở : Phòng 519 – tòa nhà TD Business Center, lô 20 đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, Hải Phòng

- Tel : +84-31- 3 722 228

- Fax : +84-31- 3 722 229

#### **1.2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty**

Những năm giữa của thập niên 90, khu phố buôn bán sầm uất Phan Bội Châu, Hải Phòng bắt đầu xuất hiện lẻ tẻ một vài cửa hàng kinh doanh đồ nhôm và inox. Tưởng như ngành nghề kinh doanh này không mang lại lợi nhuận cao, nhưng thực chất, nó đã mang lại nhiều hơn mức mà những người kinh doanh thời bấy giờ mong đợi, đó là những mối quan hệ làm ăn lâu dài và bền chặt với các chủ đầu tư công trình xây dựng vừa và nhỏ. Ở đâu có công trình xây dựng là ở đó có nhu cầu về sử dụng vật liệu trang trí nhôm, inox. Dần dà, nhận thấy không chỉ dừng lại ở việc cung cấp vật liệu nhôm inox, ông Nguyễn Văn Luân - một chủ cửa hàng nhỏ, còn nhìn thấy được nhu cầu tiềm năng về sử dụng đồ trang trí nội thất.

Sau một thời gian tìm hiểu, khảo sát và lăn lộn khắp các thị trường nội thất trong và ngoài nước, năm 1995, những công-ten-nơ hàng trang trí nội thất gỗ Đài Loan đầu tiên cập cảng Hải Phòng dưới tên nhà nhập khẩu Nguyễn Văn Luân. Lô hàng đầu tiên thành công ngoài sự mong đợi. Không những số hàng nhập về được

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

bán hết ngay mà sau đó, ông còn nhận được khá nhiều đơn đặt hàng. Đến năm 2003, ông quyết định chọn một cái tên cho lĩnh vực kinh doanh mới của mình, công ty Nội thất Đài Loan (DAFUCO) đã ra đời từ đó. Ban đầu công ty chỉ có một cửa hàng tại số 10 Hoàng Diệu- Hải Phòng, nhưng không bao lâu sau đó, mạng lưới của DAFUCO đã được mở rộng ra khắp cả nước với hơn 40 chi nhánh và đại lý độc quyền.

Không hài lòng với những gì mình đang có, ông Luân cùng với các đối tác ở Thành phố Hồ Chí Minh cùng kết hợp đầu tư bất động sản vào thời điểm thị trường bất động sản đang nguội lạnh sau một loạt cơn sốt, ông Luân lại có một quyết định gây sốc và bất ngờ - đó là đầu tư vốn vào lĩnh vực này. Thiếu kinh nghiệm về quản lý, cho thuê, phát triển là một bất lợi của công ty, và đây chính là nguyên nhân kết nối cho mối hợp tác ban đầu của công ty với một chuyên gia tư vấn bất động sản hàng đầu thế giới CBRE. Sự hợp tác này đã mang lại nhiều lợi ích cho cả hai bên. Dự án TD Plaza Hải Phòng ra đời cũng là lúc cái tên Công ty Thủy Dương được thành lập, đó là năm 2003.

Kể từ đó tới nay, với kinh nghiệm đã thu nhận được trên thương trường, lãnh đạo Thủy Dương nhận thấy rằng sự đơn thương độc mã không thể đứng vững mãi trong một thị trường đầy cạnh tranh, Thủy Dương đã bắt tay cùng các cổ đông chiến lược: Cty TNHH bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam, Quỹ Đầu tư Tài chính VP Capital và Công ty Cổ phần Tập đoàn Phú Thái để hợp thành công ty Cổ phần Đầu Tư Thủy Dương – TD GROUP-cùng nhau cam kết mang lại lợi ích lâu dài cho tất cả các bên và tối đa hóa lợi nhuận. Bên cạnh các cổ đông chiến lược, TD GROUP còn có một lực lượng đối tác kinh doanh chiến lược khá mạnh đó là: Tập đoàn thương mại Parkson, Malaysia; Công ty liên doanh Megastar Media JV Việt nam; Công ty Kinderworld, Singapore - tổ chức giáo dục chất lượng cao hàng đầu tại khu vực Châu Á; Công ty CB Richard Ellis, Mỹ - tập đoàn hàng đầu thế giới trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ bất động sản.

Với tiêu chí phát huy nội lực sẵn có kết hợp với thế mạnh của những đối tác và cổ đông chiến lược, xây dựng phát triển văn hoá công ty mang phong cách

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

năng động, trẻ trung, hội nhập, trong đó yếu tố con người được đặt lên hàng đầu, mục tiêu chiến lược lâu dài của Công ty Cổ phần đầu tư Thùy Dương là tối đa hoá lợi nhuận cho khách hàng và các cổ đông trên cơ sở các bên cùng có lợi. Trên cơ sở đó, phương châm làm việc của TD GROUP là mang lại các sản phẩm và dịch vụ cao cấp nhằm nâng cao giá trị của cuộc sống. *“Bí quyết của sự thành công là biết biến mục tiêu không lồ thành sự nhỏ bé – đó là điều mà ban giám đốc tập đoàn TD GROUP luôn tâm niệm trong mỗi bước đường phát triển của mình từ nhiều năm qua.”*

Là một thành viên của tập đoàn TD Group, Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Thùy Dương đã chính thức được thành lập ngày 13/05/2007 với số vốn đầu tư ban đầu là 10,000,000,000 đồng và được Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203003158 ngày 31/05/2007, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 09/11/2010. Đến nay số vốn điều lệ của công ty đã lên tới 100,000,000,000 đồng. Điều này đã cho thấy tiềm năng phát triển và sự lớn mạnh không ngừng của công ty. Công ty Cổ phần Xây Dựng & Thương Mại Thùy Dương đã và đang quản lý xây dựng Toà nhà Trung tâm thương mại văn phòng & nhà ở TD PLAZA - HẢI PHÒNG - Toà nhà đẳng cấp Quốc tế đầu tiên tại Hải Phòng bao gồm khu Trung tâm thương mại giải trí Parkson cùng hơn 200 căn hộ cao cấp và 20.000 m<sup>2</sup> văn phòng tiêu chuẩn cho thuê.

TD Plaza đã đưa phong cách kinh doanh, mua sắm mới vào Hải Phòng và thành công lớn nhất của TD Group với dự án này đã tạo ra một Land Mark (điểm đến) mới cho người dân Hải Phòng. Ông Nguyễn Mạnh Hà, Cục trưởng Cục Quản lý Nhà và Thị trường Bất Động Sản, Bộ Xây dựng cho biết, dựa trên kết quả khảo sát về thị trường bất động sản Hải Phòng, một số khu chung cư nổi bật đang trở thành niềm tự hào của Hải Phòng chính là TD Plaza và TD Lakeside. Hiện nay, Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Thùy Dương đã và đang thực hiện Dự án TD Lakeside Hải Phòng. Nằm trên đường Lê Hồng Phong dự kiến sẽ gồm các khối nhà từ 15 đến 31 tầng nằm trong một tổng thể kiến trúc hiện đại. Dự án khởi công vào tháng 8/2009 và dự kiến hoàn thành vào giữa năm 2012, khu chung cư

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

cao cấp ven hồ này sẽ cung cấp cho thành phố Hải Phòng một diện tích nhà ở lớn, đáp ứng nhu cầu về nhà ở của một bộ phận người dân có thu nhập cao và muốn tận hưởng một cuộc sống tiện nghi.

Để tìm hiểu thêm về sự phát triển của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Thùy Dương, ta tham khảo bảng “ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI THÙY DƯƠNG” trong 3 năm gần đây.

Thông qua bảng số liệu dưới đây ta nhận thấy: các chỉ tiêu chủ yếu của doanh nghiệp có xu hướng tăng trong 3 năm 2008, 2009, 2010. Đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận kế toán trước thuế. Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2010 đã tăng 7.426.842.960 đồng so với năm 2008, và tăng 1.345.354.580 đồng so với năm 2009. Điều này là một tín hiệu đáng mừng cho doanh nghiệp vì đây thể hiện hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng phát triển.

\_ Về doanh thu: Nhìn vào bảng trên ta thấy doanh thu của năm 2009 giảm đáng kể so với năm 2008, cụ thể đã giảm 27.790.225.114 đồng tương ứng 25,76 %. Tuy nhiên do doanh thu và chi phí đều giảm nên lợi nhuận kế toán của công ty năm 2009 vẫn tăng so với năm 2008. Đến năm 2010 thì doanh thu của công ty lại tăng một cách đáng ngạc nhiên, cụ thể tăng 79.630.443.182 đồng so với năm 2009 và tăng 51.840.218.068 đồng so với năm 2008. Như vậy hoạt động kinh doanh của công ty có xu hướng phát triển tốt. Nguyên nhân chính có thể do công ty đã tăng vốn cổ phần từ 10.000.000.000 đồng ở năm 2008 lên 100.000.000.000 đồng tại năm 2009 làm cho doanh thu của năm 2009 giảm và tăng lên bất ngờ trong năm 2010.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Bảng 1 TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN  
XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI THÙY DƯƠNG**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2008	2009	2010
1	<i>Doanh thu</i>	Đồng	107.856.462.479	80.066.237.365	159.696.680.547
2	<i>Chi phí</i>	Đồng	95.635.468.380	61.763.754.893	140.048.843.488
3	<i>Lợi nhuận kế toán trước thuế</i>	Đồng	12.220.994.099	18.302.482.472	19.647.837.059
4	<i>Tình hình lao động</i>				
a	Tổng số lao động	Người	46	66	70
b	Tổng quỹ lương	Đồng	1.550.924.040	2.785.349.952	2.933.139.720
c	Thu nhập bình quân	Đồng/tháng	2.809.645	3.516.856	3.491.833
5	<i>Quan hệ với ngân sách</i>				
a	Thuế GTGT	Đồng	1.108.256.833	1.802.719.298	1.856.465.237
b	Thuế TNDN	Đồng	3.142.574.254	3.444.253.742	5.118.351.116

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

\_ Về tình hình lao động tại doanh nghiệp: Từ năm 2008 đến năm 2010 lực lượng lao động của công ty có sự biến đổi rõ rệt. Cụ thể, năm 2009 tổng số lao động của công ty đã tăng từ 46 nhân viên lên 66 nhân viên. Nguyên nhân chính của sự thay đổi này là do công ty đã mở rộng phát triển, tăng vốn cổ phần, do đó cần thêm tuyển dụng thêm lao động để đáp ứng cho nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Đến năm 2010 thì số lao động của công ty đã tăng lên 70 lao động, so với năm 2009 thì con số này tăng không đáng kể. Như vậy có thể nói công ty đang tiếp tục phát triển, và đi vào ổn định.

\_ Thu nhập bình quân của mỗi lao động trong công ty có xu hướng tăng. Năm 2009 thu nhập bình quân đã tăng từ 2.809.645 đồng lên tới 3.516.856 đồng, tương ứng tăng 25,17%, đây là minh chứng cho sự phát triển của công ty. Tới năm 2010 thu nhập bình quân của lao động trong công ty giảm, tuy nhiên giảm không đáng kể. Cụ thể thu nhập bình quân đã giảm 25.023 đồng tương ứng 0,71% so với năm 2009. Mặc dù thu nhập bình quân giảm không đáng kể nhưng công ty vẫn cần phải quan tâm đến các chế độ lương, thưởng, khuyến khích lao động trong công ty làm việc có hiệu quả, bởi lẽ lao động là nhân tố quan trọng quyết định đến sự tồn tại và phát triển của công ty.

\_ Về tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước: Do hoạt động của doanh nghiệp trong 3 năm gần đây đều có lãi nên các khoản đóng góp cho ngân sách nhà nước cũng cao hơn qua các năm. Công ty luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước.

→ Như vậy qua việc phân tích các chỉ tiêu chủ yếu của doanh nghiệp có thể thấy được doanh nghiệp đang hoạt động có hiệu quả, tạo được lợi nhuận cho chủ doanh nghiệp, tạo công ăn việc làm, đồng thời thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với nhà nước. Đây có thể được coi là ưu điểm, doanh nghiệp nên tiếp tục phát huy.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

### 1.3. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh

- Hình thức sở hữu vốn : Doanh nghiệp cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh : Xây dựng và thương mại
- Ngành nghề kinh doanh

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng nhà các loại	41000
2	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	42
3	Hoạt động xây dựng chuyên dụng	43
4	Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh	46494
5	Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	46495
6	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy	465
7	Bán buôn sắt thép	46622
8	Bán buôn kim loại khác: - Nhôm, Inox	46623
9	Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại	47191
10	Vận tải hành khách bằng taxi	49312
11	Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	49321
12	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
13	Vận tải ven biển và viễn dương	501
14	Dịch vụ lưu trú	55
15	Dịch vụ ăn uống	56
16	Quán rượu, bia, quầy bar	56301
17	Hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tour du lịch	791
18	Hoạt động vui chơi, giải trí khác: -Karaoke, bida, bowling, trò chơi điện tử	932
19	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự	96100
20	Kinh doanh bất động sản	68100
21	Hoạt động chiếu phim cố định	59141
22	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	68200

### 1.4. Những thuận lợi, khó khăn của công ty

➤ Thuận lợi:

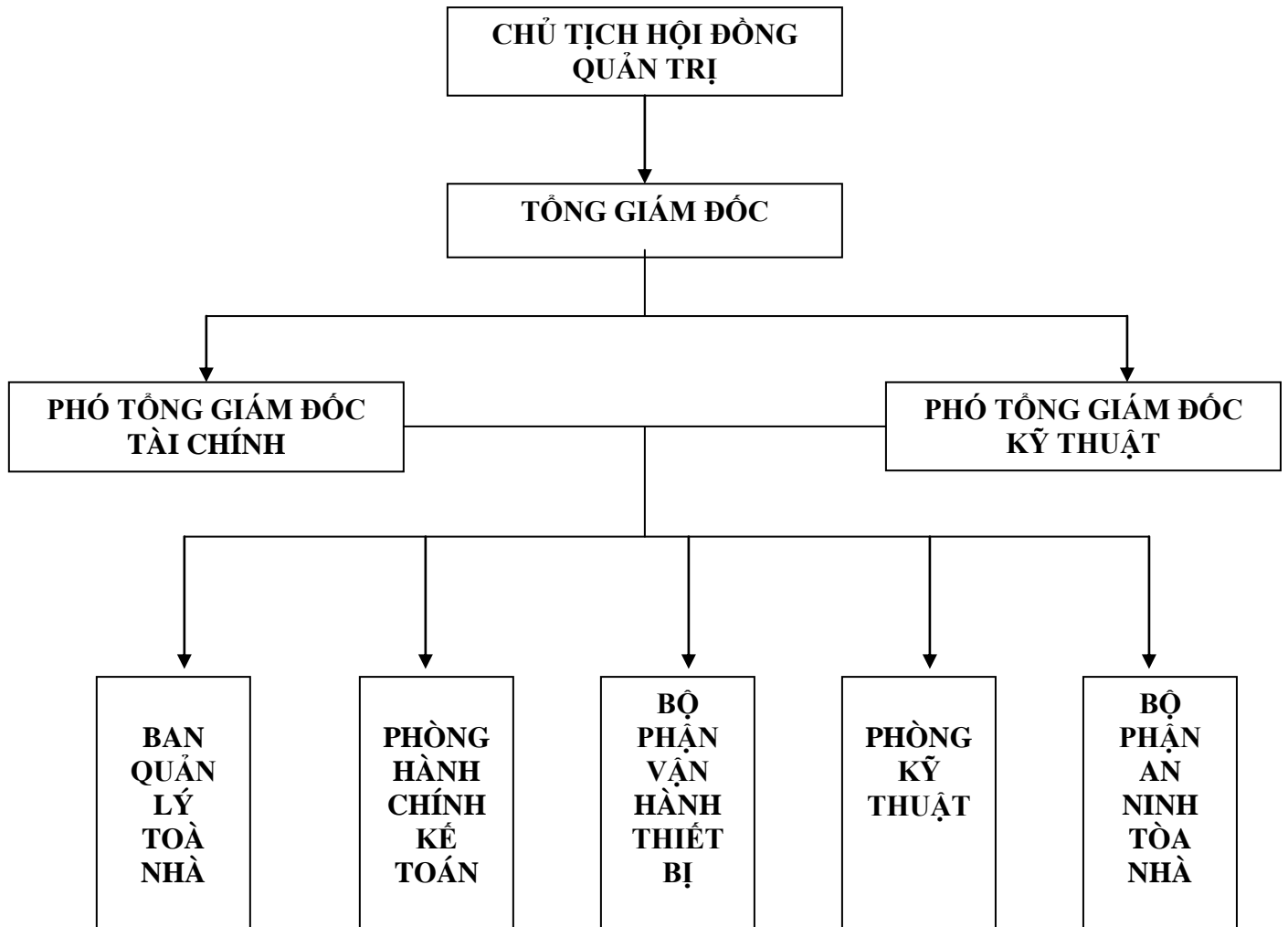
Là một thành viên của tập đoàn TD Group, Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Thùy Dương cũng mang trong mình những thế mạnh, đó chính là sự trẻ trung năng động của đội ngũ nhân viên nhiệt tình, có trình độ cao. Bên cạnh đó, môi trường làm việc hiện đại, trong lành đã tạo điều kiện giúp các thành viên trong công ty phát huy tối đa năng lực của mình. Mỗi thành viên trong công ty đều được trang bị 1 máy tính để bàn hoặc laptop, các máy tính đều được kết nối internet và liên kết với nhau thông qua mạng nội bộ của công ty, đảm bảo cho thông tin được cập nhật thường xuyên và dễ dàng, phù hợp xu hướng hội nhập thế giới. Hiện nay công ty được giao quản lý tòa nhà TD PLAZA Hải Phòng – tổ hợp thương mại đầu tiên duy nhất tại Hải Phòng cho tới thời điểm này.

➤ Khó khăn:

TD PLAZA không chỉ dừng lại ở thương mại, văn phòng, căn hộ cao cấp TD Plaza còn điểm vui chơi, giải trí lành mạnh và bổ ích. Nếu Parkson thổi luồng gió mới vào thị trường bán lẻ không chỉ ở Hải Phòng mà trên toàn quốc thì MegaStar cũng làm được điều đấy với hệ thống phòng chiếu phim hiện đại và khu trò chơi bổ ích, lý thú phù hợp với mọi lứa tuổi. Tuy nhiên, với các chi phí gia tăng ( giá điện, giá nước, giá xăng...) kéo theo sự gia tăng các chi phí đầu vào làm giá dịch vụ cũng tăng theo, dẫn đến việc các công ty vừa và nhỏ muốn thuê văn phòng cần phải suy nghĩ, dè chừng.. Đồng thời, sự ra đời của Vincom Plaza có thể được coi là một đối thủ tầm cỡ của công ty tại Hải Phòng.



## 1.5. Cơ cấu tổ chức quản lý



Sơ đồ 1.5 Bộ máy quản lý điều hành của công ty cổ phần xây dựng và thương mại Thùy Dương

Chức năng từng bộ phận

**Chủ tịch hội đồng quản trị:** Chủ tịch hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa đại hội cổ đông và các cuộc họp của đại hội cổ đông, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Trường hợp chủ tịch hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của chủ tịch hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

viên còn lại bầu ra một người trong số các thành viên tạm giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.

***\_Tổng giám đốc*** : Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của tổng giám đốc không quá 5 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

***\_Phó tổng giám đốc tài chính*** : Phó Tổng Giám đốc tài chính chịu trách nhiệm nghiên cứu thị trường, nắm nguồn hàng, xây dựng phương án kinh doanh đảm bảo hiệu quả kinh tế, theo dõi hoạt động vận tải, kinh doanh, giải quyết những yêu cầu trong sản xuất kinh doanh hàng ngày. Đồng thời đề xuất với Tổng Giám đốc các biện pháp thúc đẩy sản xuất kinh doanh.

***\_Phó tổng giám đốc kỹ thuật***: Phó Tổng Giám đốc kỹ thuật giúp Tổng Giám đốc điều hành công việc kỹ thuật, theo dõi hoạt động của các phương tiện đảm bảo các phương tiện hoạt động an toàn phù hợp với quản lý chung của Công ty và luật lệ, tập quán quốc tế.

***\_Ban quản lý tòa nhà***: Kiểm soát toàn bộ khu nhà văn phòng: các công ty, các phòng ban có thuê văn phòng làm việc tại tòa nhà. Giám sát việc thực hiện vận hành thiết bị, và an ninh tòa nhà.

***\_Bộ phận vận hành thiết bị*** : Đảm bảo cho toàn bộ hệ thống điện, nước, điều hòa, camera được vận hành đúng theo quy định...Sửa chữa và thay thế các máy móc bị hỏng

***\_Bộ phận an ninh tòa nhà*** : Bảo đảm an ninh cho toàn bộ tòa nhà, và khu vực xung quanh tòa nhà. Đảm bảo an toàn, tạo môi trường tốt, tích cực nhằm giúp các cán bộ văn phòng an tâm công tác và làm việc hiệu quả

***\_Phòng hành chính – kế toán*** : Hạch toán, thống kê các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của nhà nước. Tham mưu giúp việc cho Tổng giám đốc thực hiện nghiêm túc các quy định về kế toán tài chính hiện hành. Thường xuyên cung cấp cho Tổng giám đốc về tình hình tài chính, nguồn vốn, hiệu quả sử dụng vốn.

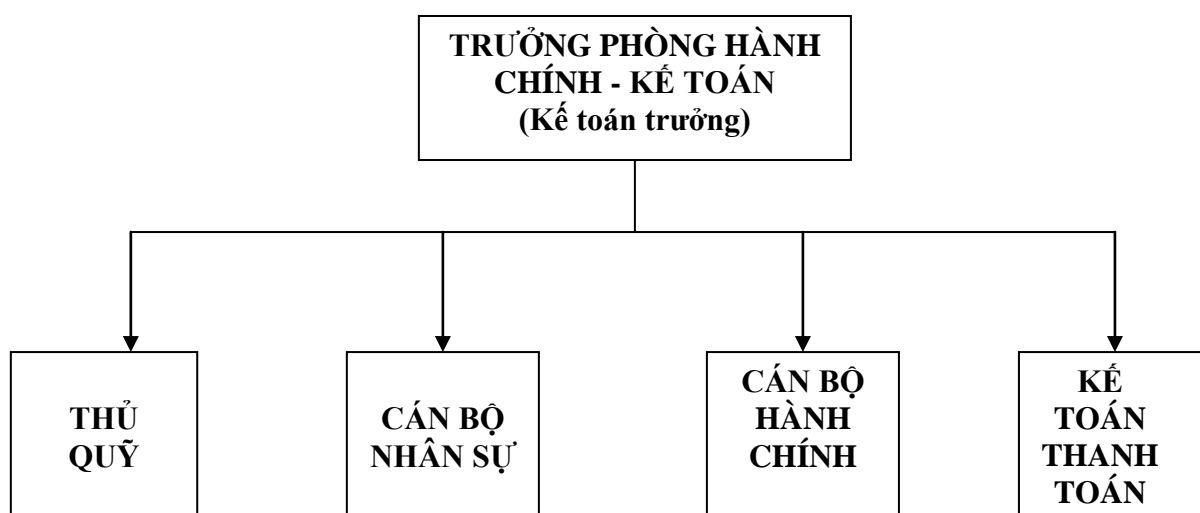
## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Trong đó Trưởng phòng hành chính kế toán giúp Tổng giám đốc chỉ đạo, quản lý điều hành công tác tài chính và kế toán, xúc tiến và quản lý công tác đầu tư, công tác tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập hoặc chi trả theo chế độ, chính sách đối với người lao động.

*Phòng kỹ thuật:* Tham mưu giúp Tổng Giám đốc quản lý kỹ thuật, định mức nhiên liệu, vật tư, kiểm soát thực hiện các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm kỹ thuật, bảo quản, bảo dưỡng, sửa chữa các phương tiện vận tải

### 1.6. Tổ chức công tác hành chính- kế toán

#### 1.6.1 Tổ chức bộ máy kế toán



#### Sơ đồ 1.6 Mô hình tổ chức bộ máy hành chính kế toán tại công ty

#### Cổ phần xây dựng và thương mại Thùy Dương

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Thùy Dương đã áp dụng hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Sở dĩ công ty chọn hình thức này xử lý cung cấp thông tin một cách kịp thời. Phòng kế toán trung tâm của công ty đã thực hiện toàn bộ công tác kế toán từ thu nhận ghi sổ, xử lý thông tin trên hệ thống báo cáo phân tích và tổng hợp của công ty.

Phòng hành chính kế toán của công ty hiện có 05 người và mỗi nhân viên đều được công ty trang bị một máy tính để bàn để phục vụ cho công việc hằng ngày. Mặt khác công ty còn kết nối internet nhằm giúp cán bộ công nhân viên trong công

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

ty liên lạc cập nhật tình hình cũng như nâng cao các kiến thức xã hội, kiến thức chuyên môn. Hệ thống mạng nội bộ còn giúp các cán bộ công nhân viên trong công ty liên hệ với nhau thuận tiện, nhanh chóng và tiện lợi.

Với đội ngũ nhân viên kể trên, phòng hành chính kế toán đã chia ra thành nhiều bộ phận, bao gồm:

- **Kế toán trưởng:**

+ Là người chịu trách nhiệm trước Ban giám đốc về việc chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác kế toán trong Công ty. Kế toán có chức năng, nhiệm vụ chỉ đạo chung mọi hoạt động bộ máy kế toán của công ty, bao gồm các mối quan hệ tài chính với cơ quan thuế, kiểm toán, lập các bảng biểu về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

+ Thường xuyên tham mưu giúp việc cho giám đốc thấy rõ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị mình, từ đó đề ra biện pháp xử lý. Giúp cho kế toán trưởng là các cán bộ nhân viên làm việc trong văn phòng.

- **Thủ quỹ:** giữ tiền và các khoản tương đương tiền; nhập xuất tiền theo giấy tờ hợp lệ của cơ quan (phiếu chi, phiếu thu); Lập sổ quỹ tiền mặt, sau đó đối chiếu với sổ cái tiền mặt

- **Kế toán thanh toán:** Phản ánh chính xác, kịp thời những khoản thu, chi và tình hình tăng giảm, thừa thiếu của từng loại vốn bằng tiền. Đồng thời hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ. Kiểm tra thường xuyên, đối chiếu số liệu củ thủ quỹ với kế toán tiền mặt để đảm bảo tính cân đối thống nhất.

- **Cán bộ nhân sự:** Tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty về tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh và bố trí nhân sự phù hợp với yêu cầu phát triển của Công ty đồng thời chỉ đạo, theo dõi, tổ chức việc thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước về tổ chức cán bộ, lao động tiền lương, đào tạo, thanh tra, bảo vệ... trong toàn bộ Công ty.

- **Cán bộ hành chính:** Tổ chức quản lý và thực hiện công tác quản trị, lưu trữ hồ sơ, dữ liệu liên quan đến công ty

## 1.6.2. Đặc điểm hình thức hạch toán kế toán

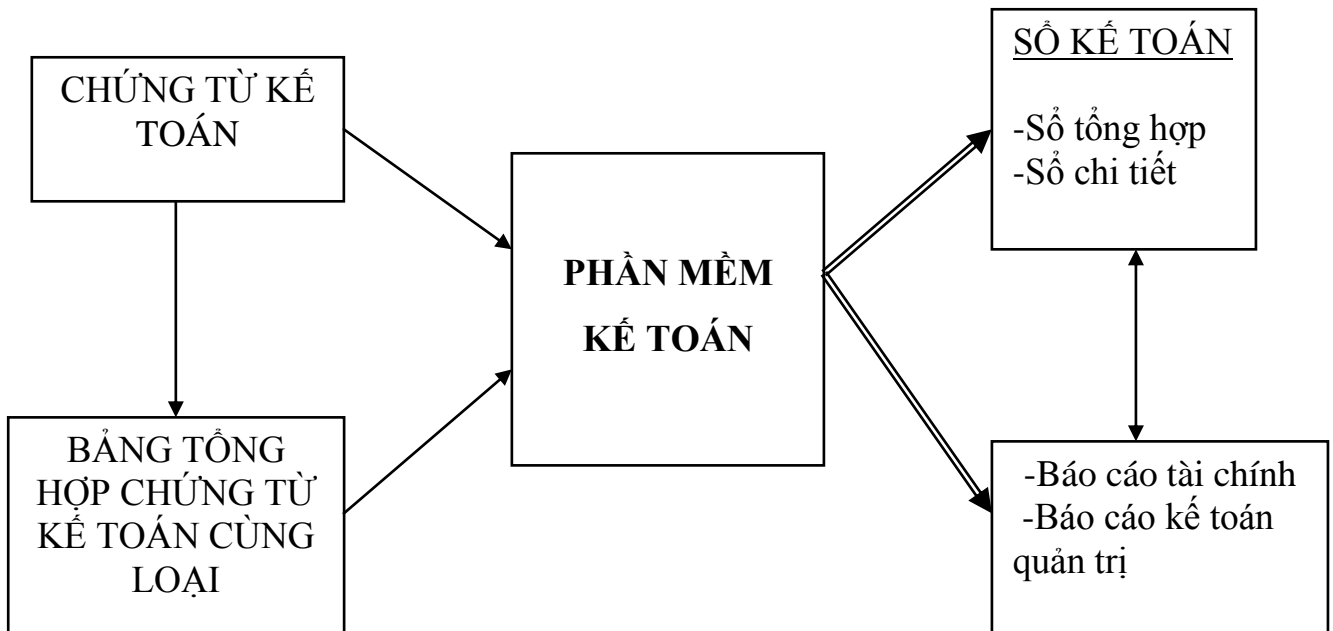
### ✓ Hình thức kế toán:

- Chế độ sổ sách của công ty:

+ Với đặc điểm công ty áp dụng máy vi tính trong công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng tạo ra rất nhiều thuận lợi cho các cán bộ, đặc biệt là các cán bộ nhân viên trong phòng kế toán. Việc áp dụng này giúp cho công tác kế toán giảm bớt công việc ghi chép, đồng thời công việc hạch toán kịp thời và chính xác hơn.

+ Hình thức sổ kế toán được áp dụng là hình thức nhật ký chung và sử dụng phần mềm kế toán máy fast accounting

- Sơ đồ hạch toán kế toán theo hình thức kế toán máy:



Sơ đồ 1.6.2: Sơ đồ hạch toán kế toán theo hình thức kế toán máy

### Ghi chú:

- $\longrightarrow$  Nhập số liệu hàng ngày
- $\Longrightarrow$  In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- $\longleftrightarrow$  Đối chiếu, kiểm tra

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Cuối tháng( hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp và số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ.

✓ ***Các loại sổ sách được dùng trong hình thức nhật kí chung:***

- Sổ nhật kí chung
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

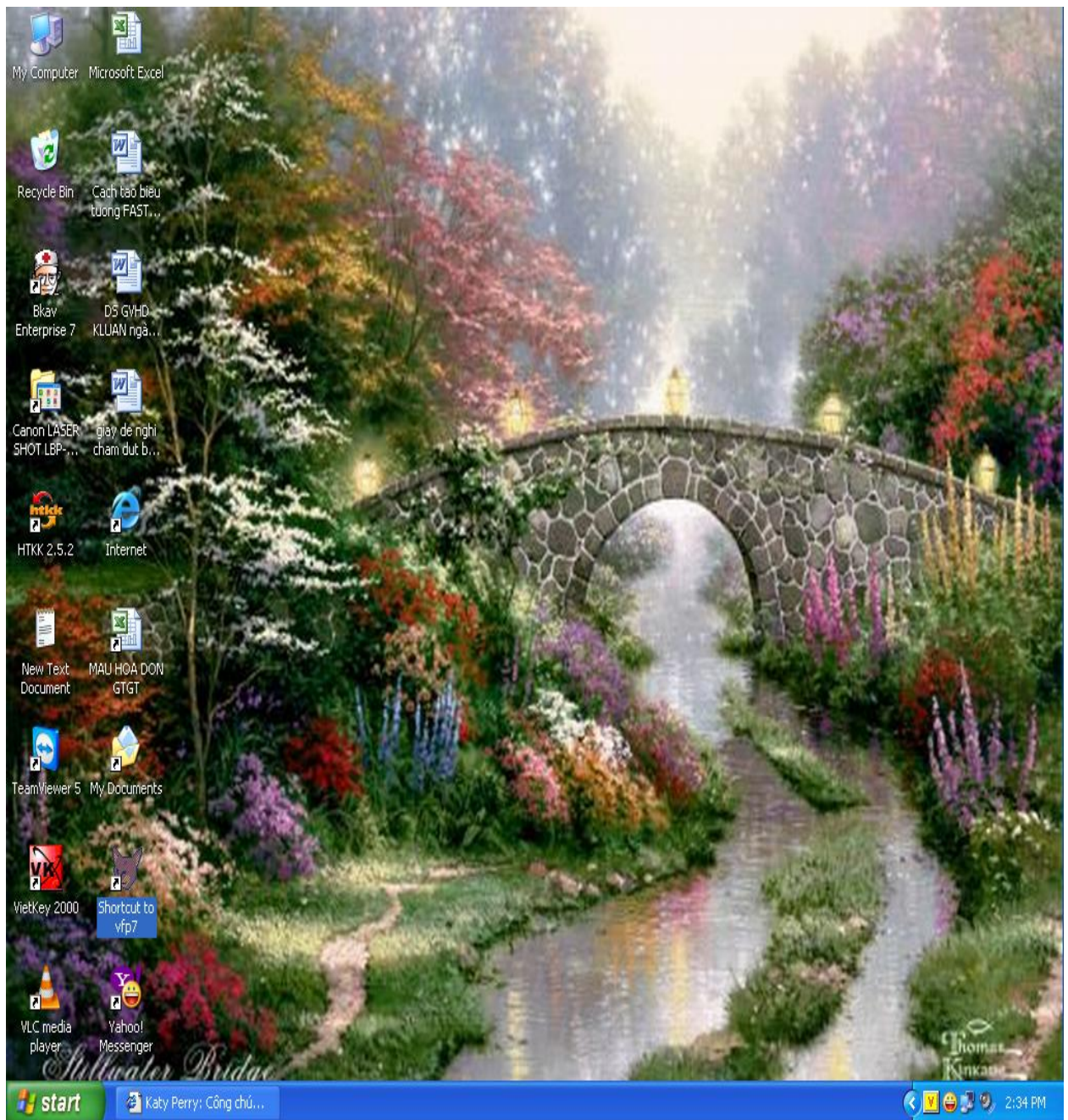
✓ ***Chế độ kế toán áp dụng tại công ty:***

Công ty TNHH Phát triển công nghệ đang áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của bộ trưởng bộ Tài chính. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Công ty hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính thuế GTGT theo phương pháp kê khai khấu trừ.

*Hệ thống báo cáo tài chính theo quyết định này bao gồm:*

- Bảng cân đối kế toán (mẫu số B01-DN)
- Báo cáo kết quả kinh doanh (mẫu số B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số B03-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B09-DN)

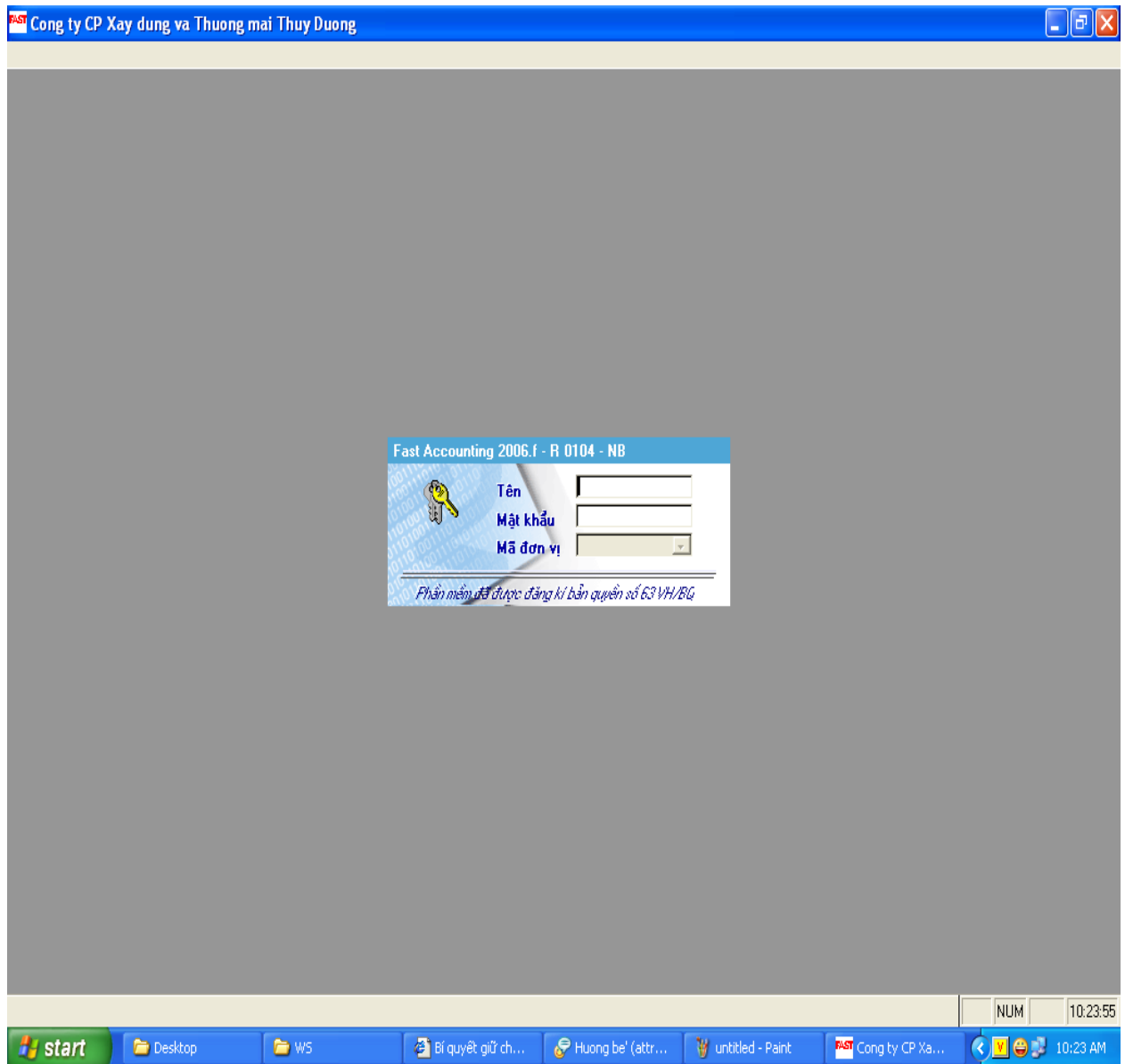
Ví dụ về cách sử dụng phần mềm kế toán tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Thùy Dương.



Biểu tượng phần mềm kế toán Fast Accounting đang được chọn trên màn hình Desktop

Bước 1 : Kích vào biểu tượng đang được chọn trên màn hình máy tính

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

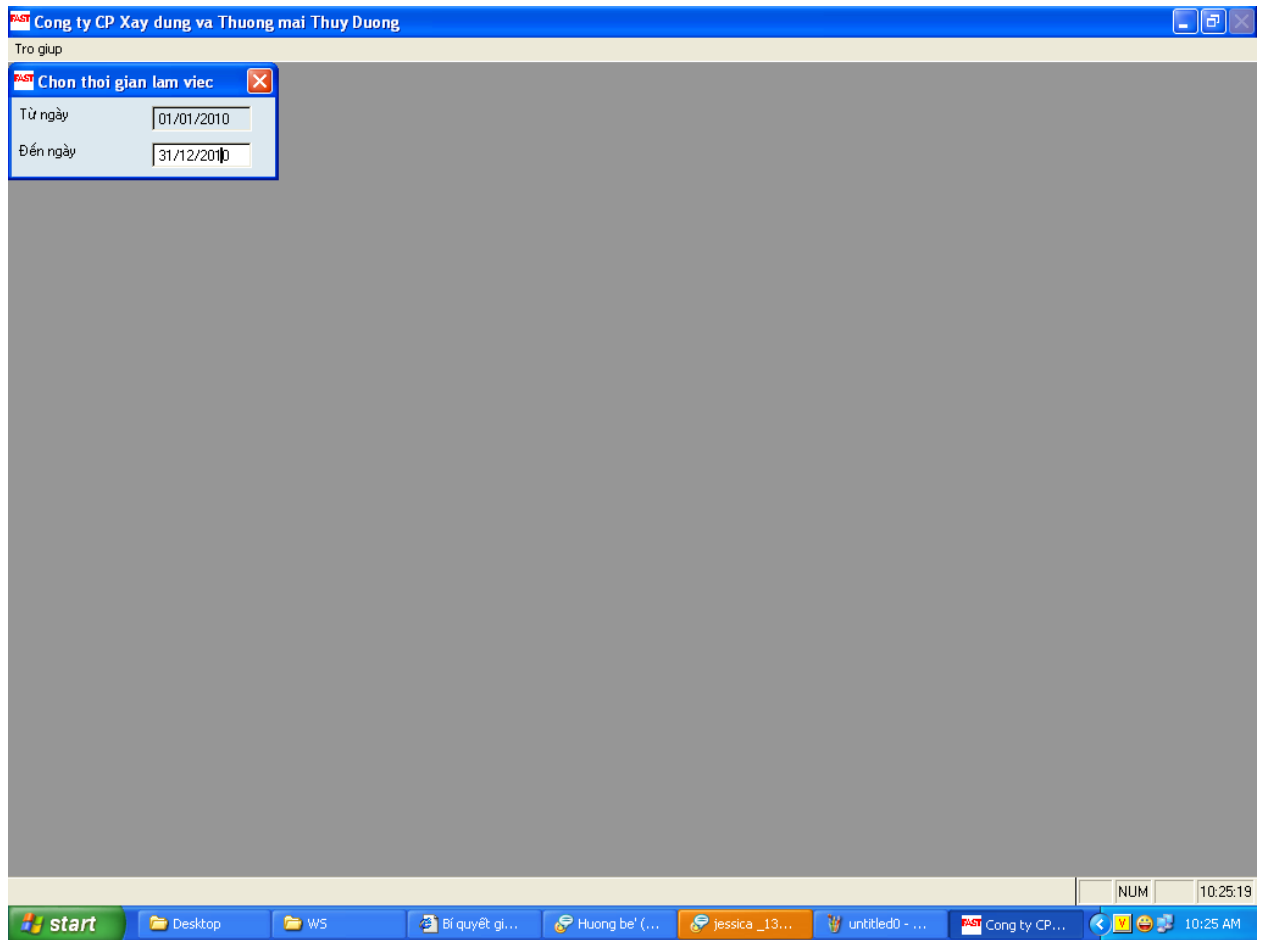


Sau khi khởi động, phần mềm kế toán yêu cầu kế toán viên nhập tên và mật khẩu để có thể sử dụng phần mềm kế toán

Bước 2: nhập tên và mật khẩu của người sử dụng

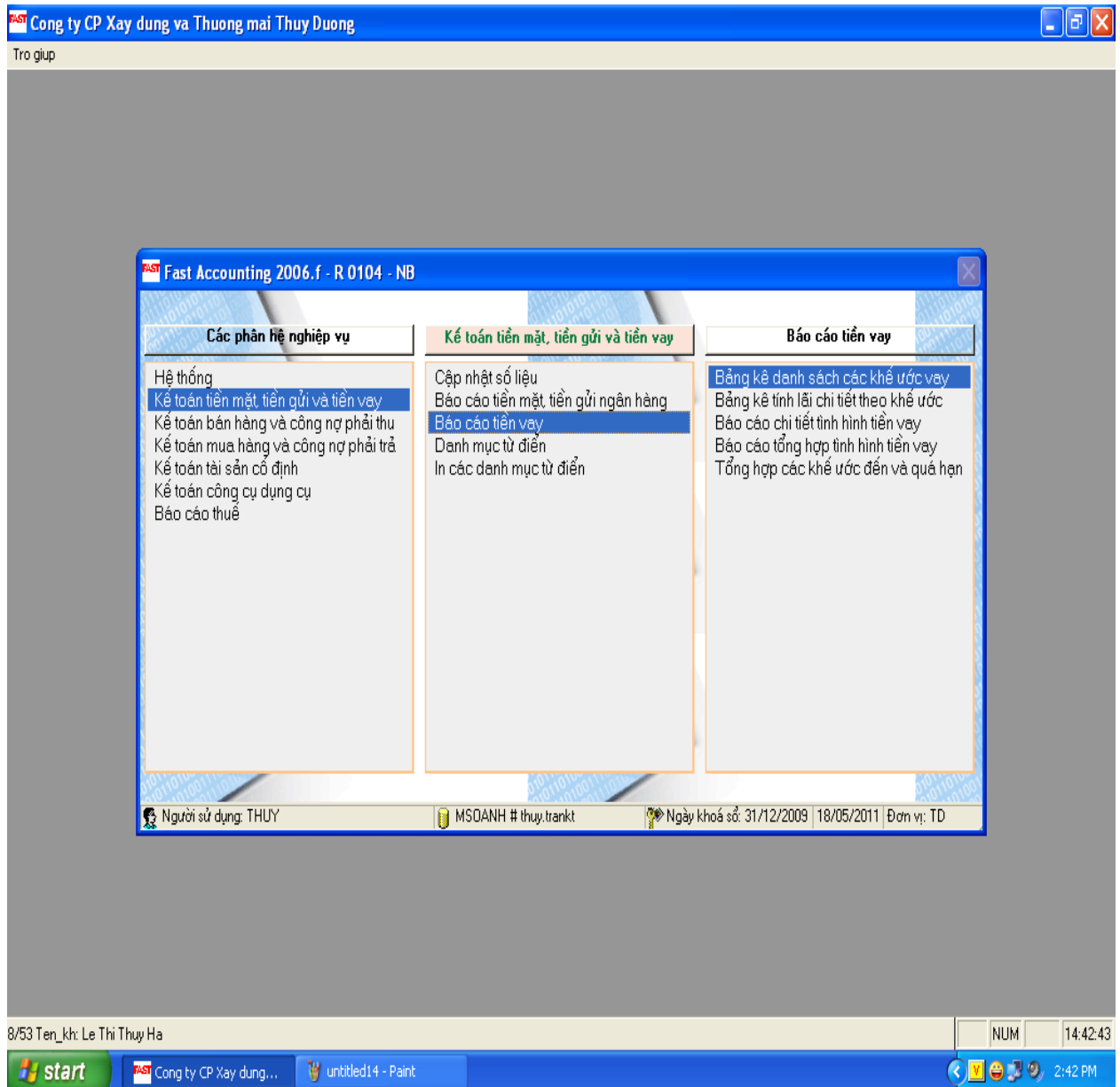


# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Bước 3: Chọn thời gian làm việc

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Giao diện sử dụng của phần mềm kế toán

### **2. Nội dung đề tài khóa luận “Kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán” tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Thùy Dương**

#### **2.1 Nguyên tắc về hạch toán kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán**

##### **\* Kế toán vốn bằng tiền phải tuân thủ:**

- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định và chế độ quản lý, lưu thông tiền tệ hiện hành của Nhà nước.

- Phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời số hiện có và tình hình thu chi toàn bộ các loại vốn bằng tiền của đơn vị hàng ngày.

- Kế toán phải sử dụng thống nhất một đơn vị tiền tệ là đồng ngân hàng Việt nam.

- Kế toán phải mở sổ chi tiết theo dõi từng loại vốn bằng tiền, từng loại ngoại tệ.

##### **\* Hạch toán nguồn vốn tín dụng phải cần tuân thủ các nguyên tắc sau:**

- Mọi khoản vay ngoại tệ phải được phản ánh theo nguyên tắc tiền tệ và đồng Việt Nam. Trường hợp vay bằng vàng bạc, đá quý phải được phản ánh chi tiết theo từng loại về số lượng và giá trị.

- Mọi khoản vay phải được theo dõi chi tiết theo các hình thức vay, vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn hoặc các đối tượng khác. Trong từng hình thức vay phải theo dõi cho từng loại vay.

##### **\* Hạch toán các nghiệp vụ thanh toán phải tuân thủ các nguyên tắc:**

- Hạch toán các quan hệ kinh tế thuộc nghiệp vụ thanh toán phải chi tiết cho từng đối tượng có quan hệ tài chính vốn đơn vị. Đến cuối kỳ hạch toán phải tính số công nợ cho từng đối tượng.

- Kế toán có nhiệm vụ tổ chức ghi chép và theo dõi chặt chẽ các khoản nợ phải thu, phải trả có biện pháp đôn đốc chi, trả và thu hồi kịp thời các khoản công nợ.

- Nghiêm chỉnh chấp hành kỷ luật thanh toán và thu nộp ngân sách. Giải quyết dứt khoát công nợ dây dưa. Xử lý đúng đắn các khoản nợ không có khả năng đòi được hoặc không có ai đòi.

### 2.2 Thực trạng công tác “Kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán” tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Thùy Dương

Trong ngày, khi phát sinh bất kỳ nghiệp vụ nào liên quan đến tiền mặt, tiền gửi và các khoản thanh toán, kế toán thanh toán sẽ phải thực hiện các bước sau:

Bước 1: Khởi động phần mềm kế toán

Bước 2: Cập nhật số liệu vào phần mềm từ các chứng từ gốc ( hóa đơn GTGT, giấy đề nghị thanh toán, giấy đề nghị tạm ứng, ủy nhiệm thu( chi), giấy báo Nợ ( Có)...) )

Bước 3: In chứng từ ( phiếu thu, phiếu chi, ủy nhiệm chi...)

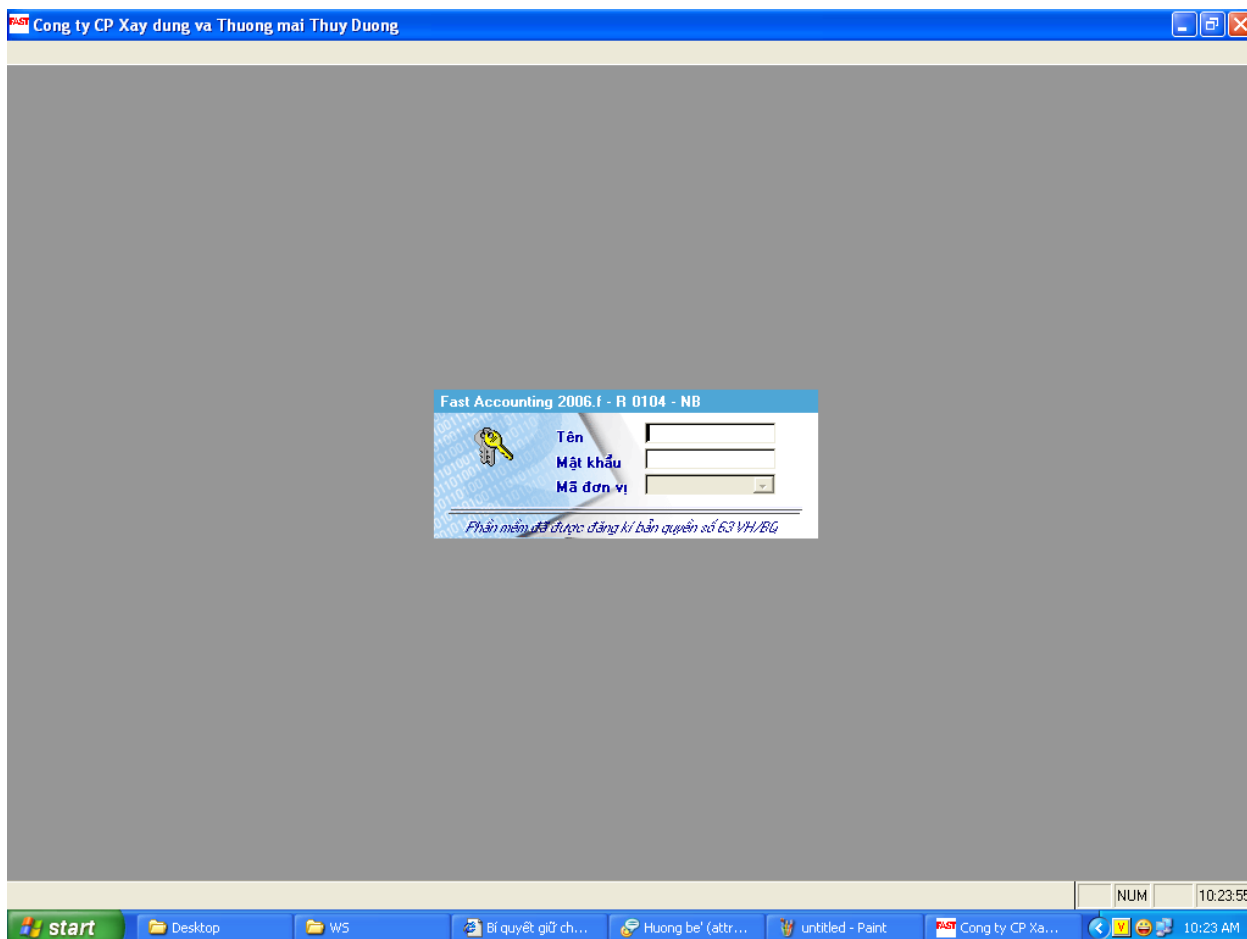
Bước 4: Chuyển chứng từ cho kế toán trưởng và giám đốc ký duyệt.

Bước 5: Chuyển chứng từ đã được duyệt cho thủ quỹ để thực hiện việc xuất, nhập quỹ hoặc mang tới ngân hàng để thực hiện các nghiệp vụ chuyển tiền.

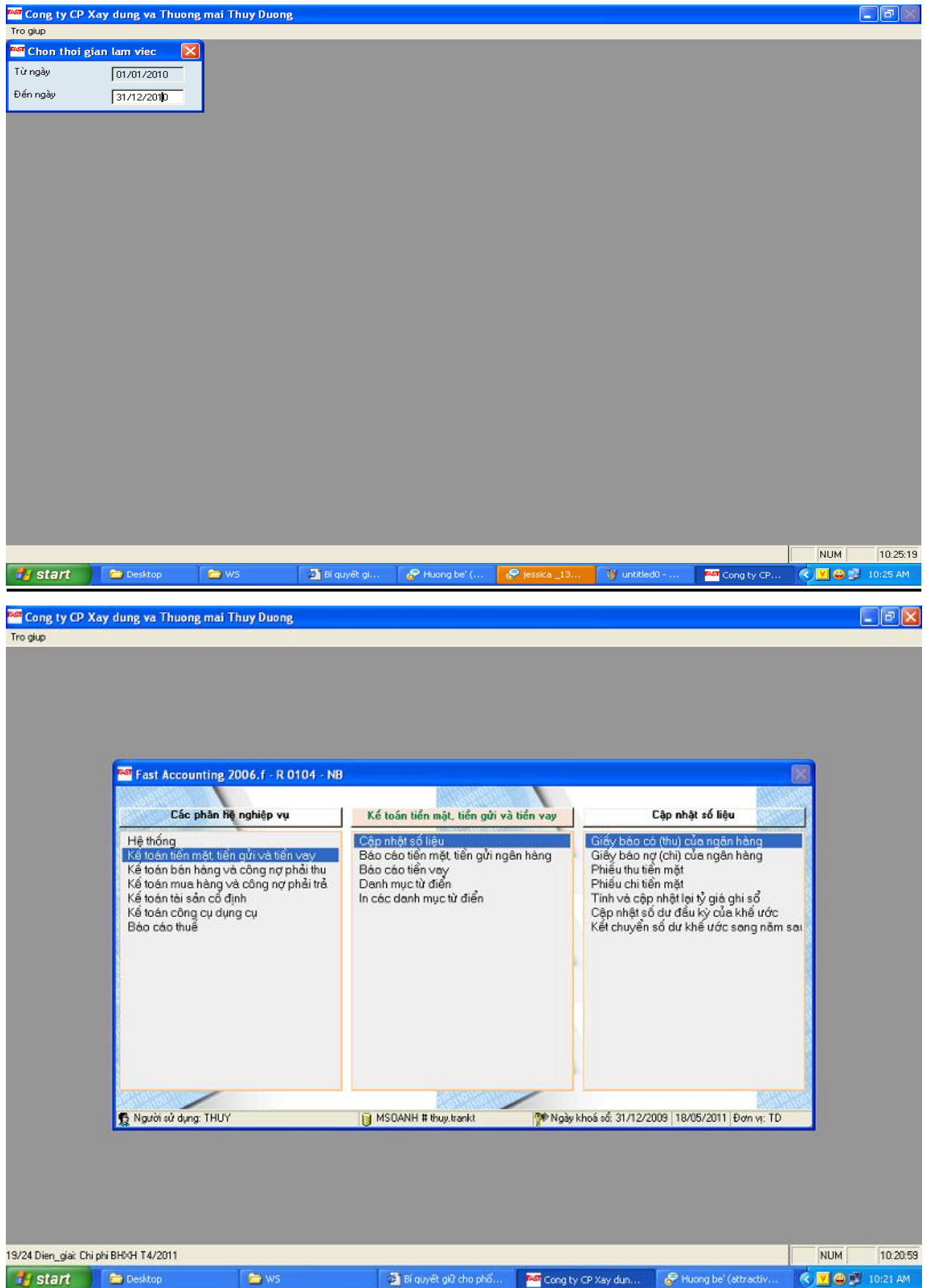
Các sổ kế toán sẽ được in tùy theo mục đích, yêu cầu của công việc ( Ví dụ: in sổ chi tiết tiền mặt để kiểm tra, đối chiếu với sổ quỹ tiền mặt của thủ quỹ; hay in sổ chi tiết tài khoản thuế giá trị gia tăng được khấu trừ để

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Bước 1:



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

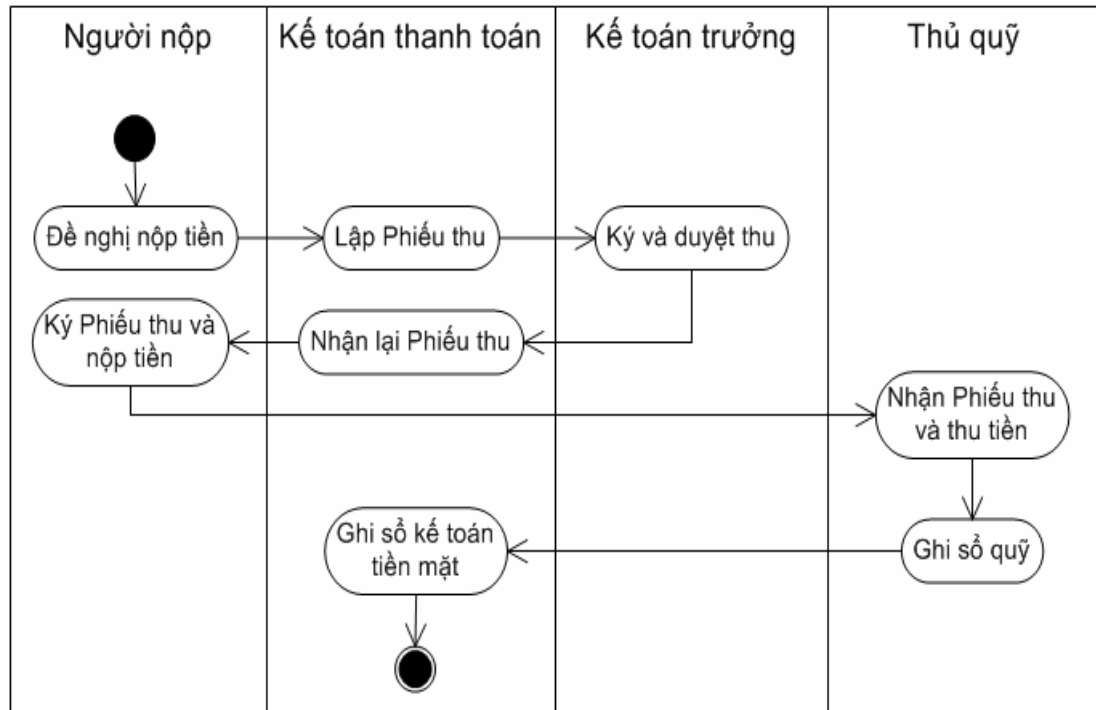
Bước 2: Cập nhật số liệu.

Tại đây kế toán có thể cập nhật số liệu cho từng phần hành kế toán.

## 2.2.1 Kế toán tiền mặt

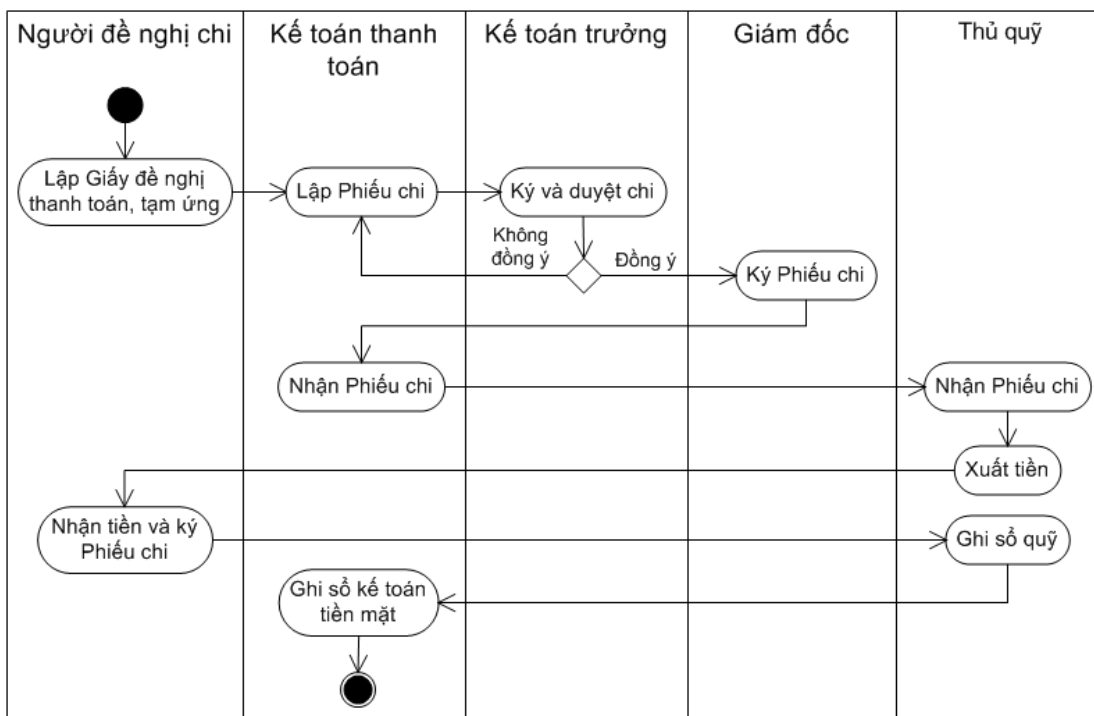
✚ Sơ đồ luân chuyển chứng từ:

### Kế toán thu tiền mặt



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Kế toán chi tiền mặt



Ví dụ 1 Nhân viên Nguyễn Thị Bích Thủy mua bổ sung ghế cho văn phòng. Giá thanh toán 350 000, bao gồm vat 10%

Chứng từ: - Hóa đơn GTGT

-Giấy đề nghị thanh toán

-Phiếu chi



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI THÙY DƯƠNG

Số 519A- TD Business Center-Lô 20-Lê Hồng Phong-Ngô Quyền-HP

ĐT: 3722228 – Fax: 3722229

## GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Kính gửi : \_Tổng Giám Đốc Công ty

\_Phòng Hành chính- Kế toán

Tôi tên là : Nguyễn Thị Bích Thủy

Bộ phận công tác : Phòng hành chính-kế toán

Xin thanh toán số tiền : 350 000

Bằng chữ : Ba trăm năm mươi nghìn đồng chẵn

Về việc : Mua ghế bổ sung cho văn phòng

Kính trình Tổng Giám Đốc Công ty phê duyệt

**Trân trọng cảm ơn !**

Ngày 3 tháng 3 năm 2010

**Tổng Giám Đốc**

**Kế toán trưởng**

**Người đề nghị**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01 GTKT- 3LL

HĐ/2010T

Liên 2: Giao khách hàng

0092555

Ngày 27 tháng 2 năm 2010

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH nội thất Thanh Tùng.....

Địa chỉ: 369 Lê Lợi – Ngô Quyền – Hải Phòng.....

Số tài khoản:.....

Điện thoại.....MST.....0200623040.....

Họ tên người mua hàng: ..Nguyễn Thị Bích Thủy.....

Tên đơn vị: .....Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Thùy Dương.....

Địa chỉ: Số 374,lô 22 Lê Hồng Phong, Đông Khê, Hải Phòng.....

Số tài khoản: .....

Hình thức thanh toán:..TM.....MST.....0200743429 .....

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Ghế xoay	Bộ	1	318 182	318 182
Cộng tiền hàng					318 182
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT		31 818	
Tổng cộng tiền thanh toán					350 000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Ba trăm lăm mươi nghìn đồng chẵn</i>					

Người mua hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng  
(Ký, ghi rõ họ tên)

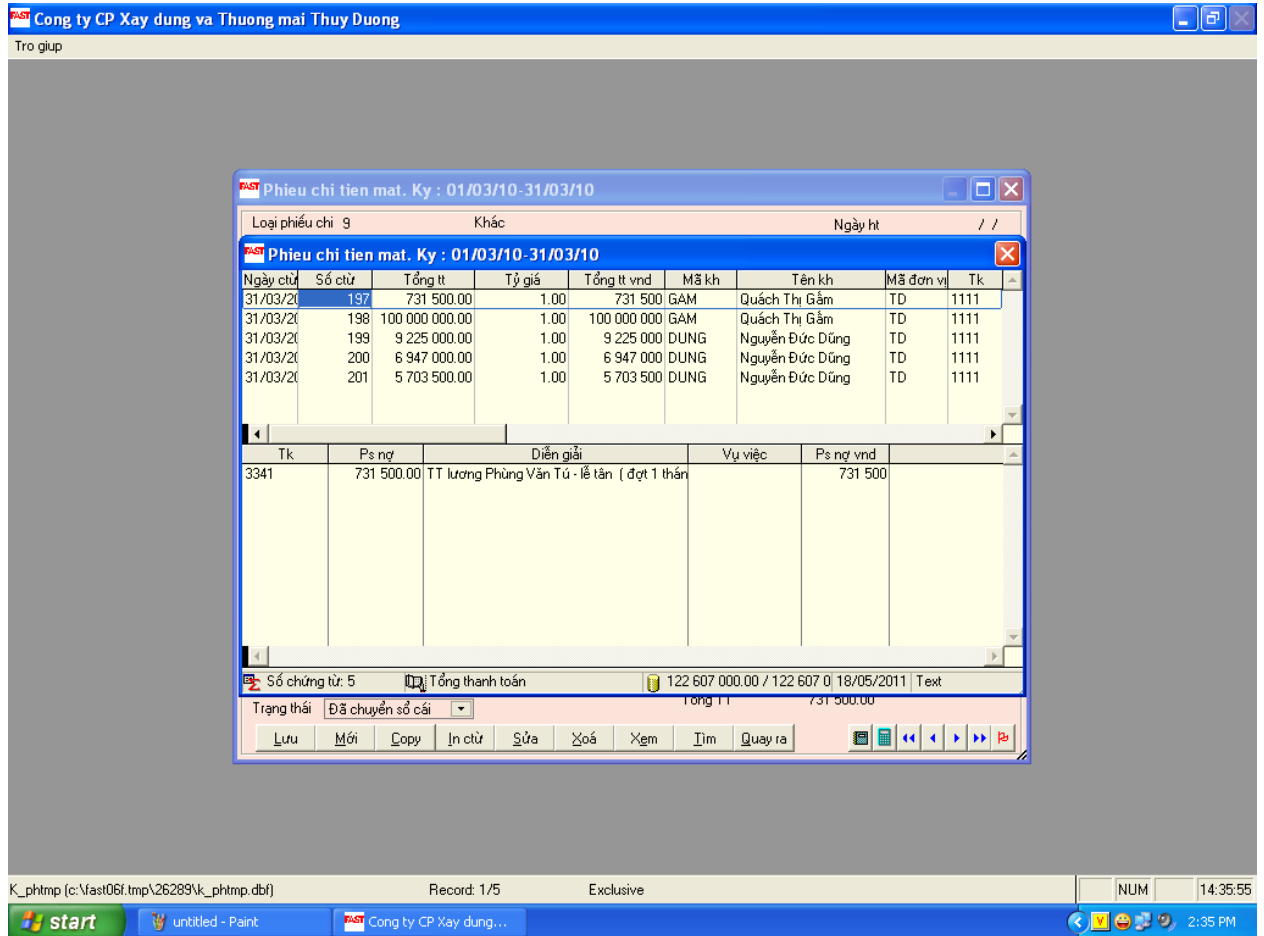
Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

( Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hoá đơn)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

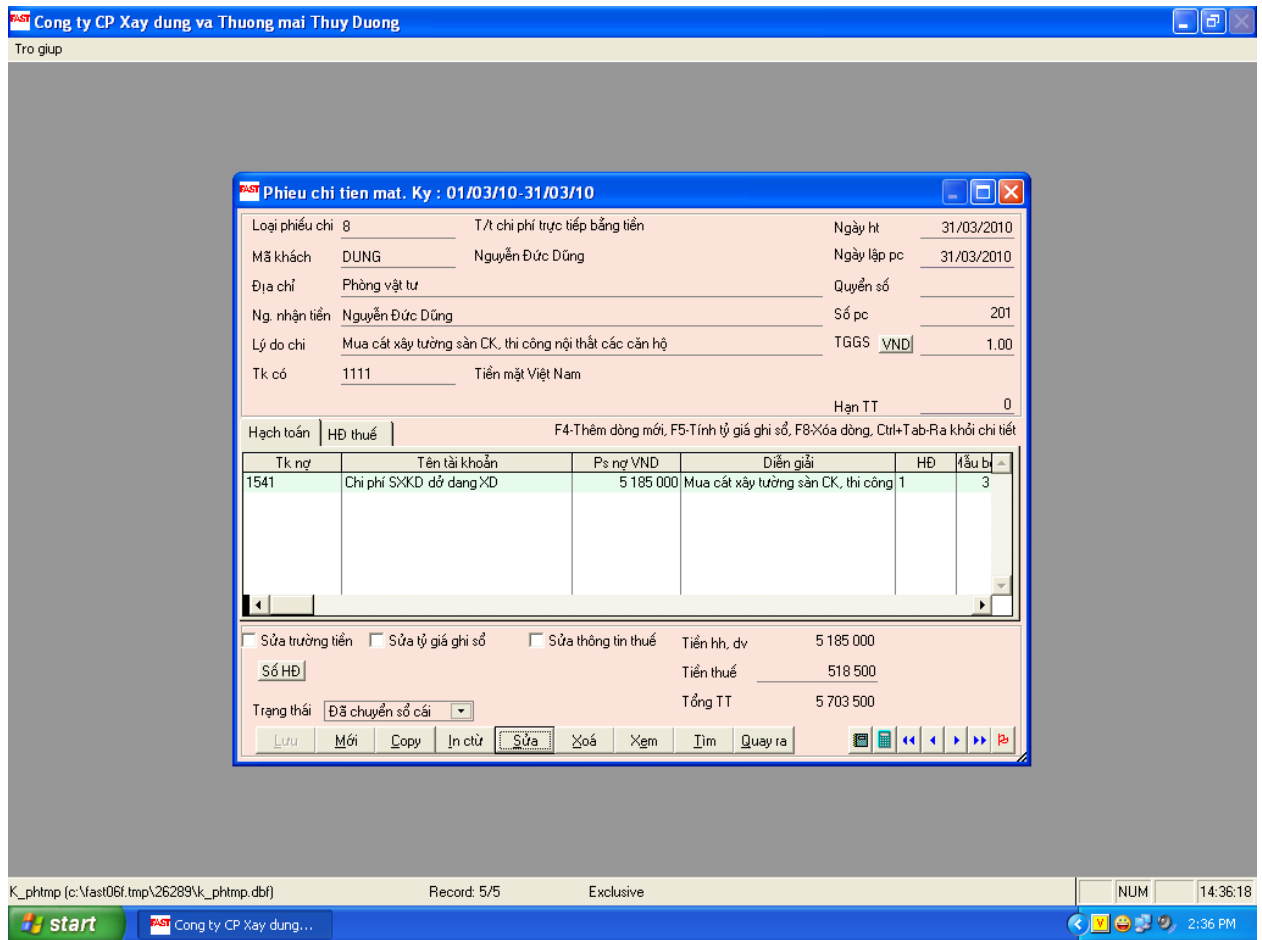
Căn cứ vào hóa đơn GTGT và giấy đề nghị thanh toán của nhân viên Nguyễn Thị Bích Thủy, kế toán cập nhật số liệu vào phần mềm kế toán như sau

Chọn “kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay” → “Cập nhật số liệu” → “Phiếu chi tiền mặt”. Trên màn hình sẽ hiện ra hộp thoại sau:



Tiếp theo, trong hộp thoại “Phiếu chi tiền mặt”, chọn “Mới”, màn hình sẽ hiện ra như sau

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Kế toán nhập đầy đủ thông tin từ chứng từ gốc vào mẫu phiếu chi bên trên. Sau đó in phiếu chi ra thành 2 liên; chuyển cho kế toán trưởng ký và duyệt chi; chuyển cho Giám đốc ký rồi nhận lại phiếu chi. Tiếp theo chuyển phiếu chi cho thủ quỹ để thủ quỹ thực hiện xuất quỹ. Sau khi được người nhận tiền và thủ quỹ ký thì thủ quỹ giữ lại 1 liên để lưu và chuyển 1 liên lại cho kế toán.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI THÙY DƯƠNG**  
Số 374 Lô 22, Lê Hồng Phong, Đông Khê, Hải Phòng

Mẫu 02-TT  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU CHI SỐ : 136**  
Ngày 03/03/2010

Có: 1111 350 000  
Nợ: 13311 31 818  
6423 318 182

Họ tên người nhận tiền: **Nguyễn Thị Bích Thủy**

Địa chỉ : Phòng hành chính – kế toán

Lý do : Mua thiết bị văn phòng

Số tiền: **350 000**

Bằng chữ: **Ba trăm năm mươi nghìn đồng chẵn**

Kèm theo.....02.....chứng từ gốc

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ) .....

Ngày 03 tháng 03 năm 2010

**GIÁM ĐỐC**  
(ký, họ tên, đóng dấu)

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**  
(ký, họ tên)

**NGƯỜI LẬP PHIẾU**  
(ký, họ tên)

**THỦ QUỸ**  
(ký, họ tên)

**NGƯỜI NHẬN TIỀN**  
(ký, họ tên)

Đối với nghiệp vụ tăng tiền mặt ta cũng thực hiện tương tự: Chọn “phiếu thu tiền mặt”

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

FAST Cong ty CP Xay dung va Thuong mai Thuy Duong

Tro giup

FAST Phiếu thu tien mat. Ky : 01/01/10-31/12/10

Loại phiếu thu: 5 Chuyển/Rút/Nộp tiền Ngày bt: / /

FAST Phiếu thu tien mat. Ky : 01/01/10-31/12/10

Ngày cũ	Số cũ	Tổng ps	Tỷ giá	Tổng ps vnd	Mã kh	Tên kh	Mã đơn vị	Tk
28/12/20	427	7 820 000.00	1.00	7 820 000	LEHA	Lê Thị Thuý Hà	TD	1111
28/12/20	428	100 000.00	1.00	100 000	KL	Khách lẻ	TD	1111
30/12/20	429	000 000 000.00	1.00	1 000 000 000	GAM	Quách Thị Gấm	TD	1111
30/12/20	430	15 860 000.00	1.00	15 860 000	LEHA	Lê Thị Thuý Hà	TD	1111
30/12/20	431	100 000.00	1.00	100 000	KL	Khách lẻ	TD	1111
31/12/20	432	000 000 000.00	1.00	1 000 000 000	DUDNG	Nguyễn Hữu Dương	TD	1111
31/12/20	433	8 440 000.00	1.00	8 440 000	LEHA	Lê Thị Thuý Hà	TD	1111

Tk	Ps có	Diễn giải	Vụ việc	Mã phí	Ps có vnd
131	7 820 000.00	Thu tiền vé trông xe ngày 27/12/2010			820 000

Số chứng từ: 10 Tổng phát sinh 2 045 240 000.00 / 2 045 24 18/05/2011 | Text

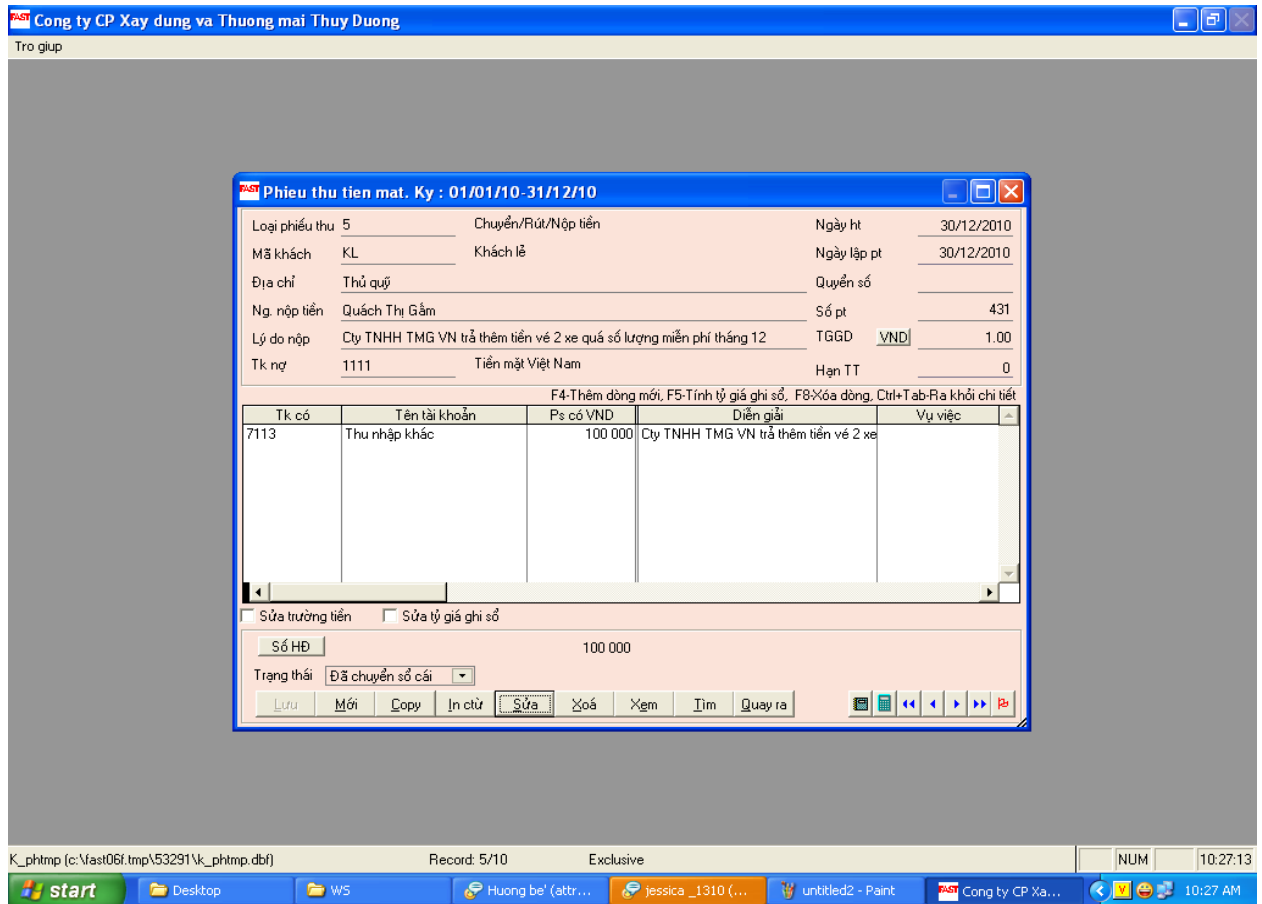
Trạng thái: Chưa chuyển số cái

Lưu Mới Copy In cũ Sửa Xóa Xem Tìm Quay ra

K\_phtmp (c:\Mast06i.tmp\53291\k\_phtmp.dbf) Record: 1/10 Exclusive NUM 10:26:39

start Desktop W5 Huang be' (attr... Jessica\_1310 (... untitled - Paint FAST Cong ty CP Xa... 10:26 AM

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Để xem sổ cái tài khoản tiền mặt, kế toán chọn “Báo cáo tiền mặt và tiền gửi ngân hàng”, rồi chọn tiếp “sổ quỹ”. Chọn tài khoản và thời gian cần xem.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

FAST Cong ty CP Xay dung va Thuong mai Thuy Duong

Tro giup

\192.168.1.11\HP Lase

FAST So quy: Tk 111. F7 - In, Esc - Quay ra

+	Ngay_ct	la_ct	So_ct	Ong_ba	Ma_kh	Ten_kh	Dien_giai	Tk_du	Ps_no	Ps_co	Ma_vv
	/ /						Số dư nợ đầu kỳ:		212 061 693		
	/ /						Tổng phát sinh trong kỳ:		1 505 711 149	1 597 341 683	
	/ /						Số dư nợ cuối kỳ:		120 431 159		
	/ /										
	02/03/201	PC	135	Lý Thời Mai	MAI	Lý Thời Mai	TT lương cô Mai T2/2010	3341		6 100 000	
	02/03/201	PC	136	Đặng Thị Thu	FKL	Khách lẻ	Mua bảo hiểm xe 6188	13311		729 955	
	02/03/201	PC	136	Đặng Thị Thu	FKL	Khách lẻ	Mua bảo hiểm xe 6188	6422		6 669 590	
	02/03/201	PC	134A	Quách Thị Gấm	GAM	Quách Thị Gấm	GB chi đối ngoại tết âm lịch ( 201	6428		213 860 000	
	02/03/201	PC	134B	Quách Thị Gấm	GAM	Quách Thị Gấm	TT lương BV, tạp vụ T2/2010	6423		4 265 000	
	03/03/201	PT	51A	Quách Thị Gấm	GD	Nguyễn Hải Lưu	A. Lưu hoàn tạm ứng	141	213 860 000		
	03/03/201	PT	51B	Lê Thị Thuý Hà	LEHA	Lê Thị Thuý Hà	Thu tiền trông xe ngày 01.02/03/	131	8 325 000		
	03/03/201	PC	137	Quách Thị Gấm	GAM	Quách Thị Gấm	TT lương đợt 1 Tháng 2 cho 02	13341		2 200 000	
	03/03/201	PC	138	Quách Thị Gấm	GAM	Quách Thị Gấm	TT tiền chế độ cho Đổ Văn Dũng	6271		29 931	
	03/03/201	PC	139	Nguyễn Thị Bích Thuý	THUY	Nguyễn Thị Bích Thuý	CHI phí VP ( đồ lễ tết )	6423		514 672	
	03/03/201	PC	140	Nguyễn Thị Bích Thuý	THUY	Nguyễn Thị Bích Thuý	TT tiền chế độ cho nhân viên ( n	6428		1 500 000	
	03/03/201	PC	141	Nguyễn Thị Bích Thuý	THUY	Nguyễn Thị Bích Thuý	Bổ sung ghé cho VP	13311		31 818	
	03/03/201	PC	141	Nguyễn Thị Bích Thuý	THUY	Nguyễn Thị Bích Thuý	Bổ sung ghé cho VP	6423		338 182	
	03/03/201	PC	142	Nguyễn Thị	THINGO	Nguyễn Thị	T/ư tiền dán kính tầng 6	141		8 000 000	
	04/03/201	PT	52	Lê Thị Thuý Hà	LEHA	Lê Thị Thuý Hà	Thu tiền trông xe ngày 03/03	131	4 075 000		
	05/03/201	PC	143	Phạm Mạnh Kh	TQ	Công nhân nội thất	TT tiền thuê nhà số 243 lô 22 T3	1388		11 000 000	
	06/03/201	PT	53	Hoàng Vĩnh Hù	KL	Khách lẻ	Đặt cọc tiền thi công công trình	3388	20 000 000		
	06/03/201	PT	54	Lê Thị Thuý Hà	LEHA	Lê Thị Thuý Hà	Thu tiền trông xe ngày 04,05/03/	131	10 420 000		
	06/03/201	PT	55	Nguyễn Đức D	DUNG	Nguyễn Đức Dũng	A. Dũng hoàn tạm ứng	141	5 000 000		
	06/03/201	PC	144	Nguyễn Đức D	DUNG	Nguyễn Đức Dũng	TT tiền mua bóng & chao đèn ca	13311		566 200	
	06/03/201	PC	144	Nguyễn Đức D	DUNG	Nguyễn Đức Dũng	TT tiền mua bóng & chao đèn ca	6272		5 662 000	
	06/03/201	PC	145	Nguyễn Đức D	DUNG	Nguyễn Đức Dũng	Mua pin tiểu & ổ cắm đa năng	13311		94 973	
	06/03/201	PC	145	Nguyễn Đức D	DUNG	Nguyễn Đức Dũng	Mua pin tiểu & ổ cắm đa năng	6423		949 727	
	06/03/201	PC	146	A. Phúc	CAY8T	Cty TNHH TM XD Thiên	TT tiền chăm sóc cây xanh T2/0	13311		136 364	
	06/03/201	PC	146	A. Phúc	CAY8T	Cty TNHH TM XD Thiên	TT tiền chăm sóc cây xanh T2/0	6277		1 363 636	
	06/03/201	PC	147	Nguyễn Thị Bích Thuý	THUY	Nguyễn Thị Bích Thuý	Bổ xung găng tay cho NV nam B	6271		200 000	
	06/03/201	PC	148	Nguyễn Thị Bích Thuý	THUY	Nguyễn Thị Bích Thuý	Làm mới 03 chìa khoá nhà 374, c	13311		150 000	
	06/03/201	PC	148	Nguyễn Thị Bích Thuý	THUY	Nguyễn Thị Bích Thuý	Làm mới 03 chìa khoá nhà 374, c	6277		1 725 000	
	06/03/201	PC	149	Nguyễn Thị Bích Thuý	THUY	Nguyễn Thị Bích Thuý	TT tiền chăm sóc cây xanh T2/2010	13311		20 777	

Tìm kiếm  = 

 Tìm mới    Tìm tiếp    Không xét chữ hoa/thường

4/97 Ten\_kh: Ngan hang thuong mai CP a Chau - CN Hai Phong
 NUM 15:44:47

start
Cong ty CP Xay dung...
untitled - Paint
New Folder
3:44 PM

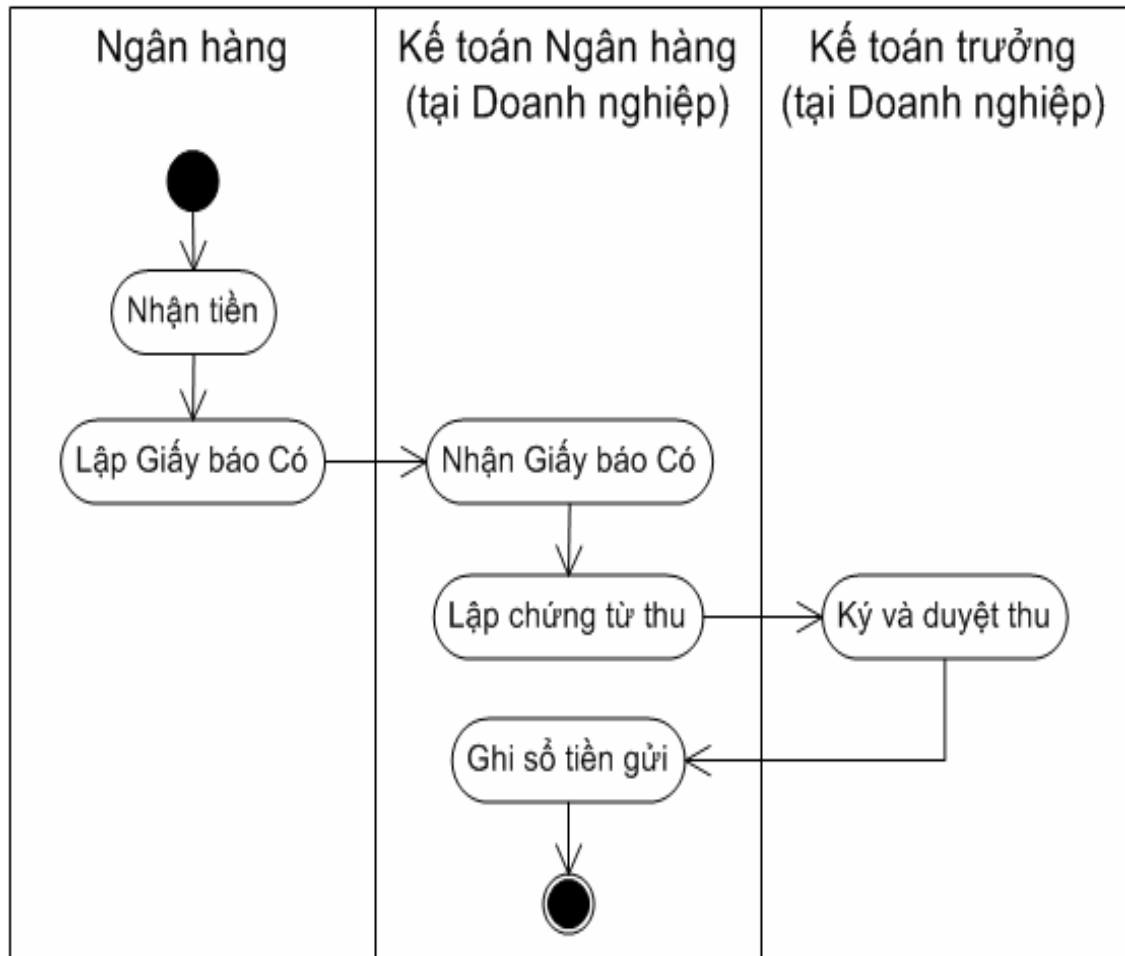


# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## 2.2.2 Kế toán tiền gửi ngân hàng

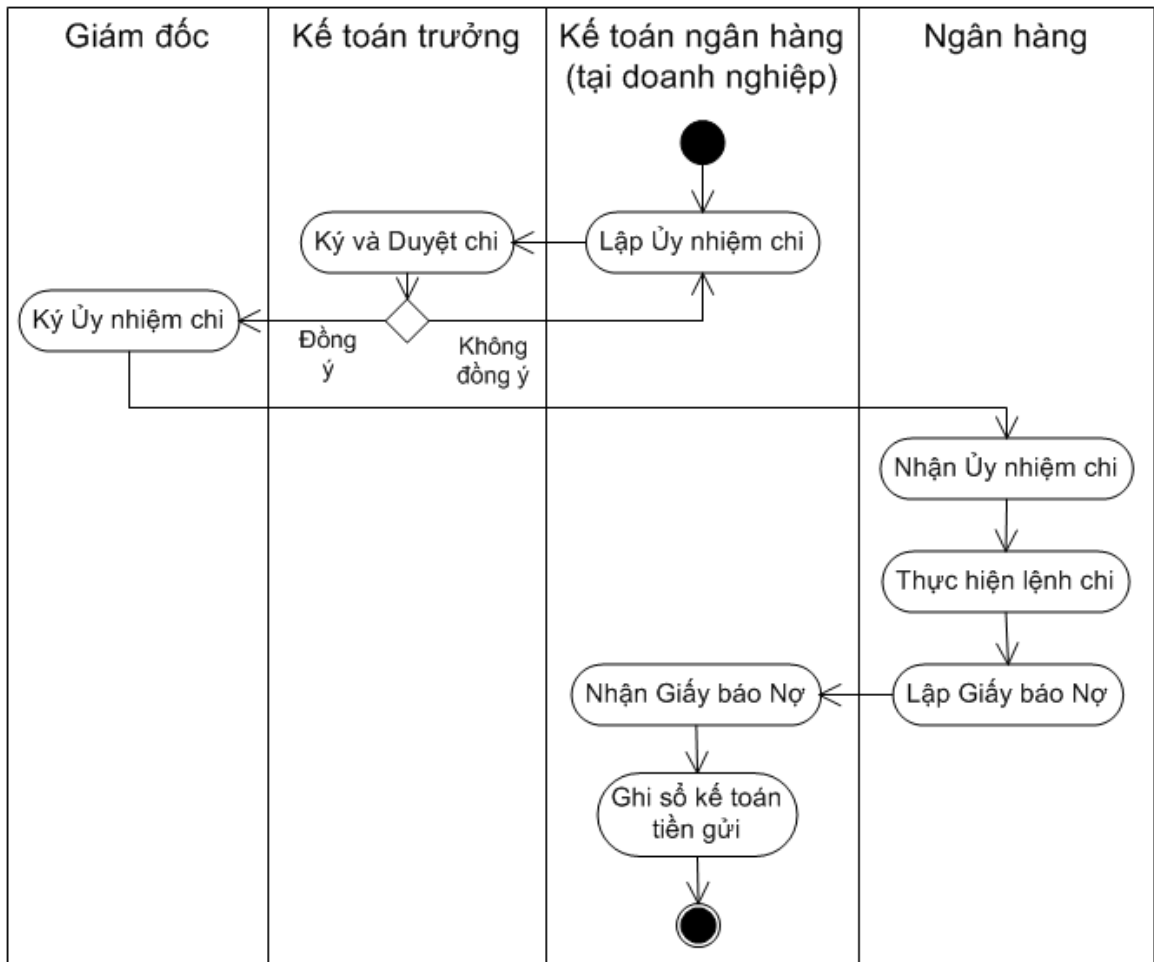
✚ Quy trình luân chuyển chứng từ:

### Kế toán thu tiền gửi ngân hàng



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Kế toán chi tiền gửi ngân hàng



Ví dụ 2 Ngày 02/03/2010 công ty TNHH Parkson Hải phòng thanh toán tiền dịch vụ sử dụng điện, nước bằng tiền gửi ngân hàng.

Chứng từ gốc: Giấy báo có của ngân hàng ACB

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ngân Hàng A Châu

Chi nhánh: ACB – PGD TD PLAZA

**GIẤY BÁO CỎ**

Ngày: 02-03-2010

Ma GDV:

Ma KH: 51597

So GD:

Kinh gọi: CTY CP XD & TM THUY DUONG

Ma so thue : 0200743429

Hom nay, chung toi xin bao da ghi CO tai khoan cua quy khách hàng voi noi dung nhu sau:

So tai khoan ghi CO : 71937989

So tien bang so: 501,213,038

So tien bang chu: Nam tram linh mot trieu, hai tram muoi ba nghìn không tram ba muoi

Tam nghìn đồng chẵn.

Noi dung: ## CONG TY TNHH PARKSON HP THANH TOAN TIEN DICH VU

DIEN, NUOC T2/2010

Giao dich vien

Kiem soat

Sau khi nhận được giấy báo có của Ngân hàng thương mại Cổ phần Á Châu, kế toán sẽ nhập số liệu như sau:

Chọn “kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay” → “Cập nhật số liệu” → “Giấy báo có (thu) của ngân hàng”. Trên màn hình sẽ xuất hiện hộp thoại như hình dưới đây.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

The screenshot shows a software application window titled "Giấy báo có (thu) của ngân hàng. Kỳ : 01/03/10-31/03/10". The window contains a table of transactions and a summary section.

Ngày cũ	Số cũ	Tổng ps	Tỷ giá	Tổng ps vnd	Mã kh	Tên kh	Mã đơn vị	Tk
19/03/20	06/03M	66 695 858.00	1.00	66 695 858	MG	Cty truyền thông Megastar	TD	1121
25/03/20	06/03	755 285.00	1.00	755 285	TDCO	Công ty CP XD&TM Thuỳ	TD	1121
25/03/20	07.1/03M	11 000.00	1.00	11 000	ACB	Ngân hàng thương mại CF	TD	1121
25/03/20	07.2/03M	1 303 384.00	1.00	1 303 384	TDCO	Công ty CP XD&TM Thuỳ	TD	1121
29/03/20	02/03	2 007 272.00	1.00	2 007 272	VCB	NH TMCP ngoại thương V	TD	1124

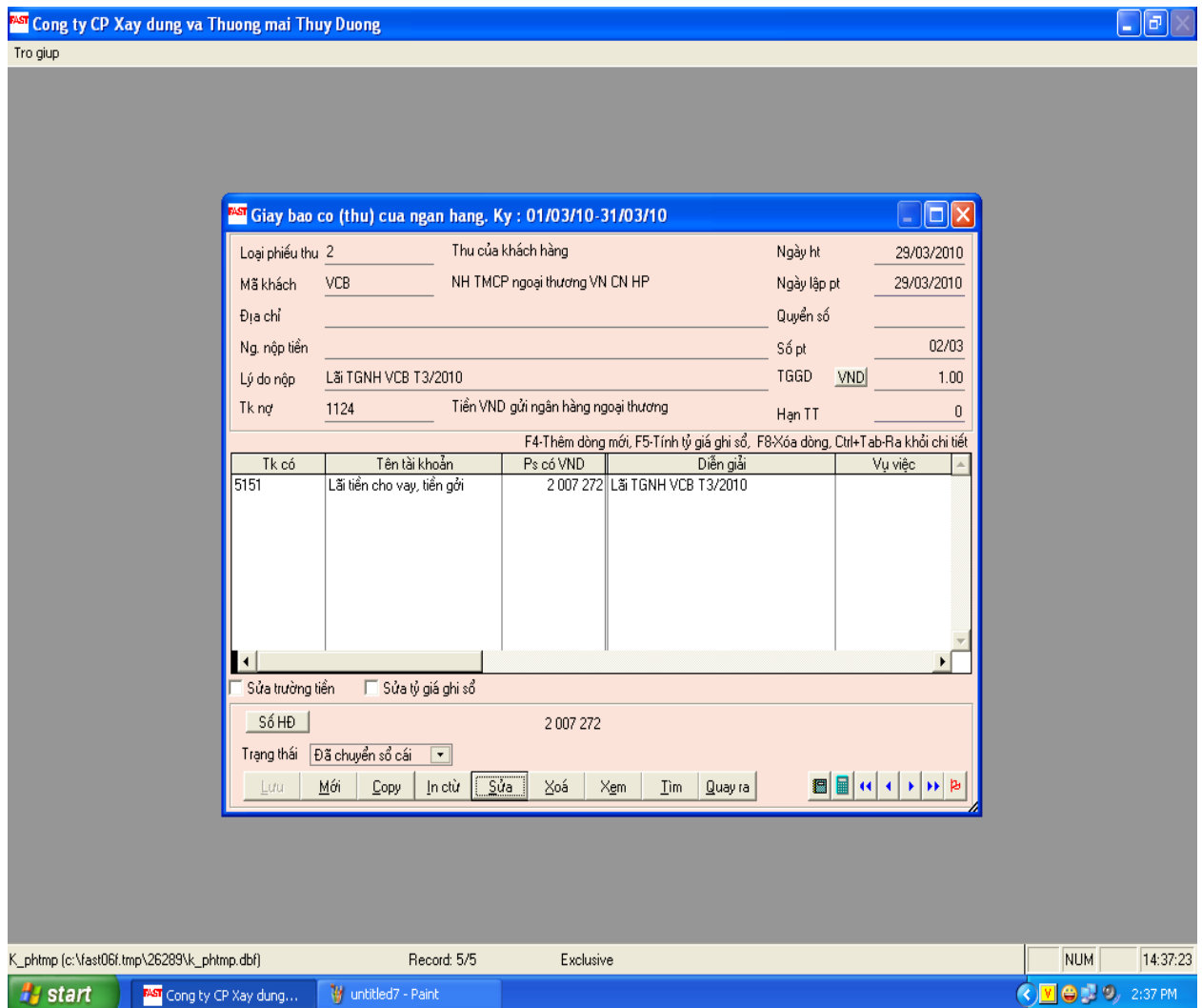
Tk	Ps có	Diễn giải	Vụ việc	Ps có vnd
131	66 695 858.00	TT tiền điện, nước Cty Mega		66 695 858

Summary information: Số chứng từ: 5, Tổng phát sinh: 70 772 799.00 / 70 772 799, 18/05/2011, Text.

Buttons: Lưu, Mới, Copy, In cũ, Sửa, Xóa, Xem, Tìm, Quay ra.

Tiếp tục chọn “Mới” rồi điền đầy đủ thông tin vào hộp thoại sau

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Ví dụ 3 Ngày 09/03/2010 Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Thùy Dương thanh toán tiền dịch vụ bảo vệ tháng 2/2010 cho công ty TNHH DV BV Vạn Phong .

Chúng từ : Hóa đơn GTGT do công ty TNHH DV BV Vạn Phong lập kèm giấy đề nghị thanh toán do người trực tiếp gửi hóa đơn viết..

Ủy nhiệm chi do kế toán lập.

Giấy báo Nợ và sổ phụ do ngân hàng cung cấp.

Kết thúc tháng 2/ 2010, công ty TNHH DV BV Vạn Phong xuất hóa đơn GTGT yêu cầu công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Thùy Dương thanh toán chi phí dịch vụ phát sinh trong tháng.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

<b>HOÁ ĐƠN</b>	Mẫu số: 01 GTGT- 3LL				
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>	RG/2009B				
Liên2: Giao khách hàng	0020465				
Ngày 28 tháng 02 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH DVBV Vạn Phong.....					
Địa chỉ: .....Số 49 Nguyễn Trãi, Ngô Quyền Hải Phòng.....					
Số tài khoản:.....					
Điện thoại.....MST.....0200664216.....					
Họ tên người mua hàng: ..					
Tên đơn vị: ..... Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Thùy Dương.....					
Địa chỉ: ..... Số 374,lô 22 Lê Hồng Phong, Đông Khê, Hải Phòng.....					
Số tài khoản: .....					
Hình thức thanh toán: ... Chuyển khoản.....MST..... 0200743429.....					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1x2
1	Dịch vụ bảo vệ T2/2010				28 800 000
Cộng tiền hàng					28 800 000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT		2 880 000	
Tổng cộng tiền thanh toán					31 680 000
Số tiền viết bằng chữ: <i>Ba mươi một triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng chẵn..</i>					
Người mua hàng ( Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng ( Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị ( Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

Đồng thời với việc gửi hóa đơn GTGT, công ty TNHH DV BV Vạn Phong phải viết giấy đề nghị thanh toán và gửi tới cho kế toán trưởng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG & THƯƠNG MẠI THÙY DƯƠNG

Số 519A- TD Business Center-Lô 20-Lê Hồng Phong-Ngô Quyền-HP

ĐT: 3722228 – Fax: 3722229

## GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Kính gửi : \_Tổng Giám Đốc Công ty

\_Phòng Hành chính- Kế toán

Tôi tên là : Nguyễn Hoàng Long

Bộ phận công tác : Công ty TNHH DV BV Vạn Phong

Xin thanh toán số tiền : 31 680 000

Bằng chữ : Ba một triệu sáu trăm tám mươi ngàn đồng chẵn.

Về việc : Thanh toán dịch vụ bảo vệ tháng 2/2010

Kính trình Tổng Giám Đốc Công ty phê duyệt

**Trân trọng cảm ơn !**

Ngày 1 tháng 3 năm 2010

**Tổng Giám Đốc**

**Kế toán trưởng**

**Người đề nghị**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Sau khi nhận được hóa đơn GTGT kèm giấy đề nghị thanh toán do Công ty TNHH DVBV Vạn Phong cung cấp, kế toán trưởng sẽ xem xét, cân đối với số tiền công ty đang có rồi quyết định thanh toán.

Ở ví dụ này, đến ngày 09/03/2010 kế toán trưởng mới ký duyệt thanh toán tiền dịch vụ cho công ty TNHH DVBV Vạn Phong qua tài khoản của công ty tại Ngân hàng Thương mại Cổ Phần Á Châu.

Sau khi nhận lệnh của kế toán trưởng, kế toán thanh toán tiến hành lập Ủy nhiệm chi theo mẫu riêng của Ngân hàng ACB.

	A	B	C	D	E	F	G	H	I	J
1			<b>ỦY NHIỆM CHI</b>		SỐ: .....				41	
2	CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN THỦ, ĐIỆN			Lập ngày:	25/05/2011					
3	Tên đơn vị trả tiền:	Cty CP xây dựng & thương mại Thủy Dương.				PHẦN ĐO NGHỊ				
4	Số tài khoản:	71937989				TÀI KHOẢN NỢ				
5	Tại Ngân hàng:	ACB PGD TD Plaza Hải phòng								
7	Tên đơn vị nhận tiền:	Cty CP khảo sát thiết kế xây dựng công trình								
8	Số tài khoản:	102010000239039								
9	Tại ngân hàng:	Công thương VN - CN Quang Trung Hà Nội								
11	Số tiền bằng chữ:	(Chín mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi tám ngàn tám trăm bốn mươi tám đồng.)								
12						Số tiền bằng số:				
13	Nội dung thanh toán:	T/ứ nốt theo quyết toán giai đoạn HD 11/HD-KT				VND 93.478.848.00				
16	Đơn vị trả tiền		Ngân hàng A		Ngân hàng B					
17	Kế toán	Chủ tài khoản	Ghi sổ ngày .....		Ghi sổ ngày: .....					
18					Kế toán	Trưởng phòng kế toán				



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

<b>ỦY NHIỆM CHI</b>		<b>Số 45</b>	
CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN THU, ĐIỆN		Lập ngày:	
09/03/2010		<b>PHẦN DO NH GHI TÀI KHOẢN NỢ</b>	
Tên đơn vị trả tiền : Cty CP xây dựng và thương mại Thùy Dương			
Số tài khoản	71937989	<b>Số tiền bằng số VND 31,680,000</b>	
Tại ngân hàng:	ACB PGD TD Plaza Hải Phòng		
Tên đơn vị nhận tiền:	Cty TNHH DVBV Vạn Phong		
Số tài khoản:	100.431100.00000016.1		
Tại ngân hàng	Vietcom bank – CN Tô Hiệu- Hải Phòng		
Số tiền bằng chữ : ( Ba mươi một triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng chẵn)			
Nội dung thanh toán : Dịch vụ bảo vệ tháng 2/2010			
Đơn vị trả tiền Kế toán                      Chủ tài khoản		Ngân hàng A Ghi số ngày 09/03/2010	Ngân hàng B Ghi số ngày..... Kế toán                      Trưởng phòng kế toán

Ủy nhiệm chi sẽ được in thành 2 liên, 1 liên sẽ do ngân hàng lưu giữ, 1 liên sẽ do kế toán giữ lại, kẹp vào bộ chứng từ. Ngân hàng sẽ tiến hành chuyển khoản trả tiền theo yêu cầu của công ty. Sau đó sẽ gửi giấy báo nợ kèm sổ phụ tới công ty, lúc này kế toán mới thực hiện cập nhật số liệu vào phần mềm kế toán.

Chọn “Giấy báo Nợ ( chi) của ngân hàng”, và làm tương tự như đối với khoản phát sinh tăng tiền gửi.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Cong ty CP Xây dựng và Thương mại Thủy Dương

Tro giúp

Giấy bao nợ (chỉ) của ngân hàng. Kỳ : 01/03/10-31/03/10

Loại phiếu chi 9      Khác      Ngày ht / /

Giấy bao nợ (chỉ) của ngân hàng. Kỳ : 01/03/10-31/03/10

Ngày chi	Số chữ	Tổng tt	Tỷ giá	Tổng tt vnd	Mã kh	Tên kh	Mã đơn vị	Tk
29/03/20	08.1/03M	500 000 000.00	1.00	500 000 000	TNG	Chi cục thuế quận Ngô C.TD		1121
29/03/20	08.2/03M	50 000.00	1.00	50 000	ACB	Ngân hàng thương mại C.TD		1121
30/03/20	09.1/03M	400 000 000.00	1.00	400 000 000	TNG	Chi cục thuế quận Ngô C.TD		1121
30/03/20	09.2/03M	10 000.00	1.00	10 000	ACB	Ngân hàng thương mại C.TD		1121
30/03/20	09.3/03M	18 302.00	1.00	18 302	ACB	Ngân hàng thương mại C.TD		1121

Tk	Ps nợ	Diễn giải	Vụ việc	Ps nợ vnd
33311	500 000 000.00	Nộp thuế GTGT T12/09		500 000 000

Số chứng từ: 5      Tổng phát sinh      900 071 184.00 / 900 071 1 | 18/05/2011 | Text

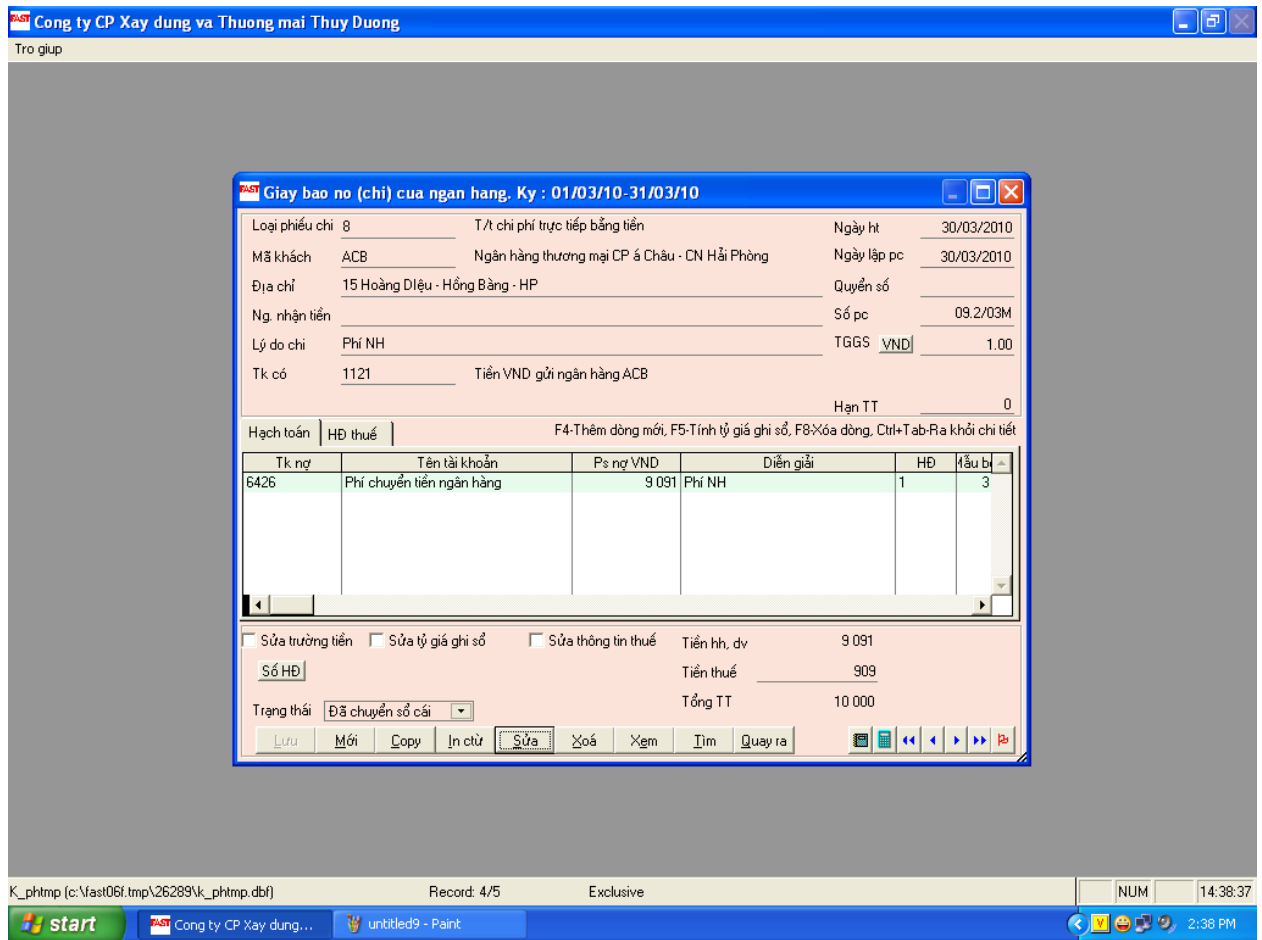
Trạng thái: Đã chuyển số cái      Tổng tt: 500 000 000.00

Lưu    Mới    Copy    In chữ    Sửa    Xóa    Xem    Tìm    Quay ra

K\_phtml (c:\Vast06f.tmp\26289\k\_phtml.dbf)      Record: 1/5      Exclusive      NUM      14:37:51

start    Cong ty CP Xây dựng...    untitled0 - Paint      2:37 PM

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



- Sổ quỹ tài khoản 112

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Cong ty CP Xây dựng và Thương mại Thủy Dương

Tro giúp

\\192.168.1.11\HP Lase

So quy: Tk 112. F7 - In, Esc - Quay ra

	Ngay_ct	la_ct	So_ct	Ong_ba	Ma_kh	Ten_kh	Diện_giải	Tk_du	Ps_no	Ps_co	Ma_vv
	///						Số dư nợ đầu kỳ:		1 461 572 621		
	///						Tổng phát sinh trong kỳ:		1 652 702 411	2 911 603 886	
	///						Số dư nợ cuối kỳ:		202 671 146		
	///										
	02/03/201	UNC	01.1/03	Nguyễn Hải Lưu	TĐCO	Công ty CP XD&TM Thủy	TT lương nhân viên T2/2010	3341		155 708 450	
	02/03/201	UNC	01.2/03		ACB	Ngân hàng thương mại C	Phi chuyển lương	13311		6 000	
	02/03/201	UNC	01.2/03		ACB	Ngân hàng thương mại C	Phi chuyển lương	6426		60 000	
	02/03/201	BC	01/03		PS	Cty TNHH Parkson Hải F	Thu tiền điện, nước Parson	131	501 213 038		
	03/03/201	BC	01/03M		ĐH	Cty TNHH TM Đức Hùng	Chiết khấu tiền mua thiết bị VS	7111	1 912 000		
	04/03/201	UNC	02/03		ACB	Ngân hàng thương mại C	Phi xác nhận số dư	13311		4 545	
	04/03/201	UNC	02/03		ACB	Ngân hàng thương mại C	Phi xác nhận số dư	6426		45 455	
	05/03/201	BC	02/03M		MG	Cty truyền thông Megast	MeGa TT tiền điện, nước	131	78 497 500		
	08/03/201	UNC	03.1/03		VANTHANG	Cty CP sản xuất & thương	TT tiền thuê vận tháng T1/2010	13311		2 090 909	
	08/03/201	UNC	03.1/03		VANTHANG	Cty CP sản xuất & thương	TT tiền thuê vận tháng T1/2010	3358		20 909 091	
	08/03/201	UNC	03.2/03		KL	Khách lẻ	TT tiền mua 02 bộ máy tính	13311		1 979 891	
	08/03/201	UNC	03.2/03		KL	Khách lẻ	TT tiền mua 02 bộ máy tính	1531		19 798 909	
	08/03/201	UNC	03.3/03		ACB	Ngân hàng thương mại C	Phi chuyển tiền	13311		909	
	08/03/201	UNC	03.3/03		ACB	Ngân hàng thương mại C	Phi chuyển tiền	6426		9 091	
	08/03/201	UNC	03.4/03		ACB	Ngân hàng thương mại C	Phi chuyển tiền	13311		909	
	08/03/201	UNC	03.4/03		ACB	Ngân hàng thương mại C	Phi chuyển tiền	6426		9 091	
	08/03/201	UNC	03.5/03		ACB	Ngân hàng thương mại C	Phi chuyển tiền	13311		909	
	08/03/201	UNC	03.5/03		ACB	Ngân hàng thương mại C	Phi chuyển tiền	6426		9 091	
	09/03/201	UNC	04.1/03		BVVP	Cty TNHH DVBV Vạn P	TT tiền DVBV Cty Vạn Phong T2	13311		2 880 000	
	09/03/201	UNC	04.1/03		BVVP	Cty TNHH DVBV Vạn P	TT tiền DVBV Cty Vạn Phong T2	6277		28 800 000	
	09/03/201	UNC	04.2/03		BVTD	Cty TNHH TM Tân Đại T	TT tiền DVBV Cty Tân Đại Thành	13311		11 532 000	
	09/03/201	UNC	04.2/03		BVTD	Cty TNHH TM Tân Đại T	TT tiền DVBV Cty Tân Đại Thành	6277		115 320 000	
	09/03/201	UNC	04.3/03		THIENNHA	Cty CP Hiếu Thiện Nhân	TT tiền DVVS T2/2010	13311		610 000	
	09/03/201	UNC	04.3/03		THIENNHA	Cty CP Hiếu Thiện Nhân	TT tiền DVVS T2/2010	6277		6 100 000	
	09/03/201	UNC	04.4/03		ANPHAT	Cty TNHH TM & DV An F	TT tiền DV VS T2/2010 Cty An P	13311		2 689 500	
	09/03/201	UNC	04.4/03		ANPHAT	Cty TNHH TM & DV An F	TT tiền DV VS T2/2010 Cty An P	6277		26 895 000	
	09/03/201	UNC	04.5/03		VANTHANG	Cty CP sản xuất & thương	TT tiền thuê vận tháng T2/2010	13311		2 090 909	
	09/03/201	UNC	04.5/03		VANTHANG	Cty CP sản xuất & thương	TT tiền thuê vận tháng T2/2010	1541		20 909 091	
	09/03/201	UNC	04.5/03		ACB	Ngân hàng thương mại C	Phi MUI	13311		ano	

Tìm kiếm

Glnksc (c:\Vast061.tmp\18791\glnksc.dbf) Record: 94/97 Exclusive NUM 15:42:08

start Cong ty CP Xây dựng... untitled - Paint 3:42 PM

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## 2.2.3 Kế toán các khoản tạm ứng

- Tài khoản : 141 – Tạm ứng
- Chứng từ liên quan : Giấy đề nghị tạm ứng, phiếu thu, phiếu chi.

Tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Thủy Dương, nghiệp vụ tạm ứng tiền cho nhân viên rất hạn chế, chỉ có chủ yếu về tạm ứng cho việc thi công các công trình. Các nghiệp vụ phát sinh khác, thì nhân viên trong công ty trả trước tiền, sau đó về làm đề nghị thanh toán cho phòng kế toán.

Khi các nghiệp vụ liên quan tới tạm ứng phát sinh, kế toán thực hiện trên phần mềm kế toán trong phần “kế toán tiền mặt, tiền gửi và tiền vay”.

- Sổ quỹ tài khoản 141 trong tháng 3/2010

Ngày_ct	Ma_ct	So_ct	Org_ba	Ma_kh	Ten_kh	Diễn_giải	Tk_du	Ps_no	Ps_co	Ma_vv
//						Số dư nợ đầu kỳ:		2 583 473 000		
//						Tổng phát sinh trong kỳ:		23 000 000	233 860 000	
//						Số dư nợ cuối kỳ:		2 372 613 000		
03/03/201	PT	51A	Quách Thị Gân GD	Nguyễn Hải Lưu	A. Lưu hoàn tạm ứng	1111			213 860 000	
03/03/201	PC	142	Nguyễn Thị THINGO	Nguyễn Thị	T/ư tiền dần kính tầng 6	1111	8 000 000			
06/03/201	PT	55	Nguyễn Đức D. DUNG	Nguyễn Đức Dũng	A. Dũng hoàn tạm ứng	1111			5 000 000	
12/03/201	PC	155	Nguyễn Thị THINGO	Nguyễn Thị	T/ư lần 2 dần để can T. tầng 4 & t	1111	15 000 000			
23/03/201	PT	72	Vũ Ngọc Hùng HUNG	Vũ Ngọc Hùng	Chú Hùng hoàn tạm ứng	1111			15 000 000	

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## 2.2.4 Kế toán các khoản thanh toán với người mua

- Tài khoản sử dụng : 131 – Phải thu khách hàng
- Chứng từ liên quan : hóa đơn GTGT, phiếu thu, giấy đề nghị thanh toán, giấy báo có.

Các sản phẩm dịch vụ của Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Thùy Dương chủ yếu là: dịch vụ trông xe theo tháng, theo ngày; dịch vụ cung cấp điện, nước; kinh doanh các căn hộ, văn phòng cho thuê...

Kế toán phải thực hiện theo dõi công nợ một cách chính xác, rõ ràng và chi tiết đối với từng khách hàng.

- Sổ quỹ tài khoản 131

Ngày_ct	la_ct	So_ct	Ong_ba	Ma_kh	Ten_kh	Diem_giai	Tk_du	Ps_no	Ps_co	Ma_vv
02/03/2011	BC	01/03		PS	Cty TNHH Parkson Hải F	Thu tiền điện, nước Parson	1121		5 744 292 110	
03/03/2011	PT	518	Lê Thị Thuý Hà LEHA		Lê Thị Thuý Hà	Thu tiền trông xe ngày 01,02/03/1111			8 325 000	
04/03/2011	PT	52	Lê Thị Thuý Hà LEHA		Lê Thị Thuý Hà	Thu tiền trông xe ngày 03/03			4 075 000	
05/03/2011	BC	02/03M		MG	Cty truyền thông Megastar	MeGa TT tiền điện, nước	1121		78 497 500	
06/03/2011	PT	54	Lê Thị Thuý Hà LEHA		Lê Thị Thuý Hà	Thu tiền trông xe ngày 04,05/03/1111			10 420 000	
08/03/2011	PT	56	Lê Thị Thuý Hà LEHA		Lê Thị Thuý Hà	Thu tiền trông xe ngày 06 & 07/03/1111			16 595 000	
08/03/2011	PKT	01/03		ACB	Ngân hàng thương mại C	ACB mua 03 quyền vé gửi xe máy 33311		54 546		
08/03/2011	PKT	01/03		ACB	Ngân hàng thương mại C	ACB mua 03 quyền vé gửi xe máy 5114		545 454		
09/03/2011	PT	57	Lê Thị Thuý Hà LEHA		Lê Thị Thuý Hà	Thu tiền trông xe ngày 08/03			8 505 000	
09/03/2011	PT	58	Lê Thị Thuý Hà LEHA		Lê Thị Thuý Hà	Thu tiền bán vé tháng trông xe (			17 250 000	
09/03/2011	PKT	02/03		PS	Cty TNHH Parkson Hải F	Phi DV S/d điện, nước parson	33311	37 992 405		
09/03/2011	PKT	02/03		PS	Cty TNHH Parkson Hải F	Phi DV S/d điện, nước parson	5111	390 007 225		
09/03/2011	PKT	03/03		MG	Cty truyền thông Megastar	Phi DV S/d điện nước Mega	33311	5 837 898		
09/03/2011	PKT	03/03		MG	Cty truyền thông Megastar	Phi DV S/d điện nước Mega	5111	60 007 960		
10/03/2011	PT	59	Lê Thị Thuý Hà LEHA		Lê Thị Thuý Hà	Thu tiền vé trông xe ngày 09/03			3 470 000	
11/03/2011	PT	62	Lê Thị Thuý Hà LEHA		Lê Thị Thuý Hà	Thu tiền trông xe ngày 10/03/09			3 195 000	
11/03/2011	PT	63	Quách Thị Gân ACB		Quách Thị Gân ACB	Thu tiền trông 03q vé xe máy ( AC			600 000	
11/03/2011	PKT	04/03		LAN	Nguyễn Văn Lân	Phi DV S/d điện, nước căn hộ M	33311	148 169		
11/03/2011	PKT	04/03		LAN	Nguyễn Văn Lân	Phi DV S/d điện, nước căn hộ M	5111	1 610 555		
11/03/2011	PKT	05/03		DUONG	Nguyễn Hữu Dương	Phi DV S/d điện, nước căn hộ M	33311	102 270		
11/03/2011	PKT	05/03		DUONG	Nguyễn Hữu Dương	Phi DV S/d điện, nước căn hộ M	5111	1 079 405		
11/03/2011	PKT	06/03		THINH	Cty CP thứ liệu & VT hải	Phi DV S/d điện, nước căn hộ M	33311	100 529		
11/03/2011	PKT	06/03		THINH	Cty CP thứ liệu & VT hải	Phi DV S/d điện, nước căn hộ M	5111	1 036 221		
12/03/2011	PT	64	Lê Thị Thuý Hà LEHA		Lê Thị Thuý Hà	Thu tiền trông xe ngày 11/03/2011			3 445 000	
12/03/2011	BC	03/03		PS	Cty TNHH Parkson Hải F	Parson TT tiền điện, nước	1121		472 307 444	
16/03/2011	BC	04/03		PS	Cty TNHH Parkson Hải F	Parson TT tiền điện, nước	1121		427 999 630	
17/03/2011	PT	65	Lê Thị Thuý Hà LEHA		Lê Thị Thuý Hà	Thu tiền trông xe ngày 12,13,14,1111			19 235 000	
18/03/2011	PT	66	A. Dương	DUONG	Nguyễn Hữu Dương	A. Dương thanh toán tiền điện n	1111		1 181 675	
18/03/2011	PT	66	Lê Thị Thuý Hà LEHA		Lê Thị Thuý Hà	Thu tiền trông xe ngày 16,17,18/03/1111			10 630 000	

(kèm theo sổ chi tiết công nợ của 1 khách hàng)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## 2.2.5 Kế toán các khoản thanh toán với người bán

- Tài khoản sử dụng: 331 – Phải trả người bán.
- Chứng từ liên quan: hóa đơn GTGT, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy đề nghị thanh toán do người bán cung cấp.

Đối với kế toán các khoản phải trả người bán, kế toán cần theo dõi chi tiết, chính xác theo từng người bán.

- Sổ quỹ tài khoản 331

Ngày_ct	la_ct	So_ct	Org_ba	Ma_kh	Ten_kh	Diên_giải	Tk_du	Ps_no	Ps_co	Ma_vv
//	//					Số dư có đầu kỳ:			6 517 820 999	
//	//					Tổng phát sinh trong kỳ:		349 444 040	702 779 000	
//	//					Số dư có cuối kỳ:			6 871 155 959	
10/03/201	UNC	05.1/03		GIAMINH	Cty CP Gia Minh	T/ư 40% HĐ số 04-HP/GM-TD	1121	49 155 040		
17/03/201	UNC	05.2/03M		TIT	Cty CP công nghệ tin học	T/ư tiền HĐ số 79/HBKT	1121	113 716 000		
19/03/201	UNC	06.1/03M		KDTM	TT kiểm định kỹ thuật an	TT phí kiểm định thang máy	1121	42 000 000		
19/03/201	UNC	06.2/03M	Quách Thị Gấm	VEXE	Cty CP tin học & công nghệ	TT tiền in vé xe máy	1121	42 900 000		
22/03/201	UNC	07.1/03M		GIAMINH	Cty CP Gia Minh	T/ư 40% HĐ số 06-HP/GM-TD	1121	101 673 000		
30/03/201	PKT	11/03		GREE	Cn Cty CP điện Gree	Cty Gree xuất HĐ hợp đồng điều	13311		27 525 364	
30/03/201	PKT	11/03		GREE	Cn Cty CP điện Gree	Cty Gree xuất HĐ hợp đồng điều	1541		275 253 636	
30/03/201	PKT	12/03		PPD	Cty CP PPD - Xí nghiệp k	Cty CP PPD xuất HĐ hợp đồng s	13311		36 363 636	
30/03/201	PKT	12/03		PPD	Cty CP PPD - Xí nghiệp k	Cty CP PPD xuất HĐ hợp đồng s	3358		363 636 364	

( kèm theo sổ chi tiết công nợ của 1 khách hàng)

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

2.2.6 Kế toán các khoản phải trả công nhân viên; các khoản phải trả, phải nộp khác; các khoản ứng trước

- Tài khoản sử dụng: 334 – Phải trả người lao động.

338 – Phải trả, phải nộp khác.

242 – Chi phí trả trước dài hạn.

2.2.6.1 Kế toán các khoản phải trả người lao động, phải trả phải nộp khác.

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Thùy Dương thực hiện trả lương cho nhân viên qua hệ thống thẻ ATM do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu cung cấp.

Các khoản trích theo lương tại Công ty được tính dựa theo “**BẢNG LƯƠNG ÁP DỤNG ĐÓNG BHXH, BHYT, BHTN CHO TOÀN CÔNG TY**” .

Công ty áp dụng tính tỷ lệ các khoản trích theo lương như sau:

	BHXH	BHYT	BHTN
Doanh nghiệp chịu	16%	3%	1%
Người LĐ chịu	6%	1,5%	1%
Tổng cộng	22%	4,5%	2%



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Sổ quỹ tài khoản 334

ASST Cong ty CP Xây dựng và Thương mại Thủy Dương

Tro giúp

ASST So quy: Tk 334. F7 - In, Esc - Quay ra

	Ngay_ct	la_ct	So_ct	Ong_ba	Ma_kh	Ten_kh	Diem_giai	Tk_du	Ps_no	Ps_co	Ma_vv
	/ /						Số dư có đầu kỳ:			233 853 401	
	/ /						Tổng phát sinh trong kỳ:		290 590 351	274 701 360	
	/ /						Số dư có cuối kỳ:			217 964 410	
	02/03/2011	UNC	01.1/03	Nguyễn Hải Lư	TDCO	Công ty CP XD&TM Thủy	TT lương nhân viên T2/2010	1121	155 708 450		
	02/03/2011	PC	135	Lý Thời Mai	MAI	Lý Thời Mai	TT lương cô Mai T2/2010	1111	6 100 000		
	03/03/2011	PC	137	Quách Thị Gấm	GAM	Quách Thị Gấm	TT lương đợt 1 Tháng 2 cho 02	1111	2 200 000		
	10/03/2011	UNC	05.2/03	Nguyễn Hải Lư	TDCO	Công ty CP XD&TM Thủy	TT lương T2/2010	1121	69 786 651		
	25/03/2011	UNC	06.1/03	Nguyễn Hải Lư	TDCO	Công ty CP XD&TM Thủy	TT lương T3/2010	1121	48 230 000		
	31/03/2011	PC	197	Quách Thị Gấm	GAM	Quách Thị Gấm	TT lương Phùng Văn Tú - lễ tân	1111	731 500		
	31/03/2011	PKT	14/03				Chi phí lương T3/2010	6271		122 501 360	
	31/03/2011	PKT	14/03				Chi phí lương T3/2010	6322		111 700 000	
	31/03/2011	PKT	14/03				Chi phí lương T3/2010	6421		40 500 000	
	31/03/2011	PKT	15/03				Chi phí BHXH trừ lương nhân viên	3383	7 833 750		

20/135 Ma\_kh: DUNG NUM 15:45:20

start Cong ty CP Xây dựng... untitled111 - Paint New Folder 3:45 PM

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Sổ quỹ tài khoản 338

Cong ty CP Xây dựng và Thương mại Thủy Dương

Tro giúp

\192.168.1.11\HP Lase

So quy: Tk 338. F7 - In, Esc - Quay ra

	Ngày_ct	Ma_ct	So_ct	Org_ba	Ma_kh	Ten_kh	Diện_giai	Tk_du	Ps_no	Ps_co	Ma_vv
	/ /						Số dư có đầu kỳ:			30 554 928	
	/ /						Tổng phát sinh trong kỳ:		31 653 150	1 124 306 150	
	/ /						Số dư có cuối kỳ:			1 123 207 928	
	/ /										
	06/03/201	PT	53	Hoàng Vĩnh Hù KL		Khách lẻ	Đặt cọc tiền thi công công trình	1111		20 000 000	
	11/03/201	PT	61	Lê Minh Thắng GIAMINH		Cty CP Gia Minh	Nộp tiền đặt cọc thi công công tr	1111		10 000 000	
	11/03/201	PC	153	A. Thắng GIAMINH		Cty CP Gia Minh	Trả lại tiền đặt cọc thi công công	1111	10 000 000		
	19/03/201	UNC	06.3/03M		BHXH	Bảo hiểm xã hội quận N	TT tiền BHXH, BHYT, BHTN T2/	1121	21 653 150		
	19/03/201	PT	67	Lê Minh Thắng GIAMINH		Cty CP Gia Minh	Thu tiền đặt cọc gia công nội th	1111		20 000 000	
	31/03/201	PT	79	Quách Thị Gầm GAM		Quách Thị Gầm	Vay tiền nhập quỹ ( 40 cây ) ( 1 c.	1111		1 048 000 000	
	31/03/201	PKT	15/03				Chi phí BHXH trả lương nhân viên	3341		7 833 750	
	31/03/201	PKT	16/03				Chi phí BHXH T3/2010	6421		18 472 400	

9/12 Ngày\_ct: / /

NUM 15:46:12

start Cong ty CP Xây dựng... untitled335 - Paint New Folder 3:46 PM

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## 2.2.6.2 Kế toán chi phí trả trước

- Tài khoản sử dụng: 242 – Chi phí trả trước dài hạn  
( Công ty không hạch toán chi phí trả trước ngắn hạn )

Các chi phí trả trước dài hạn phát sinh tại Công ty chủ yếu là về phân bổ chi phí công cụ, dụng cụ theo từng quý.

- Sổ quỹ tài khoản 242

+	Ngay_ct	Ia_ct	So_ct	Ong_ba	Ma_kh	Ten_kh	Dien_giai	Tk_du	Ps_no	Ps_co	Ma_vv
	//						Số dư nợ đầu kỳ:		315 271 180		
	//						Tổng phát sinh trong kỳ:			59 681 989	
	//						Số dư nợ cuối kỳ:		255 589 191		
	31/03/201	PKT	18/03				Phân bổ CCDC vào chi phí quý 1	6424		59 681 989	

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## 2.2.6.3 Kế toán các khoản phải nộp nhà nước

- Tài khoản sử dụng: 333 - Thuế và các khoản phải nộp nhà nước.

Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Thủy Dương phải nộp các loại thuế là thuế GTGT, thuế TNDN.

- Sổ quỹ tài khoản 333

Cong ty CP Xây dựng và Thương mại Thủy Dương

Tro giúp

So quy: Tk 333. F7 - In, Esc - Quay ra

Ngày_ct	la_ct	So_ct	Ong_ba	Ma_kh	Ten_kh	Diem_giai	Tk_du	Ps_no	Ps_co	Ma_vv
/ /						Số dư có đầu kỳ:			4 521 522 769	
/ /						Tổng phát sinh trong kỳ:		2 118 965 102	111 151 591	
/ /						Số dư có cuối kỳ:			2 513 709 258	
08/03/201	PKT	01/03		ACB	Ngân hàng thương mại	ACB mua 03 quyển vé gửi xe máy	131		54 546	
09/03/201	PKT	02/03		PS	Cty TNHH Parkson Hải F	Phi DV S/d điện, nước parson	131		37 992 405	
09/03/201	PKT	03/03		MG	Cty truyền thông Megast	Phi DV S/d điện nước Mega	131		5 837 898	
11/03/201	PKT	04/03		LAN	Nguyễn Văn Lân	Phi DV S/d điện, nước căn hộ M	131		148 169	
11/03/201	PKT	05/03		DUONG	Nguyễn Hữu Dương	Phi DV S/d điện, nước căn hộ M	131		102 270	
11/03/201	PKT	06/03		THINH	Cty CP thứ liệu & VT hải	Phi DV S/d điện, nước căn hộ M	131		100 529	
23/03/201	PKT	07/03		PS	Cty TNHH Parkson Hải F	Phi DV sử dụng điện Parson	131		44 964 074	
23/03/201	PKT	08/03		MG	Cty truyền thông Megast	Phi DV S/d điện Cty Mega	131		6 966 245	
29/03/201	UNC	08.1/03M		TNG	Chi cục thuế quận Ngô C	Nộp thuế GTGT T12/09	1121	500 000 000		
29/03/201	PKT	09/03		MG	Cty truyền thông Megast	Vé gửi xe máy ( T4 ) Mega	131		77 273	
30/03/201	UNC	09.1/03M		TNG	Chi cục thuế quận Ngô C	Nộp thuế GTGT T12/09	1121	400 000 000		
30/03/201	PKT	10/03		OTO	Công ty ô tô Ngôi Sao Việ	Cty ô tô ngôi sao thuê mặt bằng t	131		700 000	
31/03/201	PC	193	Quách Thị Gân	TNG	Chi cục thuế quận Ngô C	Nộp thuế GTGT T12/09	1111	1 022 528 017		
31/03/201	PKT	13/03		LEHA	Lê Thị Thuý Hà	Vé trông xe T3/2010	131		14 208 182	
31/03/201	PKT	17/03				K/c 133 sang 333.1	13311	196 437 085		

1/126 Ma\_Tc: NUM 15:08:19

start Cong ty CP Xây dựng... My Pictures Inbox - Microsoft Out... 3:08 PM

### **CHƯƠNG 3 Một vài nhận xét và kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Thùy Dương**

Qua thời gian tìm hiểu, nghiên cứu và tiếp cận thực tế công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Thùy Dương, cùng với sự hướng dẫn của Tiến sĩ Lê Văn Liên, em xin có một vài ý kiến nhận xét như sau.

#### **✚ Ưu điểm**

- Về tổ chức bộ máy kế toán: Bộ máy kế toán tại công ty được tổ chức có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng. Cán bộ phòng kế toán đều là những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, được bố trí công việc hợp lý, phù hợp với năng lực của từng người. Không những thế, các cán bộ kế toán tại công ty còn không ngừng học hỏi, nâng cao kiến thức để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao phó.

- Về hệ thống chứng từ, sổ sách kế toán: việc xây dựng hệ thống chứng từ, sổ sách, tài khoản của công ty được vận dụng đúng theo chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành. Chứng từ được sắp xếp và lưu giữ một cách hợp lý, chính xác, rõ ràng theo từng nghiệp vụ thực tế phát sinh. Hệ thống sổ và báo cáo tài chính được in theo từng kỳ kế toán, được lưu giữ đầy đủ và cẩn thận.

- Về kế toán vốn bằng tiền: Kế toán công ty đã phản ánh chính xác, kịp thời những khoản thu, chi và tình hình còn lại của từng loại vốn bằng tiền, kiểm tra và quản lý nghiêm ngặt các loại vốn bằng tiền nhằm đảm bảo an toàn cho tiền tệ, phát hiện và ngăn ngừa các hiện tượng tham ô và lợi dụng tiền mặt trong kinh doanh, Thường xuyên đối chiếu, kiểm tra sổ quỹ tiền mặt do kế toán lưu giữ với sổ quỹ do thủ quỹ quản lý, kiểm tra đối chiếu sổ quỹ tiền gửi với sổ phụ của ngân hàng.

- Về công tác theo dõi công nợ: kế toán tại công ty đã quản lý chi tiết, chặt chẽ các khoản phải thu, phải trả theo từng đối tượng khách hàng. Hàng năm, trước khi lập báo cáo tài chính, Công ty luôn gửi thư xác nhận công nợ tới từng khách hàng nhằm đảm bảo số liệu chính xác, đầy đủ.

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

- Về ứng dụng công nghệ: Hiện nay công ty đang sử dụng phần mềm kế toán Fast Accounting. Phần mềm kế toán này được thiết kế phù hợp với đặc điểm hạch toán kế toán tại công ty, do đó giúp cho việc hạch toán và theo dõi chi tiết các khoản thanh toán rõ ràng, chính xác.

### **🚩 Nhược điểm và kiến nghị**

\* Qua thời gian tìm hiểu thực tế, em nhận thấy hiện tại công ty không trích dự phòng phải thu khó đòi (TK 139). Nguyên nhân có thể do công ty mới thành lập, và thực tế từ lúc thành lập đến nay chưa hề phát sinh khoản nợ khó đòi nào. Tuy nhiên, với xu hướng ngày càng phát triển và mở rộng của công ty thì trong tương lai khó tránh xảy ra trường hợp có khách hàng chậm trả nợ, gây khó khăn trong việc quay vòng vốn của công ty. Do đó, em xin có ý kiến như sau: Công ty nên trích lập dự phòng phải thu khó đòi để có thể dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra nhằm dự đoán và hạn chế tối đa rủi ro trong kinh doanh. Việc Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo Điều 6 Thông tư 288/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009. Nội dung như sau:

1. Điều kiện: là các khoản nợ phải thu khó đòi đảm bảo các điều kiện sau:

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.

Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.

- Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

+ Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng ...) đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

### 2. Phương pháp lập dự phòng:

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

+ 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết ... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

\* Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu

-NV1: Cuối kỳ kế toán hoặc cuối kỳ kế toán giữa niên độ (đối với doanh nghiệp có lập báo cáo tài chính giữa niên độ), doanh nghiệp căn cứ các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được (Nợ phải thu khó đòi), kế toán tính, xác định số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập hoặc hoàn nhập. Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí, ghi

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi.

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

-NV2: Nếu số dự phòng phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí, ghi:

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (Chi tiết hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi).

-NV3: Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được được phép xóa nợ. Việc xóa nợ các khoản nợ phải thu khó đòi phải theo chính sách tài chính hiện hành. Căn cứ vào quyết định xóa nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi, ghi:

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi (Nếu đã lập dự phòng)

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp (Nếu chưa lập dự phòng)

Có TK 131 - Phải thu của khách hàng

Có TK 138 - Phải thu khác.

Đồng thời ghi vào bên Nợ TK 004 “Nợ khó đòi đã xử lý” (Tài khoản ngoài Bảng Cân đối kế toán).

-NV4: Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được, ghi:

Nợ các TK 111, 112, . . .

Có TK 711 - Thu nhập khác.

Đồng thời ghi vào bên Có TK 004 “Nợ khó đòi đã xử lý” (Tài khoản ngoài Bảng Cân đối kế toán).



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

-NV5: Các khoản nợ phải thu khó đòi có thể được bán cho Công ty mua, bán nợ. Khi doanh nghiệp hoàn thành thủ tục bán các khoản nợ phải thu (đang phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán) cho Công ty mua, bán nợ và thu được tiền, ghi:

Nợ các TK 111, 112, . . . (Số tiền thu được từ việc bán khoản nợ phải thu)

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi (Số chênh lệch được bù đắp bằng khoản dự phòng phải thu khó đòi)

Nợ các TK liên quan (Số chênh lệch giữa giá gốc khoản nợ phải thu khó đòi với số tiền thu được từ bán khoản nợ và số đã được bù đắp bằng khoản dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của chính sách tài chính hiện hành)

Có các TK 131, 138, . . .

### 3. Xử lý khoản dự phòng:

- Khi các khoản nợ phải thu được xác định khó đòi, doanh nghiệp phải trích lập dự phòng theo các quy định tại điểm 2 Điều này; nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dư dự phòng nợ phải thu khó, thì doanh nghiệp không phải trích lập;

- Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải trích thêm vào chi phí quản lý doanh nghiệp phần chênh lệch;

- Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 4. Xử lý tài chính các khoản nợ không có khả năng thu hồi:

a) Nợ phải thu không có khả năng thu hồi bao gồm các khoản nợ sau:

- Đối với tổ chức kinh tế:

+ Khách nợ đã giải thể, phá sản: Quyết định của Tòa án tuyên bố phá sản doanh nghiệp theo Luật phá sản hoặc quyết định của người có thẩm quyền về giải thể đối với doanh nghiệp nợ, trường hợp tự giải thể thì có thông báo của đơn vị hoặc xác nhận của cơ quan quyết định thành lập đơn vị, tổ chức.

+ Khách nợ đã ngừng hoạt động và không có khả năng chi trả: Xác nhận của cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc tổ chức đăng ký kinh doanh về việc doanh nghiệp, tổ chức đã ngừng hoạt động không có khả năng thanh toán.

- Đối với cá nhân phải có một trong các tài liệu sau:

+ Giấy chứng tử (bản sao) hoặc xác nhận của chính quyền địa phương đối với người nợ đã chết nhưng không có tài sản thừa kế để trả nợ.

+ Giấy xác nhận của chính quyền địa phương đối với người nợ còn sống hoặc đã mất tích nhưng không có khả năng trả nợ.

+ Lệnh truy nã hoặc xác nhận của cơ quan pháp luật đối với người nợ đã bỏ trốn hoặc đang bị truy tố, đang thi hành án hoặc xác nhận của chính quyền địa phương về việc khách nợ hoặc người thừa kế không có khả năng chi trả.

b) Xử lý tài chính:

Tồn thất thực tế của từng khoản nợ không thu hồi được là khoản chênh lệch giữa nợ phải thu ghi trên sổ kế toán và số tiền đã thu hồi được (do người gây ra thiệt hại đền bù, do phát mại tài sản của đơn vị nợ hoặc người nợ, do được chia tài sản theo quyết định của tòa án hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác...).

Giá trị tồn thất thực tế của khoản nợ không có khả năng thu hồi, doanh nghiệp sử dụng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi, quỹ dự phòng tài chính (nếu có) để bù đắp, phần chênh lệch thiếu hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản nợ phải thu sau khi đã có quyết định xử lý, doanh nghiệp vẫn phải theo dõi riêng trên sổ kế toán và được phản ánh ở ngoài bảng cân đối kế toán trong thời hạn tối thiểu là 10 năm, tối đa là 15 năm kể từ ngày thực hiện xử lý và tiếp tục

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

có các biện pháp để thu hồi nợ. Nếu thu hồi được nợ thì số tiền thu hồi sau khi trừ các chi phí có liên quan đến việc thu hồi nợ, doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập khác.

c) Khi xử lý khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi doanh nghiệp phải lập hồ sơ sau:

- Biên bản của Hội đồng xử lý nợ của doanh nghiệp. Trong đó ghi rõ giá trị của từng khoản nợ phải thu, giá trị nợ đã thu hồi được, giá trị thiệt hại thực tế (sau khi đã trừ đi các khoản thu hồi được).

- Bảng kê chi tiết các khoản nợ phải thu đã xóa để làm căn cứ hạch toán, biên bản đối chiếu nợ được chủ nợ và khách nợ xác nhận hoặc Bản thanh lý hợp đồng kinh tế hoặc xác nhận của cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp, tổ chức hoặc các tài liệu khách quan khác chứng minh được số nợ tồn đọng và các giấy tờ tài liệu liên quan.

- Sổ kế toán, chứng từ, tài liệu chứng minh khoản nợ chưa thu hồi được, đến thời điểm xử lý nợ doanh nghiệp đang hạch toán nợ phải thu trên sổ kế toán của doanh nghiệp.

d) Thẩm quyền xử lý nợ:

Hội đồng quản trị (đối với doanh nghiệp có Hội đồng quản trị) hoặc Hội đồng thành viên (đối với doanh nghiệp có Hội đồng thành viên); Tổng giám đốc, Giám đốc (đối với doanh nghiệp không có Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên) hoặc chủ doanh nghiệp căn cứ vào Biên bản của Hội đồng xử lý, các bằng chứng liên quan đến các khoản nợ để quyết định xử lý những khoản nợ phải thu không thu hồi được và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật, đồng thời thực hiện các biện pháp xử lý trách nhiệm theo chế độ hiện hành.

**\*\*** Bên cạnh việc công ty không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi, em còn nhận thấy công ty chỉ theo dõi khoản chi phí trả trước dài hạn mà không theo dõi khoản chi phí trả trước ngắn hạn. Thực tế tại công ty cho thấy có những công cụ dụng cụ có giá trị kinh tế không cao, thời gian sử dụng ngắn (khoảng 1 đến 2 tháng). Theo ý kiến của riêng em, kế toán công ty nên xem xét hạch toán chi phí

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

của số công cụ dụng cụ trên vào chi phí trả trước ngắn hạn, nhằm đảm bảo lợi ích kinh tế mà các công cụ dụng cụ đem lại không lớn hơn chi phí bỏ ra.

\*\*\*Song song với việc theo dõi chi tiết, rõ ràng chính xác các loại vốn bằng tiền, các khoản thanh toán thì việc phân tích các chỉ số liên quan đến kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán cũng không kém phần quan trọng. Nhưng đây lại là một mảng yếu mà công ty cần khắc phục. Cuối năm, kế toán công ty chỉ lập báo cáo tài chính mà không chủ động phân tích các chỉ số liên quan giúp lãnh đạo doanh nghiệp tìm ra những điểm mạnh, điểm yếu nhằm phát huy thế mạnh và khắc phục yếu điểm để doanh nghiệp ngày càng phát triển hơn. Do cuối năm công ty không phân tích các chỉ số liên quan nên em xin mạnh dạn phân tích một vài chỉ tiêu liên quan trực tiếp đến công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2010	Năm 2009	Chênh lệch
1	Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	<b>1,779</b>	<b>0,924</b>	<b>0,855</b>
2	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	Lần	<b>0,178</b>	<b>0,678</b>	<b>-0,5</b>
3	Vòng quay các khoản phải thu	Lần	<b>7,94</b>	<b>2,93</b>	<b>5,01</b>
4	Vòng quay các khoản phải trả	Lần	<b>1,547</b>	<b>0,723</b>	<b>0,824</b>

Qua bảng số liệu trên ta có thể thấy các chỉ số trong bảng đều có xu hướng tăng lên, duy chỉ có hệ số khả năng thanh toán nhanh là giảm đi 0,5 so với năm 2009. Để tìm hiểu kỹ hơn về các chỉ số trên ta đi phân tích theo từng chỉ số như sau:

- Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn: hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn năm 2010 là 1,779 tăng 0,855 lần so với năm 2009. Hệ số này cho biết khả năng hoàn trả các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp bằng tài sản ngắn hạn hiện có. Hệ số này càng cao chứng tỏ khả năng trả nợ của doanh nghiệp càng lớn. Nếu hệ số này nhỏ hơn 1 thì doanh nghiệp có khả năng không hoàn thành được nghĩa vụ

## **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

---

trả nợ của mình khi tới hạn. Tỷ lệ này cho phép hình dung ra chu kỳ hoạt động của công ty xem có hiệu quả không, hoặc khả năng biến sản phẩm thành tiền mặt có tốt không. Theo số liệu tính toán được, khả năng thanh toán ngắn hạn của 2 năm 2009 và 2010 đều rất khả quan. Điều này chứng tỏ doanh nghiệp có uy tín trong việc thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.

### **Tổng Tài sản lưu động và Đầu tư ngắn hạn**

**(loại A, tài sản)**

---

**Hệ số thanh toán ngắn hạn =**

**Tổng Nợ ngắn hạn**

**(loại A, mục I, nguồn vốn)**

- Hệ số khả năng thanh toán nhanh: hệ số khả năng thanh toán nhanh được tính theo công thức sau:

### **Tổng Vốn bằng tiền và tương đương tiền**

**+đầu tư NH+Các khoản phải thu NH**

**(loại A, mục I, II, III tài sản)**

---

**Hệ số thanh toán nhanh =**

**Tổng Nợ ngắn hạn**

**(loại A, Mục I, nguồn vốn)**

Trong công thức này, hàng tồn kho và các khoản chi phí trả trước không được đưa vào do nó khó có thể chuyển thành tiền mặt một cách nhanh chóng. Có thể nói khả năng thanh toán nhanh là một hệ số khắt khe hơn nhiều so với hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn. Hệ số này bằng 1 là lý tưởng nhất, điều đó chứng tỏ doanh nghiệp có khả năng thanh toán tốt, lành mạnh. Qua tính toán, hệ số khả năng thanh toán nhanh của doanh nghiệp năm 2010 là 0,178 giảm 0,5 so với năm 2009. Ta dễ dàng nhận thấy sự chênh lệch không nhỏ giữa hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh ( năm 2010 các hệ số này lần lượt bằng 1,779 và 0,178). Nguyên nhân của sự chênh lệch trên là do trong năm doanh nghiệp đã mua lại tòa tháp A thuộc tòa nhà Thùy Dương Plaza trị giá 160.000.000.000 đồng cho mục đích bán trong tương lai gần. Với việc mua lại lượng hàng hóa có giá trị lớn trên công ty rõ ràng đang gặp khó khăn trong việc thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Trong 2 năm 2009 và 2010, hệ số khả năng thanh toán nhanh của doanh nghiệp đều nhỏ hơn 1( năm 2009 là 0,678; năm 2010 là 0,178) cho thấy càng ngày khả năng thanh toán của doanh nghiệp càng kém đi, không đảm bảo thanh toán nhanh chóng nợ tới

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

hạn. Đồng thời nhận thấy doanh nghiệp đang dự trữ khá nhiều hàng tồn kho, và nếu số hàng tồn kho này không được bán một cách nhanh chóng doanh nghiệp sẽ dễ dàng bị rơi vào tình trạng ứ đọng vốn.

- Vòng quay các khoản phải thu: Vòng quay các khoản phải thu phản ánh tốc độ biến đổi các khoản phải thu thành tiền mặt. Hệ số này là một thước đo quan trọng để đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, được tính bằng cách lấy doanh thu trong kỳ chia cho số dư bình quân các khoản phải thu trong kỳ.

**Vòng quay các khoản phải thu = Doanh thu / bình quân các khoản phải thu**

Hệ số vòng quay các khoản phải thu của năm 2010 là 7,94 tăng 5,01 lần so với năm 2009. Hệ số này càng lớn chứng tỏ tốc độ thu hồi nợ của doanh nghiệp càng nhanh, khả năng chuyển đổi các khoản nợ phải thu sang tiền mặt cao, điều này giúp cho doanh nghiệp nâng cao luồng tiền mặt, tạo ra sự chủ động trong việc tài trợ nguồn vốn lưu động trong kinh doanh.

- Vòng quay các khoản phải trả: Chỉ số vòng quay các khoản phải trả phản ánh khả năng chiếm dụng vốn của doanh nghiệp đối với nhà cung cấp. Chỉ số vòng quay các khoản phải trả quá thấp có thể ảnh hưởng không tốt đến xếp hạng tín dụng của doanh nghiệp. Công thức tính chỉ số vòng quay các khoản phải trả như sau:

**Vòng quay các khoản phải trả = Doanh số mua thường niên/ Bình quân các khoản phải trả**

Theo lý thuyết thì hệ số này càng nhỏ thì doanh nghiệp chiếm dụng vốn càng lâu, tuy nhiên nếu nhỏ quá thì sẽ gây lo ngại cho các nhà cung cấp trong việc chấp nhận cho doanh nghiệp trong việc mua chậm trả hoặc ảnh hưởng không tốt đến xếp hạng tín dụng của doanh nghiệp. Vòng quay các khoản phải trả của năm 2010 là 1,547 tăng 0,824 so với năm 2009. Điều này cho thấy doanh nghiệp thanh toán các khoản nợ ngày càng tốt. Tạo dựng được uy tín và lòng tin đối với các nhà cung cấp. ( phần này e không hiểu rõ lắm nên không biết phân tích thêm ra sao)

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

→ Như vậy qua phân tích các chỉ số liên quan tới công tác kế toán vốn bằng tiền và các khoản thanh toán, ta có thể thấy nhìn thấy được phần nào khả năng tài chính của doanh nghiệp, điều đó giúp cho các nhà đầu tư có thể đưa ra các quyết định đầu tư đúng đắn, đồng thời giúp doanh nghiệp rút ra được kinh nghiệm trong sản xuất kinh doanh, nhằm đưa doanh nghiệp ngày càng phát triển và có chỗ đứng trong thị trường.

## KẾT LUẬN

Trong thời gian thực tế tìm hiểu hoạt động công tác kế toán vốn bằng tiền tại công ty đã cho thấy: Tuy còn tồn tại một vài hạn chế nhưng nhìn chung kế toán công ty đã cung cấp những thông tin đầy đủ chính xác kịp thời về tình hình sản xuất, phản ánh chính xác, đầy đủ tình hình thu chi, tồn quỹ cho Ban lãnh đạo công ty, điều đó đã giúp ban lãnh đạo nắm bắt tình hình sản xuất, kịp thời đưa ra biện pháp chỉ đạo đúng đắn.

Qua thời gian thực tập tại công ty, em đã phần nào nắm bắt được tầm quan trọng của kế toán trong quá trình nghiên cứu kết hợp giữa lý thuyết và tìm hiểu thực tế.

Những nội dung em trình bày ở trên là một bước đầu khám phá thực tế và vận dụng kiến thức đã học trong bốn năm học ở trường đã phần nào giúp em nhận thức được trong lĩnh vực kế toán và công tác kế toán nói chung tại các doanh nghiệp. Với tầm nhìn của một sinh viên chưa có kinh nghiệm nhiều trong công tác hạch toán kế toán cùng với những đánh giá, nhận xét mang tính chủ quan cá nhân, em sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự đóng góp, tham gia góp ý của các thầy cô giáo nhằm giúp em hoàn thiện hơn nữa bài khóa luận trên. Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn Tiến sĩ Lê Văn Liên và toàn thể các thầy, cô giáo trong trường đã truyền thụ cho em những kiến thức thật sự bổ ích.

Sinh viên

Nguyễn Thị Mai Hương



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán quyền 1 và quyền 2 – Bộ Tài Chính ban hành.
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ - Bộ Tài chính – Nhà xuất bản thống kê – 2006.
3. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam – Năm 2006.
4. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính – TS. Nguyễn Văn Công – Nhà xuất bản tài chính- 7/2001.
5. Một số luận văn tốt nghiệp khác.